

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

HÀ NỘI - 2019

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTC:	Báo cáo tài chính
BKS:	Ban Kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CNTT:	Công nghệ thông tin
Công ty:	Công ty cổ phần Vicostone
CTCP:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
ĐVT:	Đơn vị tính
HĐQT:	Hội đồng quản trị
KTNB:	Kiểm toán nội bộ
LNST:	Lợi nhuận sau thuế
PTGD:	Phó Tổng Giám đốc
QTRR:	Quản trị rủi ro
TGD:	Tổng Giám đốc
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ:	Tài sản cố định
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
USD:	Đô la Mỹ
UBND:	Ủy ban Nhân dân
Vicostone:	Công ty cổ phần Vicostone
VNĐ:	Việt Nam đồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	4
THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
TÂM NHÌN	6
SỨ MỆNH	6
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC	6
GIÁ TRỊ CỐT LÕI	6
ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN	7
DẤU ÁN VICOSTONE GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2014 - 2018)	8
DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 2014 – 2018	9
TỔNG QUAN VỀ VICOSTONE	11
1. Thông tin chung về Vicostone.....	11
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	12
3. Sản phẩm, công nghệ sản xuất và thị trường.....	12
4. Mô hình quản trị, cơ cấu nhân sự và bộ máy quản lý.....	15
5. Quản trị rủi ro	25
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	32
1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản 2014 – 2018.....	32
2. Tổng quan tình hình kinh tế năm 2018.....	36
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	41
QUẢN TRỊ CÔNG TY	75
I. Báo cáo của Hội đồng quản trị	75
1. Hoạt động của HĐQT năm 2018.....	75
2. Tổng kết hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ 2014 – 2019	84
3. Định hướng chiến lược 2019 - 2024.....	94
II. Báo cáo của Ban Kiểm soát	94
1. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018.....	94
2. Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2014 – 2019.....	104
3. Phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ 2019 – 2024	107
QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	107
Thông tin cổ đông.....	107
Tình hình thực hiện công tác Quan hệ cổ đông trong năm 2018.....	110
Kế hoạch hoạt động Quan hệ cổ đông trong năm 2019.....	111
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	112
Cam kết về phát triển bền vững.....	112
Gắn kết các bên liên quan.....	112
Quy tắc ứng xử của Vicostone với các bên liên quan.....	117
Hoạt động phát triển bền vững nổi bật năm 2018.....	119
Đảm bảo hệ thống quản trị để phát triển bền vững.....	119
Trách nhiệm với sản phẩm	120
Trách nhiệm với môi trường.....	128
Trách nhiệm với cộng đồng.....	137
Phát triển nguồn nhân lực bền vững	138
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (ĐÃ KIỂM TOÁN)	145

LỜI MỞ ĐẦU

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Vicostone được soạn thảo theo hướng dẫn tại Phụ lục số 04, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các thông tin phân tích, dự báo trong Báo cáo thường niên này phản ánh quan điểm, đánh giá của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo và có thể khác so với kết quả thực tế bởi nhiều nguyên nhân nằm ngoài khả năng kiểm soát hoặc dự báo của Công ty; do đó những phân tích, đánh giá, quan điểm nêu tại Báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Vicostone sẽ nỗ lực hết sức, nhưng không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung Báo cáo, cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được Báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc không còn chính xác.

Các thông tin, số liệu trong Báo cáo này được tổng hợp từ các khảo sát trong ngành vật liệu xây dựng nói chung và ngành đá ốp lát nhân tạo nói riêng được công bố rộng rãi bởi các bên thứ 3 như: Houzz (một trong những website và cộng đồng trực tuyến hàng đầu về kiến trúc, thiết kế nội thất, trang trí và cải tạo nhà cửa), Freedonia (công ty chuyên về nghiên cứu thị trường tại Mỹ). Báo cáo của các tổ chức này trình bày những dữ liệu, ý kiến hoặc quan điểm nghiên cứu được phát triển độc lập trên cơ sở của nhiều nguồn thông tin khác nhau, bao gồm: báo cáo tài chính của các nhà sản xuất, báo cáo thống kê của các quốc gia, thông cáo báo chí, tạp chí công nghiệp, và các bài phỏng vấn với các nhà sản xuất VLXD (bao gồm ngành đá ốp lát nhân tạo và các sản phẩm cạnh tranh), các nhà phân phối, các hiệp hội thương mại... Đây là các nguồn thông tin có độ tin cậy khá cao, tuy nhiên Vicostone cũng không thẩm định lại và cũng không đủ nguồn lực để thẩm định lại số liệu thu thập được từ bên thứ ba, do đó cũng không thể bảo đảm tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Các thông tin dự báo trong Báo cáo này bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Tổng quan thị trường và nhu cầu sử dụng đá nhân tạo gốc thạch anh;
- Khả năng các sản phẩm mang thương hiệu VICOSTONE® đáp ứng yêu cầu của khách hàng;
- Đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất;
- Các chỉ số tài chính được dự báo trong năm 2019;
- Một số định hướng phát triển 2019 – 2024.

Bất kỳ dự báo lạc quan nào về thị trường và khả năng kinh doanh của Công ty nêu trong Báo cáo này đều không có nghĩa là lời đảm bảo của Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh trong tương lai. Kết quả thực tế đạt được trong năm 2019 có thể khác so với những thông tin dự báo được thể hiện trong các nội dung nêu trên do những biến động, rủi ro, bất trắc mà Công ty không thể lường trước và không thể kiểm soát được.

Từ những lưu ý trên, Vicostone khuyến nghị các nhà đầu tư chỉ nên coi các thông tin hay dự báo trong Báo cáo thường niên này là một trong những nguồn thông tin tham khảo trước khi đưa ra quyết định đầu tư mà không phải là lời đề nghị, gợi ý hay chào mua cổ phiếu của Công ty.

Trong mọi trường hợp Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng,

Năm 2018 đánh dấu sự kết thúc giai đoạn 5 năm 2014 – 2018 với kết quả ấn tượng. Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) của doanh thu và lợi nhuận trước thuế của giai đoạn này tương ứng đạt mức gần 30% và 80%. Cổ tức bằng tiền chi trả hàng năm trong giai đoạn này đạt mức cao, từ 20% đến 40%. Đây là mức cao so với trung bình thị trường ngành vật liệu xây dựng nói riêng và thị trường chứng khoán Việt nam nói chung trong bối cảnh kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp.

Nhìn lại chặng đường 5 năm, HĐQT Công ty Vicostone đánh giá cao sự nỗ lực hết mình của toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì lợi ích của người lao động và cổ đông, định hình rõ nét văn hóa Vicostone luôn trách nhiệm, tận tâm, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu mọi thử thách, nhờ đó hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu tăng trưởng mà Đại hội nhiệm kỳ 2014 – 2019 đặt ra về tăng trưởng kép hàng năm 20% trong 5 năm. Sự thành công của giai đoạn này đạt được là nhờ Ba yếu tố cốt lõi. **Một là**, Vicostone duy trì sự dẫn dắt và vị thế khác biệt trên thị trường dựa trên sự đầu tư đúng đắn vào công nghệ. Công nghệ tiên tiến được áp dụng toàn diện trên cả hai khía cạnh quản trị và sản xuất kinh doanh. Sự đầu tư lớn cho công nghệ và nghiên cứu khoa học đã mang lại hiệu quả rõ nét và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững dài hạn. **Hai là**, Vicostone đặt trọng tâm vào công tác phát triển con người, cung cấp cho họ cơ hội phát triển bản thân và sự nghiệp. Công ty không ngừng thu hút thêm nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo thành công đội ngũ lãnh đạo kế cận lứa tuổi 30 đến 45, sở hữu năng lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh quốc tế, cùng khả năng hội nhập và thích ứng nhanh. **Ba là**, Vicostone thực hiện chiến lược nâng cao tỷ lệ nội địa hoá nguồn nguyên liệu đầu vào, đạt được vị thế chủ động trước các diễn biến khó kiểm soát trên thị trường.

Với những thành công và bài học kinh nghiệm của giai đoạn vừa qua, trong giai đoạn 5 năm kế tiếp 2019 – 2024, **Khác biệt và Sáng tạo công nghệ để Phát triển bền vững** sẽ vẫn là một trong những định hướng chiến lược cốt lõi trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh. Công nghệ chính là phương tiện tối ưu để biến trí tuệ, khát vọng, đam mê của người Vicostone thành những sản phẩm, dịch vụ thực sự có giá trị gia tăng, sáng tạo cao và nhân văn cho khách hàng và xã hội.

Trong quá trình phát triển, sự đồng hành của quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, các cơ quan thông tấn báo chí và những người lao động tại Vicostone chính là động lực để chúng tôi không ngừng sáng tạo, cải tiến, duy trì vai trò tiên phong tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho xã hội và đảm bảo kinh doanh phát triển bền vững.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và lời tri ân sâu sắc nhất tới tất cả các Quý vị. Chúc cho một thế giới hòa bình, mọi người có sức khỏe tốt, luôn vui vẻ, hạnh phúc và chia sẻ với nhau nhiều hơn.

Trân trọng cảm ơn,

Hồ Xuân Năng

Chủ tịch HĐQT

TÂM NHÌN

Trở thành Top 3 thương hiệu đá thạch anh bằng việc không ngừng phát triển, cải tiến và áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới để tạo ra những sản phẩm đá thạch anh giàu tính nghệ thuật, độc đáo và truyền cảm hứng cho mọi đối tượng.

SỨ MỆNH

Hiện thực hóa mọi cam kết, luôn tiên phong sáng tạo để mang đến những sản phẩm có giá trị nghệ thuật độc đáo, dẫn đầu xu hướng với chất lượng hàng đầu, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng và truyền cảm hứng sáng tạo trong cuộc sống của họ.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Lấy sản xuất công nghiệp là kinh doanh cốt lõi, vật liệu sinh thái và sản phẩm công nghệ cao là mũi nhọn, tăng dần tỷ trọng tham gia chuỗi cung ứng cho các sản phẩm công nghệ cao.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đáng tin cậy

Vicostone là địa chỉ tin cậy về mọi mặt với một văn hoá đã được kiểm chứng **“Làm những gì đã nói”**, luôn luôn **“Hiện thực hoá mọi cam kết”** dựa trên nền tảng:

- Nguồn nhân lực có kiến thức, tài năng, trách nhiệm, đam mê, sáng tạo, dám nghĩ dám làm.
- Coi sự hài lòng và tin tưởng của mọi nhân viên, khách hàng, cổ đông là mục tiêu hoạt động tối thượng của Vicostone.
- Sử dụng hiệu quả và luôn cập nhật những công nghệ mới nhất, được cải tiến liên tục cả trong sản xuất lẫn quản trị doanh nghiệp.
- Hiệu quả kinh doanh tốt, phát triển bền vững xuất phát từ năng lực tài chính mạnh và công nghệ quản trị tiên tiến.
- Trách nhiệm nghiêm túc với xã hội.

Tiên phong

Về công nghệ mới, vật liệu mới và dẫn dắt xu thế mới trên thị trường, phát triển xanh, bền vững.

Truyền cảm hứng

Vẻ đẹp thiên nhiên tinh tú nhất đã và đang được hội tụ vào sản phẩm VICOSTONE®, từ đó tiếp tục truyền cảm hứng cho các khách hàng để họ tự tin theo đuổi và tạo ra không gian sống theo phong cách riêng của mình.

ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN

- Chất lượng được định hướng bởi khách hàng. Khách hàng mua sản phẩm và dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu và mong muốn của họ với chi phí phù hợp với giá trị sử dụng;
- Sự hoàn hảo về chất lượng toàn diện chỉ có thể đạt được một cách tốt nhất bằng việc phòng ngừa các sự cố hơn là sửa chữa sau khi chúng xuất hiện;
- Quá trình tạo ra sản phẩm và dịch vụ chịu ảnh hưởng bởi hiệu quả công việc của mọi nhân viên. Mỗi nhân viên này là “khách hàng” của nhân viên khác, mỗi công đoạn này lại là “khách hàng” của công đoạn liền kề trước đó và tất cả đều có những ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng; đồng thời các nhân viên có trách nhiệm góp ý lẫn nhau để chất lượng công việc không ngừng được cải thiện;
- Sự hoàn hảo về chất lượng yêu cầu mọi quy trình cần được cải tiến liên tục. Điều này có nghĩa rằng mỗi nhân viên cần liên tục đánh giá xem công việc hiện tại đạt ở mức độ nào và nó có thể trở nên tốt hơn không;
- Con người cung cấp trí tuệ và thực hiện những hành động cần thiết để đưa ra những cải tiến;
- Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp một cách tối ưu, quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững và chuyên nghiệp.

DẤU ẤN VICOSTONE GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2014 - 2018)

1. Tài Chính

- Tổng doanh thu trong giai đoạn 5 năm có tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) tới 30%;
- Lợi nhuận trước thuế trong giai đoạn 5 năm có tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) tới 80%;
- Năm 2018, tổng tài sản đạt 4.404 tỷ đồng gấp 1,66 lần so với năm 2014, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014 - 2018 đạt 13,7%;
- Vốn chủ sở hữu đạt 2.731 tỷ đồng, gấp 3,48 lần so với năm 2014, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014 - 2018 đạt 37,89% (sau khi đã trả tổng cộng 1.068 tỷ đồng cổ tức bằng tiền mặt);
- Chỉ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân ROAE duy trì ở mức cao, từ 22,97% đến 58,38% trong giai đoạn 2014 – 2018;
- Mức cổ tức bằng tiền chi trả hàng năm cao, từ 20% đến 40% trong giai đoạn 2014-2018.

2. Công nghệ

Sau khi hoàn tất giai đoạn làm chủ công nghệ mới (2009 – 2013), giai đoạn 2014 – 2018 là giai đoạn đột phá nhờ cải tiến công nghệ.

- Tiếp tục cho ra mắt thị trường nhiều sản phẩm độc đáo, có tính dẫn dắt thị trường như: sản phẩm Valentino – BQ8660, sản phẩm Arabescato - BQ8912, sản phẩm White Fusion - BQ8825...
- Hoàn thiện công nghệ sản xuất đá nhân tạo sinh thái đi từ dầu thực vật (Bio Resin);
- Nghiên cứu sử dụng bùn thải từ quá trình sản xuất làm nhiên liệu cho vật liệu mới, thân thiện môi trường như: Keo dán đá vữa khô, gạch không nung Geopolyme;
- Nội địa hóa thành công các nguyên liệu đầu vào chủ yếu: Cristobalite thay thế Quartz nhập khẩu;
- Nghiên cứu, tạo ra bí quyết know-how sản xuất nhựa Polyester Resin có tính năng chịu UV;
- Nâng cấp quy mô và trình độ Nghiên cứu Phát triển (R&D) bằng việc thành lập 2 Viện nghiên cứu thuộc Tập đoàn.

3. Định vị

- Ngày 12/08/2014 đánh dấu cột mốc tái cơ cấu quan trọng: Vicostone chính thức trở thành công ty con của CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A (PHENIKAA).
- Xây dựng và triển khai chiến lược thương hiệu và marketing cho Vicostone giai đoạn 5 năm (2017 – 2022) trên quy mô toàn cầu, đạt kết quả rất tốt từ khi triển khai.

4. Hệ thống Sản xuất – Chất lượng – An toàn

Việc áp dụng hệ thống sản xuất WCM - World Class Manufacturing đã mang lại những tiến bộ vượt bậc về công tác sản xuất - chất lượng tại Vicostone.

- Năng suất lao động tăng từ 152,3 USD/người/giờ tăng lên 202,5 USD/người/giờ;
- Tỷ lệ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ và hậu cần đạt 94,2 % (2018);
- Thời gian dừng thiết bị do sửa chữa đã giảm từ 80÷120 giờ (2014) xuống còn 6÷10 giờ (2018);
- Hoạt động bảo trì chuyên nghiệp khiến dịch vụ không xảy ra sự cố;
- Chất lượng sản phẩm không ngừng được cải thiện và tiến tới không có sản phẩm hỏng và sản phẩm khuyết tật. Tỷ lệ phế phẩm từ 4.09 % (2014) còn 2.17 % (2018);
- Liên tục trong 5 năm, tỉ lệ tai nạn lao động là 0.

DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 2014 – 2018

Năm 2018

1. Thương hiệu VICOSTONE® được công nhận là “*Thương hiệu Quốc gia 2018*”, khẳng định vị thế và uy tín của Vicostone trên thị trường nội địa và quốc tế;
2. *Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2018*, khẳng định sản phẩm VICOSTONE® tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu, quy định về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước;
3. Là 01 trong 03 doanh nghiệp Việt Nam thuộc *TOP 200 doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD kinh doanh hiệu quả nhất Châu Á 2018* (Asia’s 200 Best Under A Billion - Top 200) do Tạp chí Forbes Asia bình chọn;
4. Đứng thứ 4 trong *TOP 10 doanh nghiệp vốn hóa trung bình có Báo cáo thường niên tốt nhất* và lọt *TOP 5 doanh nghiệp vốn hóa trung bình có quản trị công ty tốt nhất năm 2018* do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Dragon Capital chứng nhận;
5. *TOP 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2018* do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững trực thuộc VCCI chứng nhận;
6. Đứng thứ 4 trong *TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2018* do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư và Công ty chứng khoán Thiên Việt chứng nhận;
7. *TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018* do Forbes Việt Nam chứng nhận;
8. *TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam* do tổ chức xếp hạng Vietnam Report và báo Vietnamnet chứng nhận;
9. *TOP 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực Hà Nội* đối với sản phẩm đá thạch anh cao cấp theo Quyết định số 6530/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội.

Năm 2017

1. *Huân chương Lao động hạng Nhất* theo Quyết định số 2533/QĐ-CTN, ngày 07/12/2017 của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. *TOP 10 công ty vật liệu xây dựng uy tín năm 2017* do CTCP Báo cáo đánh giá Việt Nam chứng nhận;
3. *TOP 30 báo cáo thường niên tốt nhất năm 2017* do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội, Báo Đầu tư, Công ty Dragon Capital chứng nhận;
4. *TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam* do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư, Công ty chứng khoán Thiên Việt chứng nhận;
5. *TOP 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2017* do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam chứng nhận;
6. *TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất năm 2017* do CTCP Báo cáo đánh giá Việt Nam và Báo VietnamNet chứng nhận;
7. Chứng nhận *Thương hiệu - Nhân hiệu tiêu biểu ngành Xây dựng Việt Nam* lần thứ II do Ban đọc Báo Xây dựng bình chọn.

Năm 2016

1. Cờ thi đua của Bộ Xây dựng tặng “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2016” theo Quyết định số 1682/QĐ-HQHN ngày 30/11/2015;
2. *Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội* “Đã có thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2015” theo Quyết định số 1474/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội;
3. *TOP 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016* do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội chứng nhận, Báo Đầu tư, Công ty Dragon Capital chứng nhận;
4. *TOP 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2015 – 2016* do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chứng nhận;
5. *TOP 30 hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích nhất năm 2016* do Ban Chỉ đạo cuộc vận động Thành phố Hà Nội chứng nhận.
6. *TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững* do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam chứng nhận;
7. *TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam* do Forbes Việt Nam chứng nhận;
8. *TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam* do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư chứng nhận.

Năm 2015

1. Cờ thi đua Chính phủ theo Quyết định số QĐ số 165/QĐ-TTg ngày 26/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. Cờ thi đua xuất sắc Ngành Xây dựng giai đoạn 2010-2015 theo QĐ số 1303/QĐ-BXD ngày 03/11/2015 của Bộ Xây dựng;
3. *Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội*: “Đã có thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2015” theo Quyết định số 1682/QĐ-HQHN ngày 30/11/2015;
4. *TOP 30 doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên được chọn vào ASEAN Stars* do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chứng nhận;
5. *TOP 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2014 – 2015* do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chứng nhận;
6. *TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2015* do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội chứng nhận, Báo Đầu tư, Công ty Dragon Capital chứng nhận;
7. *TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2015* do Forbes Việt Nam chứng nhận;

Năm 2014

3. Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ tặng “Đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua năm 2014” theo Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 13/1/2015 của Thủ tướng chính phủ;
4. Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo Quyết định số: 116/QĐ-TLĐ ngày 13/01/2015 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam;
5. *Bằng khen của Bộ Xây dựng* theo Quyết định số 641/QĐ-BXD ngày 02/06/2015 của Bộ Xây dựng;
6. Chứng nhận của Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam: “Đơn vị tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của công nhân viên chức ngành xây dựng năm 2014” theo Quyết định số 104/QĐ-BXD ngày 26/01/2015;
7. Chứng nhận sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố Hà Nội đối với sản phẩm đá ốp lát cao cấp nhân tạo nguồn gốc thạch anh của Công ty Vicostone do UBND Thành phố Hà Nội chứng nhận;
8. *TOP 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2014* do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội chứng nhận, Báo Đầu tư, Công ty Dragon Capital chứng nhận.

TỔNG QUAN VỀ VICOSTONE

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ VICOSTONE

Vicostone là một trong những nhà sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh hàng đầu trên thế giới. Hệ thống đại lý phân phối sản phẩm của Vicostone đã hiện diện tại khắp các châu lục thế giới. Nhãn hiệu VICOSTONE® đã được bảo hộ tại 60 quốc gia.

- **Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
- **Tên giao dịch:** VICOSTONE JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** VICOSTONE
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 16/04/2018.
- **Vốn điều lệ:** 1.600.000.000.000 đồng (*Một nghìn sáu trăm tỷ đồng*).
- **Địa chỉ:** Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.
- **Điện thoại:** 024 3368 5826 | **Fax:** 024 3368 6652
- **Website:** <http://vicostone.com> | **Email:** quanhecodong@vicostone.com
- **Tên chứng khoán:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Vicostone
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng
- **Mã cổ phiếu:** VCS
- **Số lượng cổ phiếu niêm yết:** 160.000.000 CP tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
- **Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành:** 156.800.000 CP
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 3.200.000 CP

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Ông PHẠM ANH TUẤN
Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại: 024 3368 5826 | Fax: 024 3368 6652
Di động: 0977 150 881

Đơn vị kiểm toán độc lập:

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3831 5100

Thực hiện kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- **Ngày 19/12/2002:** Thành lập Nhà máy Đá ốp lát cao cấp VINACONEX, tiền thân của CTCP Vicostone;
- **Tháng 09/2003:** Chính thức đưa vào vận hành 02 dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo sử dụng chất kết dính xi măng (dây chuyền Terastone) và hữu cơ (dây chuyền Bretonstone) với tổng công suất 920.000 m²/năm;
- **Ngày 01/09/2004:** Xuất khẩu lô hàng đầu tiên sang thị trường Úc, đánh dấu thời kỳ tăng trưởng xuất khẩu liên tục trong những năm tiếp theo;
- **Ngày 02/06/2005,** Vicostone chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức CTCP với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng;
- **Năm 2006:** Một năm sau ngày hoàn thành việc cổ phần hóa, Công ty kinh doanh có lãi, khởi đầu cho sự tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo;
- **Năm 2007:** Niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HASTC) nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 17/12/2007; Tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng;
- **Năm 2008:** Tăng vốn điều lệ lên 129,5 tỷ đồng;
- **Năm 2009:** Được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*; Nghiên cứu và bước đầu ứng dụng công nghệ sản xuất đá nhân tạo sử dụng bio-resin, thân thiện với môi trường; Tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng;
- **Năm 2010:** Đưa vào áp dụng Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP-SAP); Tăng vốn điều lệ lên 210,666 tỷ đồng;
- **Năm 2011:** Hoàn thành đầu tư dây chuyền sản xuất số 2; Tăng vốn điều lệ lên 529,992 tỷ đồng;
- **Năm 2012:** Được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Nhì*;
- **Năm 2013:** Đổi tên thành CTCP Vicostone;
- **Năm 2014:** Thực hiện tái cơ cấu; Trở thành công ty con của CTCP Phụng Hoàng Xanh A&A (nay là CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A);
- **Năm 2015:** Được tặng *Cờ thi đua xuất sắc ngành Xây dựng giai đoạn 2010 - 2015*; Hoàn thiện xây dựng hạ tầng hỗ trợ và triển khai quản trị rủi ro; tích hợp quản trị rủi ro vào tất cả các quy trình hoạt động;
- **Năm 2016:** Được Tổng cục Hải quan công nhận là doanh nghiệp ưu tiên;
- **Năm 2017:** Được Nhà nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng nhất*; Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng.
- **Năm 2018:** Tăng vốn điều lệ lên 1.600 tỷ đồng; Được công nhận là Thương hiệu Quốc gia.

3. SẢN PHẨM, CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG

3.1. Sản phẩm

Sản phẩm đá thạch anh thương hiệu VICOSTONE[®] được sản xuất theo công nghệ tiên tiến nhất hiện nay – Công nghệ rung ép vật liệu trong môi trường chân không (Compaction by Vibrocompression Under Vacuum) có thành phần cốt liệu chính gồm hơn 90% là thạch anh tự nhiên được kết dính bởi nhựa polymer cùng các thành phần tạo màu. Công nghệ tiên tiến kết hợp sự đột phá trong cải tiến cùng những bí quyết công nghệ riêng đã giúp Vicostone tạo ra các sản phẩm có

thiết kế (hoa văn và màu sắc) giống với đá tự nhiên, nhưng có tính chất cơ lý vượt trội hơn hẳn đá tự nhiên và các loại vật liệu ốp lát được sản xuất theo công nghệ khác. Sự phối trộn hài hòa các thành phần nguyên vật liệu và một “know-how” độc đáo đã tạo ra những sản phẩm khác biệt mà các đối thủ cạnh tranh khó có thể sao chép được.

Sản phẩm VICOSTONE® được sử dụng cho các ứng dụng bề mặt trong nhà, bao gồm: mặt bàn bếp, bàn trang điểm, bồn tắm, bồn rửa, tường, quầy bar, sàn nhà và nhiều ứng dụng khác.

Luôn tiên phong và tạo xu thế với những dòng sản phẩm sáng tạo, độc đáo và truyền cảm hứng, mỗi thiết kế sản phẩm VICOSTONE® có thể được ví như một tác phẩm nghệ thuật kết tinh trí thức và tài năng nghiên cứu phát triển cũng như phẩm chất sáng tạo nghệ thuật của các kỹ sư Vicostone. Một số sản phẩm đã làm nên Thương hiệu VICOSTONE® trên phạm vi toàn cầu:

1. Arabescato - BQ8912 (Lấy cảm hứng từ vẻ đẹp của đá cẩm thạch Calacatta trong tự nhiên);
2. Venatino - BQ8660 (Tựa như những cành cây khảnh khiu đang ngả bóng bên bờ hồ Gươm trong một chiều mùa đông);
3. White Fusion - BQ8825 (Chứa đựng vẻ đẹp của những cơn bão vẫn vũ được quan sát bởi những phi hành gia từ trên cao);
4. Misterio - BQ8815 (Vẻ đẹp thanh thoát của rừng cây miền ôn đới ẩn mình trong lớp tuyết trắng tinh khôi);
5. Nero Marquina - BQ8740 (Bức tranh âm thanh và ánh sáng của những tia sét rền vang xé toạc bầu trời và lao thẳng xuống mặt hồ Maracaibo).

3.2. Công nghệ sản xuất

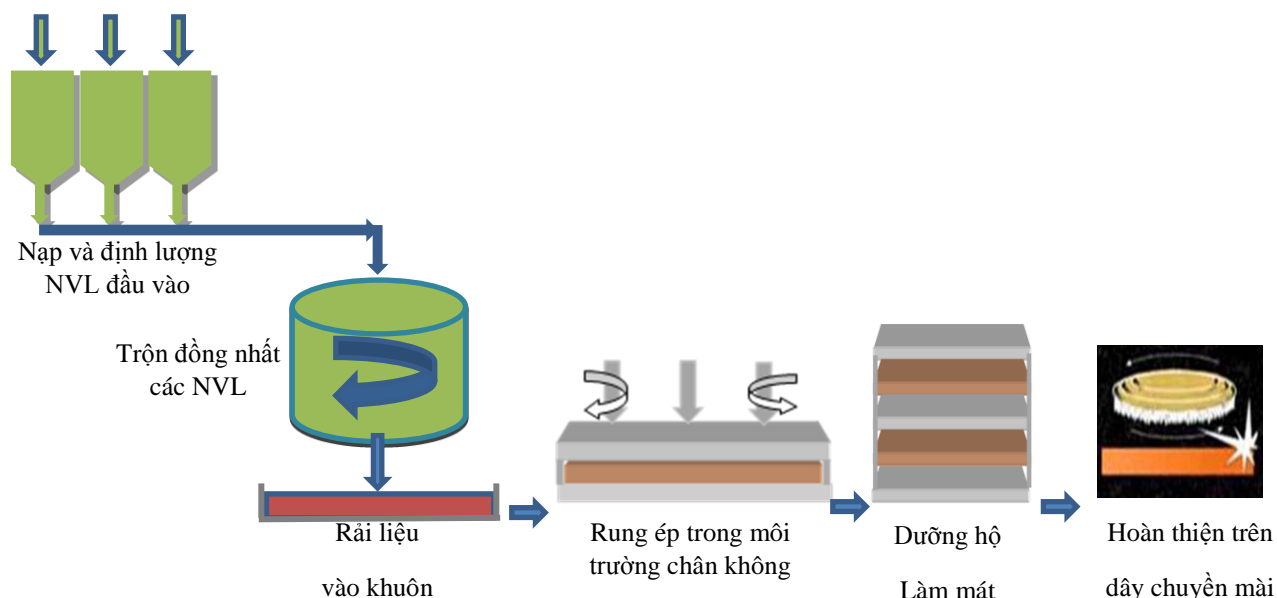
Sản phẩm VICOSTONE® được sản xuất theo công nghệ “**Compaction by Vibrocompresion Under Vacuum**” (Công nghệ rung ép vật liệu trong môi trường chân không), trên cơ sở thiết bị chuyển giao của hãng Breton và sự cải tiến đột phá của đội ngũ kỹ sư công nghệ - thiết bị của Vicostone. Với nền tảng công nghệ tiên tiến và hiện đại có mức độ tự động hóa cao cùng những cải tiến mang tính đột phá, nguyên vật liệu tinh khiết, an toàn tuyệt đối với môi trường và người sử dụng, sản phẩm VICOSTONE® có những ưu điểm vượt trội mà các sản phẩm đá tự nhiên hay nhân tạo được sản xuất theo công nghệ khác không thể có được.

Công nghệ sản xuất đá tấm nhân tạo của Vicostone hoàn toàn thân thiện với môi trường. Hệ thống nước thải tuần hoàn khép kín, không thải ra môi trường. Bùn thải được tái sử dụng để sản xuất các loại vật liệu xây dựng thân thiện khác như: gạch không nung, keo dán đá, gạch block.

Với bản chất là vật liệu composit, sản phẩm VICOSTONE® là loại vật liệu ốp lát không nung với những đặc tính nổi trội như sau:

- Tiết kiệm năng lượng (nhiệt năng) do không phải nung ở nhiệt độ cao như các loại vật liệu ốp lát nhân tạo theo các công nghệ khác;
- Không có khí thải từ quá trình dưỡng hồ như các loại vật liệu ốp lát qua nung khác;
- Tiết kiệm tối đa điện năng do việc dưỡng hồ sử dụng dầu tải nhiệt tuần hoàn và được kiểm soát chính xác thông qua hệ thống kiểm soát hiện đại;
- Tuyệt đối an toàn với người sử dụng do nguyên liệu đầu vào được kiểm tra và đảm bảo an toàn thành phẩm.

Quy trình công nghệ:



3.3. Thị trường

Thành lập năm 2002, từ một doanh nghiệp non trẻ, Vicostone đã không ngừng nỗ lực, vượt qua nhiều khó khăn để trở thành một trong những doanh nghiệp lớn nhất trong ngành sản xuất Quartz Surfaces (đá thạch anh tấm lớn) trên thế giới. Tính đến nay, sản phẩm đá thạch anh của Vicostone đã được xuất khẩu tới hơn 40 quốc gia ở khắp 05 châu lục và được người tiêu dùng tin tưởng, đón nhận.

Hiện nay, doanh thu của VICOSTONE chủ yếu là đến từ hoạt động xuất khẩu, trong đó tập trung vào các thị trường chính bao gồm Bắc Mỹ, Úc và châu Âu - những thị trường khó tính và có yêu cầu khắt khe về sản phẩm. Doanh thu từ các thị trường này chiếm tỷ trọng lên tới 98,8% tổng doanh thu xuất khẩu của VICOSTONE năm 2018.

Các nhà phân phối của Vicostone tại thị trường xuất khẩu đều là các công ty lớn, có năng lực tài chính và rất có uy tín trên thị trường vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Giao hàng nhanh, khả năng phát triển sản phẩm tốt, độc đáo, khác biệt và trên hết là sự cam kết, trách nhiệm của Vicostone đã được các khách hàng, đối tác đánh giá cao và hoàn toàn tin tưởng. Đó cũng là lý do trong những năm vừa qua, hệ thống đại lý phân phối của Vicostone liên tục được duy trì và không ngừng phát triển, cả về chất lượng và số lượng.

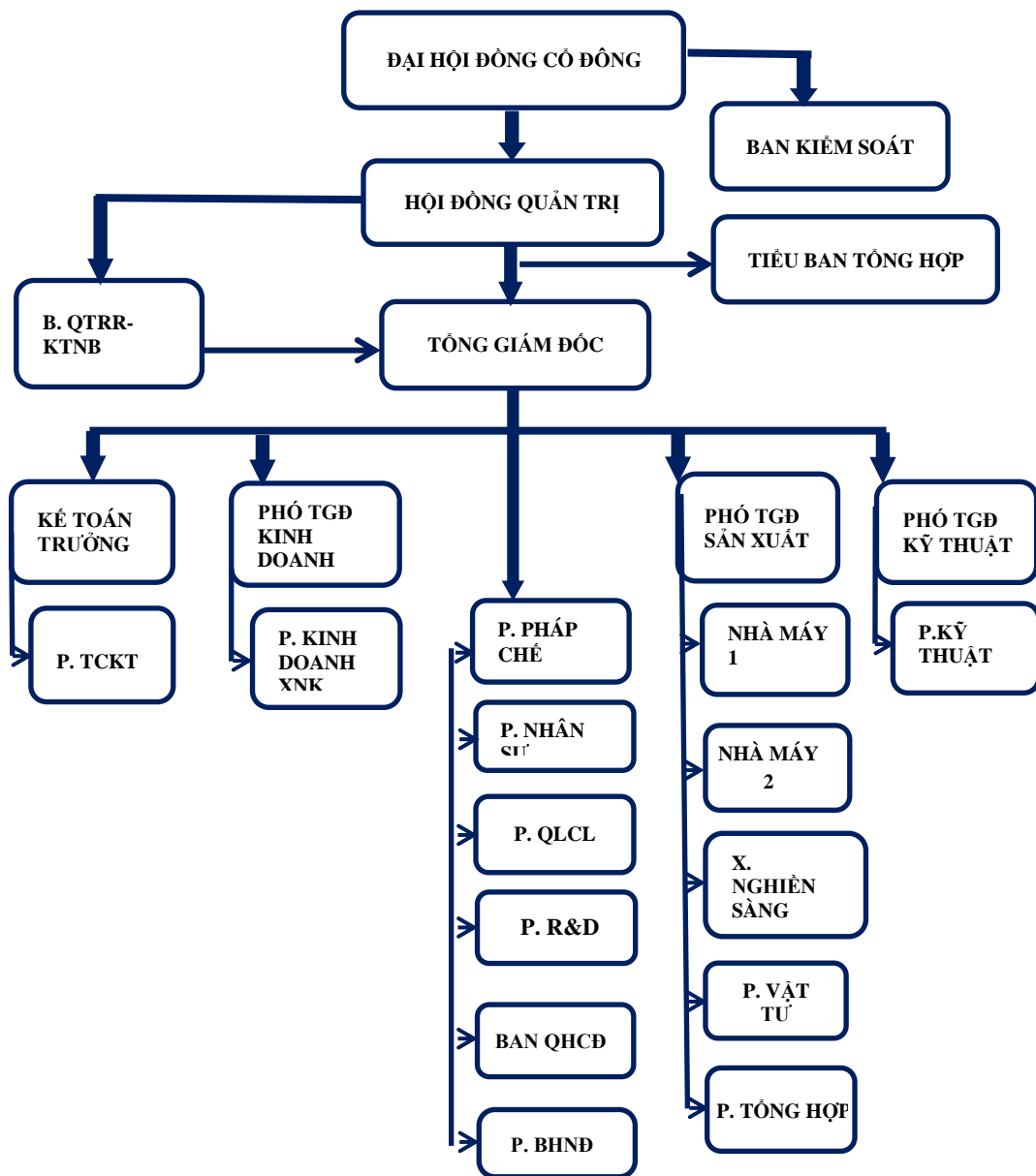
Trong số các thị trường của Vicostone, không thể không kể đến thị trường chiến lược - Bắc Mỹ (bao gồm Mỹ & Canada). Công ty đã thiết lập thành công hệ thống phân phối trực tiếp dưới thương hiệu VICOSTONE® tại khu vực này. Năm 2011, STYLEN QUAZA LLC (VICOSTONE US), công ty bán hàng trực tiếp tại khu vực Bắc Mỹ được thành lập. Tính đến nay, hệ thống bán hàng của VICOSTONE US đã được mở rộng với 04 trung tâm phân phối, trong đó: trụ sở chính đặt tại Dallas (bang Texas) và 03 chi nhánh tại Houston (bang Texas), Chicago (bang Illinois) Atlanta (bang Georgia). Không dừng lại ở đó, hệ thống bán hàng trực tiếp sản phẩm thương hiệu VICOSTONE® tiếp tục được mở rộng sang thị trường Canada với 01 chi nhánh tại Toronto (được đưa vào vận hành từ tháng 3/2016), và 1 chi nhánh tại Montreal, Quebec (hoạt động từ tháng 7/2017), nâng tổng số chi nhánh tại Bắc Mỹ lên con số 7. Năm 2018 là một năm đầy biến động của thị trường Mỹ sau cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp với sản phẩm đá nhân tạo Trung Quốc. Điều này gây những khó khăn lớn cho các nhà sản xuất đá nhân tạo Trung Quốc, đồng thời mở ra cơ hội cho các nhà sản xuất ở các quốc gia

khác như VICOSTONE. Bằng việc thiết lập hệ thống phân phối trực tiếp tại Mỹ, Vicostone sẽ có lợi thế hơn để đón đầu cơ hội này.

Sau nhiều năm chinh phục các thị trường nước ngoài, Vicostone bắt đầu đẩy mạnh phát triển thị trường Việt Nam từ cuối năm 2017 với mục tiêu mang một sản phẩm đẹp, chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn quốc tế đến người tiêu dùng trong nước. Sau một năm mở rộng thị trường và đầu tư bài bản vào các hoạt động truyền thông quảng cáo, Vicostone đã gia tăng được nhận biết thương hiệu, tạo dựng được niềm tin và trở thành lựa chọn của người tiêu dùng trong nước.

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU NHÂN SỰ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. Sơ đồ tổ chức



4.2. Cơ cấu nhân sự

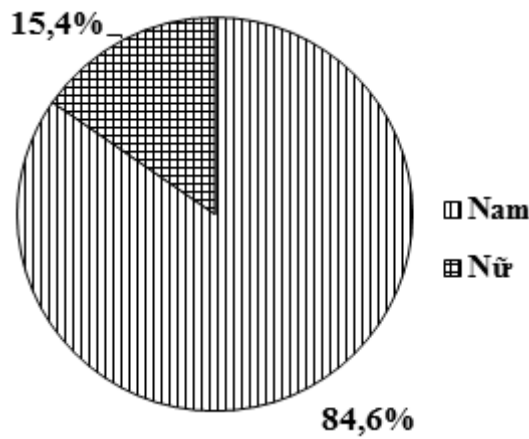
Tổng số lao động của Vicostone tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 682 người. Tỷ lệ lao động trẻ dưới 35 tuổi chiếm 59%. Lực lượng lao động nam là chủ yếu (84,6%), và 94% đã qua đào tạo nghề. Lao động trực tiếp sản xuất chiếm 64,2% tổng số lao động, một tỷ lệ phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng của Vicostone.

Với 29,6% lao động có trình độ Đại học trở lên, 51,03% lao động có trình độ Trung cấp, sơ cấp, kỹ thuật viên, chất lượng lao động đầu vào của Vicostone có nền tảng khá tốt, thuận lợi để sử dụng, bố trí, đào tạo nâng cao đáp ứng yêu cầu và mục tiêu chiến lược của Công ty.

4.2.1. Cơ cấu nhân sự theo trình độ

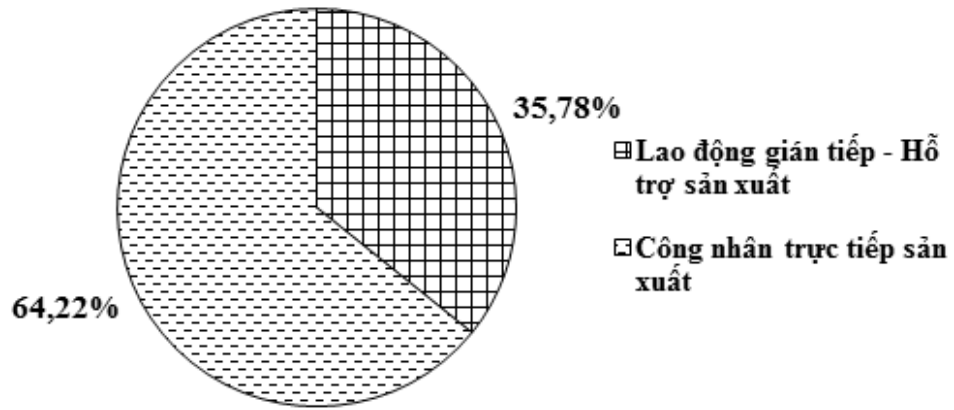
STT	Trình độ	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	08	1,30	10	1,56	10	1,47
2	Đại học	157	25,57	175	27,34	192	28,15
3	Cao đẳng	80	13,03	77	12,03	93	13,64
4	Trung cấp, sơ cấp, CNKT	357	58,14	351	54,84	348	51,03
5	Lao động phổ thông	12	1,95	27	4,22	39	5,72
	Tổng	614	100	640	100	682	100

4.2.2. Cơ cấu lao động theo giới tính



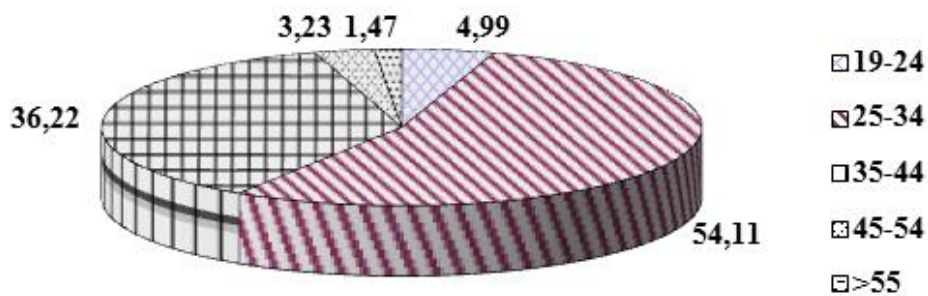
Cơ cấu nhân sự theo giới tính (2018)

4.2.3. Cơ cấu lao động theo tính chất công việc



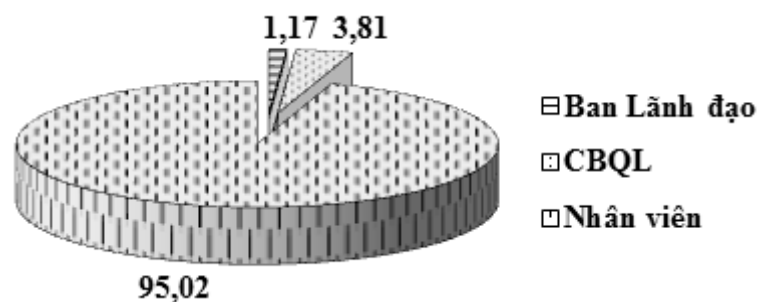
Cơ cấu nhân sự theo tính chất công việc (2018)

4.2.4. Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi (2018)

4.2.5. Cơ cấu lao động theo phân cấp quản lý



Cơ cấu nhân sự theo phân cấp quản lý (2018)

4.3. Bộ máy quản trị

4.3.1. Hội đồng Quản trị Công ty có 5 thành viên:

- Ông Hồ Xuân Năng Chủ tịch
- Ông Phạm Anh Tuấn Thành viên
- Ông Nguyễn Quốc Trường Thành viên
- Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc Thành viên
- Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp Thành viên

Trong đó: Ông Hồ Xuân Năng, ông Nguyễn Quốc Trường và bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc là thành viên không điều hành. Thành viên độc lập là Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp.

Ông Hồ Xuân Năng: Chủ tịch HĐQT

- Sinh ngày: 04/11/1964
- *Trình độ chuyên môn:*
Tiến sĩ Chuyên ngành Cơ khí
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:*
Chủ tịch HĐQT – TGD CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A
Chủ tịch HĐQT CTCP Style Stone
Chủ tịch HĐQT CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT Đại học Phenikaa
Viện trưởng Viện Nghiên cứu & Công nghệ Phenikaa
- *Quá trình công tác:*
Từ 12/06/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Vicostone;
Từ 18/04/2013 - 15/12/2016: TGD CTCP Vicostone;
Từ 18/04/2013 - 12/06/2014: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Vicostone;
Từ tháng 04/2012 - 04/2013: Chủ tịch HĐQT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 03/2007- 03/2012: Chủ tịch HĐQT - TGD CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 06/2005 - 03/2007: Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 07/2004 - 05/2005: Giám đốc Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 01/1999 - 07/2004: Phó chánh văn phòng Tổng công ty Vinaconex;
Từ tháng 03/1996 - 01/1999: Giám đốc chất lượng; Giám đốc sản xuất nhà máy ô tô Ford Việt Nam - Hải Dương;
Từ 1993 – 03/1996: Viện cơ điện Nông nghiệp Việt Nam;
Từ 1986 – 1993: Nghiên cứu sinh - Giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội;

Ông Phạm Anh Tuấn: Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: 12/09/1981
- *Trình độ chuyên môn:* Tiến sĩ Vật liệu Cao phân tử và Tổ hợp
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:*
Phó TGD CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A
Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tác đá Việt Nam
- *Quá trình công tác:*
Từ ngày 15/12/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc CTCP Vicostone;
Từ ngày 14/10/2014 – 14/12/2016: PTGD CTCP Vicostone;
Từ tháng 03/2013 - 10/2014: Giám đốc Nhà máy Sản xuất số 2 kiêm Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Vicostone;

Từ tháng 07/2009 - 03/2013: Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 10/2006 - 06/2009: Trưởng Phòng Công nghệ - Chất lượng CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 07/2005 - 10/2006: Trưởng Phòng Công nghệ CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;

Ông Nguyễn Quốc Trường: Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: 01/01/1964
- *Trình độ chuyên môn:* Kỹ sư động cơ đốt trong
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:* Không
- *Quá trình công tác:*
Từ 04/08/2015 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone
Từ 27/03/2015 - 04/08/2015: Phó TGD CTCP Vicostone
Từ 12/06/2014 - 24/03/2015 : Trưởng BKS CTCP Vicostone;
Từ tháng 04/2013 - 06/2014: PTGD CTCP Vicostone;
Từ tháng 04/2012 - 04/2013: TGD CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 03/2009 - 03/2012: PTGD CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 03/2007 - 03/2009: Giám đốc Ban quản lý dự án xi măng Cẩm Phả - Tổng công ty Vinaconex;
Từ tháng 02/2003 - 03/2007: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án xi măng Cẩm Phả - Tổng công ty Vinaconex.

Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc: Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: 12/03/1972
- *Trình độ chuyên môn:* Cử nhân Kinh tế
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:*
Kế toán trưởng CTCP Công nghệ truyền thông đa chiều HTC.
- *Quá trình công tác:*
Từ tháng 06/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone;
Từ ngày 04/08/2015 - 30/06/2016: Thành viên BKS CTCP Vicostone;
Từ tháng 09/1996 - 10/2014: Kế toán tổng hợp CTCP XNK chuyên gia Lao động và kỹ thuật.

Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp: Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: 14/05/1987
- *Trình độ chuyên môn:* Cử nhân ngoại ngữ
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:* Không
- *Quá trình công tác:*
Từ ngày 25/08/2014 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone
Năm 2009 - 09/2011: Nhân viên Công ty cổ phần Fsoft-FPT.

4.3.2. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên:

- Ông Lương Xuân Mẫn: Trưởng ban
- Bà Trần Lan Phương: Thành viên
- Bà Trần Thị Phương Hoa: Thành viên

Ông Lương Xuân Mẫn: Trưởng Ban Kiểm soát

- Sinh ngày: 20/07/1963
- *Trình độ chuyên môn:* Cử nhân kinh tế
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:*
Kế toán trưởng - Phó TGD CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A
Trưởng BKS CTCP Style Stone
- *Quá trình công tác*
Từ 04/08/2015 đến nay: Trưởng BKS CTCP Vicostone;
Từ tháng 06/2009 - 04/08/2015: Kế toán trưởng - Phó TGD CTCP Vicostone;
Từ tháng 06/2009 - 18/07/2015: Kế toán trưởng CTCP Vicostone;
Từ tháng 06/2005 - 06/2009: Kế toán trưởng CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX;
Từ tháng 07/2002 - 06/2005: Kế toán trưởng CTCP VINACONEX 19;
Từ tháng 09/2000 - 07/2002: Kế toán trưởng Công ty TNHH Liên doanh Bê tông và xây dựng An Xuân.

Bà Trần Lan Phương: Thành viên Ban Kiểm soát

- Sinh ngày: 04/10/1988
- *Trình độ chuyên môn:* Cử nhân Luật kinh tế; Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:*
Giám đốc Ban Nhân lực CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A
Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chế tác đá Việt Nam
Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM
- *Quá trình công tác:*
Từ 04/08/2015 đến nay: Thành viên BKS CTCP Vicostone;
Từ tháng 10/2014 - 08/2015: Trợ lý TGD CTCP Vicostone;
Từ tháng 03/2013 - 10/2014: Phó Chánh văn phòng CTCP Vicostone;
Từ tháng 11/2010 - 03/2013: Nhân viên Ban pháp chế đối ngoại CTCP Vicostone;
Từ tháng 03/2010 - 11/2010: Nhân viên tư vấn CTCP Đào tạo và ứng dụng Aprotrain.

Bà Trần Thị Phương Hoa: Thành viên Ban Kiểm soát

- Sinh ngày: 27/01/1981
- *Trình độ chuyên môn:* Thạc sỹ Tiền tệ, Tài chính và Kinh tế Quốc tế; Thạc sỹ Viễn thông;
Thạc sỹ Công nghệ thông tin
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:*
Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A

- *Quá trình công tác:*
 Từ ngày 15/03/2018 - Nay: Thành viên BKS CTCP Vicostone;
 Từ tháng 12/2017 – 01/2019: Giám đốc Ban Truyền thông CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A;
 Từ năm 2016 – 2017: Đồng sáng lập và Giám đốc CTCP Truyền thông Trạm Đọc;
 Từ năm 2015 –2017: Giám đốc điều hành – Trung tâm Hợp tác Trí tuệ Việt Nam VICC;
 Từ năm 2012 – 2014: Giám đốc phát triển kinh doanh thị trường Quốc tế - Công ty TNHH Tư vấn Y Dược Quốc tế IMC;
 Từ năm 2009 – 2011: Giám đốc tư vấn Đầu tư – CTCP Quốc tế Trí Tín, tư vấn độc quyền cho Quỹ đầu tư Red River Holding;
 Từ năm 2007 – 2009: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc, phụ trách đầu tư và quan hệ cổ đông – CTCP Đầu tư Nam Long.

4.3.3. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

- Ông Phạm Anh Tuấn Tổng Giám đốc
- Ông Lưu Công An Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Trí Dũng Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Chí Công Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Nga Kế toán trưởng

Ông Phạm Anh Tuấn: Tổng Giám đốc (Xem phần Thành viên Hội đồng quản trị)

Ông Lưu Công An: Phó Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 15/07/1965
- *Trình độ chuyên môn:* Kỹ sư động lực
- *Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:*
 Giám đốc, Ủy viên HĐQT CTCP Chế tác đá Việt Nam
 Phó TGD - Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A
- *Quá trình công tác:*
 Từ tháng 03/2007 đến nay: PTGD CTCP Vicostone;
 Từ tháng 03/2007 - 04/08/2015: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone;
 Từ tháng 05/2005 - 02/2007: Phó Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX;
 Từ tháng 12/2004 - 04/2005: Quản đốc Phân xưởng Bretonstone CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX;
 Từ tháng 10/2004 - 11/2004: Trưởng phòng Kỹ thuật CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX;
 Từ năm 2000 - 10/2004: Phó phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công.

Ông Phạm Trí Dũng: Phó Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 18/10/1971
- *Trình độ chuyên môn:* Kỹ sư cơ khí

- Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác:
Phó TGD - Ủy viên HĐQT –CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A
- Quá trình công tác:
Từ tháng 03/2007 đến nay: PTGD CTCP Vicostone
Từ tháng 03/2007 - 04/08/2015: Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone;
Từ tháng 02/2005 - 03/2007: Phó Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 06/2004 - 02/2005: Trưởng phòng Kế hoạch thị trường, Nhà máy Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;
Từ tháng 08/2001 - 06/2004: Phó phòng Xuất khẩu lao động, CTCP kinh doanh Vinaconex – VINATRA.

Ông Nguyễn Chí Công: Phó Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 16/08/1981
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển
- Chức vụ tại công ty khác: Không
- Quá trình công tác:
Từ tháng 08/2017 đến nay: PTGD CTCP Vicostone;
Từ tháng 01/2013 - 07/2017: Giám đốc CTCP Style Stone;
Từ tháng 06/2011 - 12/2012: Giám đốc Ban sản xuất CTCP Style Stone;
Từ tháng 09/2009 - 05/2011: Phó Giám đốc kiêm Quản đốc Phân xưởng Bretonstone, CTCP Style Stone;
Từ tháng 01/2009 - 08/2009: Giám đốc Ban sản xuất – CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX;
Từ tháng 09/2004 - 12/2008: Kỹ sư – CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.

Bà Nguyễn Thị Nga: Kế toán trưởng

- Sinh ngày: 15/12/1984
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán
- Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác: Không
- Quá trình công tác:
Từ ngày 18/07/2015 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Vicostone;
Từ 04/08/2015 - 15/12/2016: Ủy viên HĐQT CTCP Đá thạch anh cao cấp Vicostone;
Từ tháng 10/2012 - 07/2015: Phó Trưởng phòng TC-KT CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX;
Từ tháng 11/2008- 10/2012: Nhân viên kế toán CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.

4.3.4. Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

❖ **Hội đồng quản trị:** Trong năm 2018, HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự

❖ **Ban kiểm soát:**

Trong năm 2018, BKS có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- Bà Trần Thị Phương Hoa được bầu giữ chức vụ Thành viên BKS kể từ ngày 15/03/2018.

(Theo Nghị quyết số 01/2018 NQ/VCS-DHĐCD ngày 15/03/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 CTCP Vicostone)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban	04 tháng 08 năm 2015
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	04 tháng 08 năm 2015
Bà Trần Thị Phương Hoa	Thành viên	15 tháng 03 năm 2018

❖ **Ban Tổng Giám đốc:** Trong năm 2018, Ban TGD không có sự thay đổi về nhân sự

❖ **Kế toán trưởng:**

Trong năm 2018 không có sự thay đổi Kế toán trưởng. Bà Nguyễn Thị Nga tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

Việc thay đổi nhân sự chủ chốt (*thành viên Ban Kiểm soát*) đã được Công ty công bố trên website của Công ty tại địa chỉ www.vicostone.com và báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kịp thời, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

4.4. Công ty có liên quan

4.4.1. Công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A (Phenikaa)

Tên giao dịch: A & A Green Phoenix Group Joint Stock Company

Tên viết tắt: Phenikaa

Trụ sở: Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ: 2.100.000.000.000 đồng (Hai nghìn một trăm tỷ đồng)

Điện thoại: +84 24 3368 5980

Fax: +84 24 3368 7095

Email: info@phenikaa.com

Website: www.phenikaa.com

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất công nghiệp
- Nghiên cứu khoa học
- Giáo dục và đào tạo
- Thương mại và dịch vụ
- Bất động sản
- Tư vấn thiết kế và Xây lắp

Các đơn vị thành viên của Phenikaa:

Khối Sản xuất công nghiệp:

- CTCP Vicostone (tỷ lệ sở hữu 80% vốn điều lệ)
- CTCP STYLE STONE (tỷ lệ sở hữu 99,93% vốn điều lệ)
- CTCP Chế tác đá Việt Nam (tỷ lệ sở hữu 60,53% vốn điều lệ)
- Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Chế biến khoáng sản Phenikaa Huế (do Phenikaa sở hữu 100% vốn điều lệ)

Khối nghiên cứu khoa học

- Viện Nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ)

Khối giáo dục và đào tạo

- Trường Đại học Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 97,7% vốn điều lệ)
- CTCP Đầu tư Giáo dục Phenikaa (tỷ lệ sở hữu 90% vốn điều lệ)

Khối tư vấn thiết kế và xây lắp:

- CTCP Tư vấn Quản lý dự án VPM – Hà Nội (tỷ lệ sở hữu 87,82% vốn điều lệ)
- CTCP Tư vấn Thiết kế và Công nghệ Sitetech Toàn cầu (tỷ lệ sở hữu 59,38% vốn điều lệ)

Khối Thương mại dịch vụ

- CTCP Trung tâm Séc G3 (tỷ lệ sở hữu 97,6% vốn điều lệ)
- Công ty Stylenquaza LLC. DBA (Vicostone US) được thành lập tháng 11 năm 2010, trụ sở chính tại 11620 Goodnight Lane, Suite 100, Dallas, Texas, Mỹ.
- Công ty Vicostone Canada INC. được thành lập tháng 11 năm 2015, trụ sở chính tại 341 Edgeley BLVD Vaughan, ON L4K 3Y2, Canada.

Vicostone US và Vicostone Canada là hai công ty của Tập đoàn Phenikaa được thành lập và hoạt động bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, trực tiếp phân phối sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE® tại khu vực Bắc Mỹ (Mỹ, Canada).

4.4.2. Hệ thống bán hàng - Văn phòng đại diện Vicostone tại Việt Nam

Ngày 19/12/2017, Vicostone đã quyết định chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới cho thị trường Việt Nam và xây dựng hệ thống văn phòng đại diện, hệ thống trưng bày sản phẩm và bán hàng tại các khu vực trọng điểm và có tiềm năng phát triển.

Khu vực Miền Bắc:

- Nhà máy sản xuất chính: KCNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội.
- Showroom: Số 167 Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Khu vực Miền Trung:

- Showroom tại Đà Nẵng: Số 502-504 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
- Showroom tại Khánh Hòa: Số 2 đường Tố Hữu, phường Phước Hải, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Khu vực Miền Nam:

- Showroom tại TP. Hồ Chí Minh: Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà máy chế tác: CTCP Công nghiệp Trần Long – đường D3, KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

5. QUẢN TRỊ RỦI RO

Là một công ty sản xuất trên quy mô lớn, hoạt động chủ yếu trên thị trường quốc tế, Vicostone luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro; hoặc các sự kiện không chắc chắn, nằm ngoài các kế hoạch dự kiến trước. Thực tế cho thấy không thể đảm bảo Vicostone có thể lường được hết các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai, nhất là trong bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới thay đổi từng ngày như hiện nay. Do đó, Công ty luôn đẩy mạnh công tác Quản trị Rủi ro (QTRR) trong mọi hoạt động từ việc nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch chiến lược đến triển khai quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày. Bên cạnh việc phát triển các phương án nhằm giảm thiểu và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro này, Công ty đặt mục tiêu chấp nhận một mức rủi ro nhất định để đảm bảo tận dụng tối đa mọi cơ hội và thách thức để phát triển, chứ không nhằm mục đích phòng tránh hay loại bỏ hoàn toàn các rủi ro.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho hệ thống QTRR, Vicostone là một trong số ít các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã chủ động xây dựng chức năng kiểm toán nội bộ từ năm 2015, bốn năm trước khi Nghị định 05/2019/NĐ-CP đưa ra yêu cầu bắt buộc các công ty niêm yết phải xây dựng chức năng này. Từ cuối năm 2015, Công ty đã đưa chức năng kiểm toán nội bộ vào hoạt động dưới sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia công ty Ernst & Young Việt Nam. Chức năng này ra đời nhằm hỗ trợ HĐQT Công ty chủ động đánh giá hiệu quả một cách hệ thống đồng thời tư vấn các đơn vị về cải tiến quy trình giảm thiểu rủi ro tiềm tàng trong công tác quản trị, quản lý, điều hành, lập kế hoạch chiến lược.

5.1. Định hướng và các nguyên tắc quản trị rủi ro tại Vicostone

“Dẫn dắt rủi ro để phát triển bền vững” là kim chỉ nam cho việc triển khai hệ thống Quản trị rủi ro và thực hiện quản lý rủi ro tại Công ty. Định hướng này thể hiện tính chủ động trong việc Quản trị rủi ro ở mọi cấp quản lý, trong tất cả các quá trình thực hiện công việc.

Hệ thống QTRR của Vicostone được xây dựng trên nền tảng các hệ thống chuẩn mực quốc tế về Quản trị rủi ro như ISO 31000:2009, khung QTRR doanh nghiệp COSO... với các nguyên tắc cơ bản:

- QTRR là một phần không thể tách rời trong các quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Sẵn sàng chấp nhận một số rủi ro để tạo cơ hội kinh doanh và tạo các giá trị gia tăng;
- Phòng ngừa là nhận thức cốt lõi trong QTRR của Vicostone;
- QTRR vừa là yêu cầu nhưng cũng là đặc trưng văn hóa của Vicostone.

Các nguyên tắc được áp dụng thể hiện quan điểm “phòng bệnh hơn chữa bệnh” trong công tác Quản trị rủi ro, đồng thời hướng đến tinh thần tự giác của mỗi CBCNV trong tất cả các hoạt động từ nhỏ đến lớn, trên cơ sở tối ưu hóa lợi ích giữa rủi ro và cơ hội.

Hệ thống QTRR của Vicostone được giám sát chặt chẽ, điều chỉnh và cải tiến liên tục nhằm nâng cao sự phù hợp và hiệu quả trong việc kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty với các mục tiêu chính:

- QTRR được tích hợp vào mọi hoạt động của Công ty từ các quá trình lập kế hoạch chiến lược đến các quá trình tác nghiệp hàng ngày, đảm bảo rủi ro được kiểm soát một cách hiệu quả, giúp nâng cao khả năng đạt được các mục tiêu chiến lược của Công ty;
- QTRR được thực hiện một cách chủ động tại tất cả các đơn vị chức năng và bởi toàn thể CBCNV trong Công ty không kể vị trí hay chức vụ;
- Rủi ro được kiểm soát chặt chẽ ở mọi cấp, được đánh giá thường xuyên thông qua hệ thống kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo sự phù hợp và đầy đủ của các kiểm soát đối với rủi ro trong từng bối cảnh cụ thể.

5.2. Các rủi ro đã được khắc phục, giảm nhẹ trong giai đoạn từ 2018 trở về trước

Nhờ vào việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong công tác quản trị rủi ro, đến hết năm 2018, các rủi ro trọng yếu 2018 như đã trình bày trong Báo cáo thường niên 2017 đã được khắc phục hoặc không còn là trọng yếu, đặc biệt là các rủi ro:

- Rủi ro nhân lực
- Rủi ro nguồn nguyên vật liệu
- Rủi ro môi trường
- Rủi ro về công nghệ thông tin

Vì vậy các rủi ro trọng yếu trên sẽ không cần chú ý trong 2019.

5.3. Các rủi ro chính trong năm 2019

Các rủi ro được nêu tóm tắt dưới đây cùng với các thông tin khác đã được Công ty công bố là một trong những cơ sở để các nhà đầu tư, các cổ đông, đối tác cân nhắc trước khi ra các quyết định gắn kết lợi ích với Công ty.

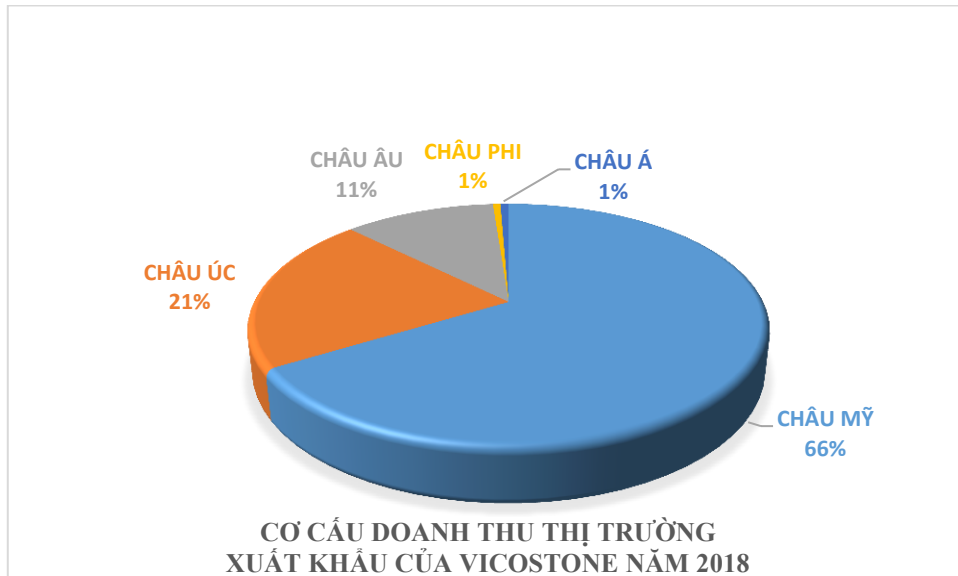
5.3.1. Rủi ro phát triển thị trường

Nguồn doanh thu chủ yếu của Vicostone là từ việc xuất khẩu đá tấm ra các thị trường quốc tế, trong đó chủ yếu là Bắc Mỹ, Úc và Châu Âu (chiếm gần 99% doanh thu xuất khẩu). Đây là các thị trường vốn rất khắt khe về chất lượng, độ đa dạng và tính thẩm mỹ của sản phẩm. Song song với sự “khó tính” này là sức mua rất lớn, nên đây cũng là mục tiêu chính của các công ty sản xuất đá nhân tạo trên thế giới. Trong số các công ty này có không ít các đối thủ có bề dày kinh nghiệm và quy mô hơn hẳn Vicostone. Mặc dù trong 5 năm gần đây Vicostone luôn giữ đà tăng trưởng cao với tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) gần 30% về tổng doanh thu; nhưng trong bối cảnh kinh tế chính trị thế giới biến động từng ngày như hiện nay, Công ty sẽ có thể phải đối mặt với khả năng suy giảm tăng trưởng doanh thu. Sau đây là một số phân tích chi tiết về các yếu tố có khả năng ảnh hưởng tới công tác phát triển thị trường của Vicostone:

5.3.1.1. Doanh thu tập trung chủ yếu ở các thị trường lớn

Thị trường xuất khẩu

Hiện tại, sản phẩm của Vicostone đã có mặt tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tuy nhiên, gần 99% doanh thu lại tập trung chủ yếu ở các thị trường trọng điểm như Bắc Mỹ, Úc và Châu Âu với đóng góp doanh thu năm 2018 lần lượt là 66.3%, 21.2% và 11.3%.



Điểm thuận lợi là doanh thu tại các thị trường chính tăng trưởng qua các năm, tuy nhiên cơ cấu tỉ trọng của các thị trường này gần như không thay đổi. Các nhà phân phối chính tại các thị trường này vẫn được duy trì và phát triển qua các năm. Đây là một dấu hiệu tốt với Công ty khi xây dựng thành công quan hệ kinh doanh và niềm tin bền vững với các đối tác quốc tế. Đồng thời, việc tập trung vào một số thị trường trọng điểm tạo cơ hội cho Công ty dễ dàng hơn trong việc nắm bắt thông tin thị trường, để việc xây dựng các chiến lược phát triển trong trung và dài hạn.

Khía cạnh thuận lợi khác là việc sản phẩm Trung Quốc bị áp thuế cao tại thị trường Mỹ - vốn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Vicostone - có thể mở ra cơ hội cho đá VICOSTONE® trong những năm tới. Theo nhận định, nửa cuối năm 2019, hàng Trung Quốc dự trữ sẽ được tiêu thụ hết và các nhà phân phối sẽ có nhu cầu bổ sung hàng hóa. Đây là cơ hội rất lớn để tăng trưởng doanh thu cho Công ty.

Mặc dù vậy, các rủi ro tiềm ẩn có thể xuất phát từ những biến động lớn tại những thị trường trọng yếu có thể ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Tại mỗi thị trường, hoạt động của Vicostone chịu sự ảnh hưởng của đặc thù từng quốc gia. Biến động về kinh tế – chính trị – xã hội, những thay đổi hành lang pháp lý, chính sách hay một loạt các yếu tố liên quan đến mức độ cung – cầu như thị trường bất động sản, mức đầu tư cải tạo, tu sửa nhà và xây dựng khu dân cư mới, thay đổi xu thế tiêu dùng, tình hình cạnh tranh...; kết quả kinh doanh và các chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng theo.

Rủi ro khác là nguy cơ ảnh hưởng xấu bởi sự gia tăng hoạt động nhập khẩu từ các nhà sản xuất đá nhân tạo khác vào các thị trường chính của Công ty, đặc biệt là tại Mỹ, Úc và Canada. Theo kết quả nghiên cứu của bộ phận Marketing cũng như nhận định từ một số đối thủ cạnh tranh lớn, tại thị trường Mỹ, những tháng đầu năm 2019 sẽ khá khó khăn để tăng trưởng do tác động của lượng hàng tồn kho lớn do các sản phẩm của Trung Quốc được nhập ồ ạt từ năm 2018 (dưới ảnh hưởng của việc Mỹ áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng đá nhân tạo có nguồn gốc từ Trung Quốc). Việc các nhà sản xuất Trung Quốc chuyển đổi nguồn gốc nhập khẩu vào Mỹ sang các nước thứ 3 và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sang các thị trường khác sẽ là nguy cơ rủi ro không nhỏ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra, việc một số nhà sản xuất Việt Nam đầu tư dây chuyền công nghệ Trung Quốc với dòng sản phẩm giá thấp bắt đầu gia nhập thị trường xuất khẩu, đặc biệt thị trường Mỹ, làm ảnh hưởng đến mức giá nhập khẩu trung bình từ Việt Nam vào Mỹ, là

nguy cơ sẽ dẫn đến việc xem xét áp dụng chính sách thuế chống phá giá đối với các sản phẩm đá nhân tạo xuất xứ Việt Nam.

Những rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty có thể đến từ việc doanh thu đang tập trung ở một số nhà phân phối chính. Với các thị trường gián tiếp, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào sự thành công, sự nỗ lực trong hoạt động tiếp thị, bán hàng của đối tác. Mọi gián đoạn và biến động tiêu cực (nếu có) của đối tác trong hệ thống phân phối của Công ty có thể sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh và hoạt động của Công ty.

Thị trường nội địa

Hiện tại thị trường nội địa tuy chưa phải là thị trường có mức đóng góp doanh thu cao, nhưng là một trong những thị trường tiềm năng. Bên cạnh các rủi ro chung của tất cả các thị trường, Công ty xác định các rủi ro đặc thù ảnh hưởng đến Vicostone tại thị trường Việt Nam.

Điểm thuận lợi là sử dụng đá tự nhiên vẫn là xu hướng tiêu dùng chính tại thị trường Việt. Điều này tạo cơ hội cho các thương hiệu đá nhân tạo muốn gia nhập và chiếm lĩnh thị trường. Công ty cần phải đầu tư chi phí truyền thông - marketing không chỉ nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển thương hiệu riêng của mình tại thị trường Việt Nam, mà còn để tạo sự nhận biết về sản phẩm mới, thay đổi quan điểm tiêu dùng, hay còn gọi là “educate” người dùng. Nếu không có khả năng thay đổi quan điểm và thói quen tiêu dùng, hoặc không có khả năng “đi nhanh” sau khi đã tạo xu thế, thì có thể dẫn đến đối thủ cạnh tranh hưởng lợi từ kết quả “educate” thị trường mà Công ty đã triển khai, Công ty có thể mất đi lợi thế cạnh tranh và cơ hội tiên phong, dẫn dắt thị trường.

Bên cạnh đó thách thức mới đến từ sự xuất hiện một số đơn vị sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh, với dây chuyền công nghệ nhập khẩu từ Trung Quốc với chi phí đầu tư rất thấp, có nguy cơ làm “loãng” thị trường bởi dòng sản phẩm cấp thấp, giá rẻ và gia tăng sức ép cạnh tranh về giá. Việc này dẫn đến rủi ro các đại lý, đối tác kinh doanh cố tình sử dụng các sản phẩm có chất lượng kém hơn giả làm đá VICOSTONE® để gia tăng lợi nhuận cho bản thân, gây ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng và uy tín của thương hiệu.

Để giảm thiểu ảnh hưởng do các yếu tố rủi ro trên mang lại, song song với việc liên tục cải tiến để đưa ra các mẫu sản phẩm mới, độc đáo, khác biệt, nâng cao chất lượng dịch vụ; Vicostone tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông – marketing, đầu tư triển khai các chiến dịch quảng cáo chuyên nghiệp, bài bản nhằm nâng cao nhận biết về thương hiệu VICOSTONE® và nhận biết về sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh; đẩy nhanh tiến độ mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm Vicostone đến các thị trường trọng điểm trong nước; xây dựng và phát triển hệ thống showroom, xưởng chế tác đá và kho vệ tinh của Vicostone tại các thị trường mục tiêu để đảm bảo chất lượng thành phẩm ở mức độ tốt nhất, thời gian đáp ứng đơn hàng nhanh nhất đối với người dùng cuối và tiếp tục nâng cao công tác quản lý chất lượng chặt chẽ trong mọi khâu từ sản xuất đến lắp đặt, đặc biệt là quản lý chất lượng dịch vụ tại các đại lý và đơn vị liên kết...

Với mục tiêu thách thức đề ra cho năm 2019, Công ty đã xây dựng kế hoạch marketing và phát triển kinh doanh với các phương án phòng ngừa, kịch bản đối phó với các rủi ro có thể xảy ra, cũng như đã có các bước chuẩn bị kỹ lưỡng cho năm 2019.

5.3.1.2. Áp lực cạnh tranh

Trong ngành sản xuất đá nhân tạo, Vicostone phải chịu áp lực cạnh tranh gay gắt không chỉ từ các nhà sản xuất đá thạch anh khác, từ các nhà cung cấp đá tự nhiên, mà còn từ các nhà sản xuất đá nhân tạo thay thế khác trên thị trường như laminate, ceramic tấm lớn hay gỗ ép, bê tông, thép... Điều đó có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.

- Cạnh tranh từ các đối thủ sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh

Định vị là một thương hiệu cao cấp, VICOSTONE® xác định cạnh tranh dựa trên các yếu tố chính như chất lượng, tính độc đáo, sự đa dạng và sẵn có của sản phẩm; uy tín thương hiệu; độ bao phủ của thị trường và chất lượng dịch vụ.

Để duy trì lợi thế cạnh tranh, vị thế thương hiệu, đảm bảo giá bán và tỉ suất lợi nhuận phù hợp, Công ty phải liên tục nghiên cứu và áp dụng công nghệ - kỹ thuật mới, không ngừng phát triển những dòng sản phẩm mới phù hợp và đón đầu xu hướng tiêu dùng, tạo nên sự khác biệt và tính độc đáo của sản phẩm cũng như đáp ứng được thị hiếu của khách hàng. Do đó, công tác nghiên cứu và phát triển là một trong những trọng điểm đầu tư của Vicostone trong những năm gần đây và sẽ tiếp tục được đầu tư đầy mạnh hơn nữa trong những năm tiếp theo theo chiến lược phát triển chung của cả công ty mẹ là Tập đoàn Phenikaa.

Trên thực tế, rủi ro bị bắt chước các mẫu mã sản phẩm trong ngành đá nhân tạo là rất cao, mặc dù các sản phẩm sao chép khó đạt được chất lượng và sự tinh xảo trong thiết kế hoa văn, màu sắc so với sản phẩm gốc do những bí quyết riêng về kỹ thuật và công nghệ. Đối với rủi ro này, Công ty luôn chú trọng việc đăng ký bản quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp của các sản phẩm đã, đang và sắp có tại các thị trường trọng điểm. Tuy nhiên, các biện pháp bảo hộ này cũng chỉ mang tính chất cục bộ, do khó có thể đảm bảo được các mẫu mã được sao chép sẽ không xuất hiện ở các thị trường khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

Một rủi ro khác làm giảm tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường là vấn đề giá bán. Do đầu tư nhiều chi phí vào R&D cũng như đầu tư áp dụng các công nghệ, kỹ thuật mới, giá bán sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh do Vicostone sản xuất không thể để ở mức thấp. Trong khi đó, một số nhà sản xuất khác có hành vi sao chép mẫu mã hoặc công nghệ sản xuất của đối thủ sẽ hưởng lợi từ việc không phải bỏ chi phí nghiên cứu, từ đó dễ dàng đưa ra một mức giá thấp hơn rất nhiều so với giá trị thực tế của sản phẩm. Hay việc các nhà sản xuất sử dụng công nghệ Trung quốc với mức đầu tư thấp, mặc dù đưa ra các sản phẩm chất lượng thấp hơn cả về cơ lý tính và mẫu mã, nhưng có thể bán với mức giá rất thấp cũng là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới thị phần của Vicostone, dẫn đến ảnh hưởng về doanh thu, lợi nhuận và hoạt động của Vicostone.

- Cạnh tranh từ các sản phẩm thay thế

Ngoài sức ép cạnh tranh từ các nhà sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh, Vicostone còn phải chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ từ đá tự nhiên và từ các nhà sản xuất vật liệu bề mặt thay thế khác trên thị trường như laminate, đá hoa cương, đá cẩm thạch nhân tạo, ceramic tấm lớn hay gỗ ép, bê tông, thép.

Các sản phẩm thay thế này, mặc dù về tính chất cơ lý và mẫu mã có thể không bằng được với sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh, tuy nhiên lại có một số ưu điểm hơn như giá thành phải chăng, khả năng ứng dụng cao hơn đá nhân tạo gốc thạch anh và đá tự nhiên trong một số trường hợp nên có thể dễ dàng đáp ứng được nhu cầu của khách hàng; trở thành một trở ngại lớn trong việc mở rộng thị phần đá của Công ty.

5.3.2. Rủi ro pháp lý

5.3.2.1. Rủi ro về các tranh chấp pháp lý, đặc biệt là về quyền sở hữu trí tuệ

Mỗi sản phẩm của Vicostone được đưa ra thị trường là sự tổng hòa của rất nhiều yếu tố; từ cảm hứng của người sáng tác, khả năng nghiên cứu nắm bắt xu thế thị trường đến sự kết hợp của rất nhiều công nghệ, bí quyết, công sức của cả công ty. Việc sáng tạo sản phẩm mới thường rất tốn kém về cả thời gian và nguồn lực, nguy cơ bị các đối thủ sao chép lại rất lớn. Mặc dù pháp luật quốc tế có các quy định rất cụ thể và chặt chẽ về sở hữu trí tuệ, tuy nhiên việc theo đuổi khiếu kiện là một công tác rất mất thời gian và công sức; nhiều lúc không đi đến kết quả cụ thể nào mà lại làm lãng phí rất nhiều chi phí cơ hội của các bên liên quan.

Trong quá khứ Công ty đã từng bị khởi kiện bởi đối thủ cạnh tranh tại Mỹ liên quan đến tranh chấp về sở hữu trí tuệ. Hiện tại, vụ kiện trên đang được tạm dừng do không có đủ cơ sở pháp lý. Tuy nhiên những vụ kiện tương tự như vậy có thể xảy ra bất kỳ lúc nào.

Một rủi ro khác khi hoạt động trên thị trường quốc tế là việc công ty phải đối mặt với các tranh chấp pháp lý từ các đối tác mua bán, từ khách hàng hoặc thậm chí cả từ đối thủ cạnh tranh liên quan đến chất lượng dịch vụ, trách nhiệm xã hội hoặc các tranh chấp liên quan đến việc giao nhận hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp. Rủi ro này thường xảy ra khi Công ty không dự liệu được đầy đủ các tình huống, không lường trước được các khó khăn để đưa vào trong các điều khoản của hợp đồng. Mặc dù kết luận cuối cùng của các tranh chấp này có thể không thuộc lỗi về phía Công ty, tuy nhiên những chi phí bằng tiền và chi phí cơ hội khi tham gia quá trình tố tụng cũng là không nhỏ. Các chi phí này chủ yếu là chi phí liên quan đến tư vấn hỗ trợ từ các luật sư và thường khó có thể kiểm soát được. Trong trường hợp kiện tụng kéo dài, hoặc số khiếu kiện tăng lên nhiều; tổng các chi phí này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã và đang thực hiện việc đăng ký bảo vệ thương hiệu, mẫu mã sản phẩm, các sáng chế, công nghệ độc quyền và tài sản trí tuệ khác tại các thị trường Công ty đang hoạt động và có dự định mở rộng trong tương lai. Chi phí cho việc đăng ký sở hữu trí tuệ này không nhỏ, hơn nữa nếu các bước Công ty thực hiện có thể chưa đầy đủ hoặc Công ty có thể không thành công trong việc đăng ký bảo hộ hoặc ngăn chặn người khác chiếm đoạt tài sản trí tuệ. Điều đó có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh và thương hiệu của Công ty.

5.3.2.2. Rủi ro về thay đổi quy định của pháp luật

Hiện tại, các sản phẩm của Công ty hiện được bán và phân phối tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việc kịp thời nắm bắt, cập nhật chính xác các thay đổi trong chính sách, quy định, hành lang pháp lý; đồng thời xây dựng phương án phòng ngừa và đối phó với những thay đổi tại tất cả các khu vực là rất khó đối với Công ty. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tiềm ẩn rủi ro bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ những thay đổi đó hoặc Công ty vô tình vi phạm các quy định, chính sách riêng của từng quốc gia, khu vực do thiếu thông tin cập nhật.

Đơn cử tại Mỹ - thị trường trọng điểm của Vicostone, trong năm 2017-2018, vụ kiện chống phá giá của Cambria với Trung Quốc đã tạo nên nhiều biến động lớn trong thị trường đá của nước này. Theo đó, mặt hàng đá nhân tạo có xuất xứ từ Trung Quốc khi nhập khẩu vào Mỹ phải chịu mức thuế chống bán phá giá trung bình là hơn 38%. Trước thời điểm bị áp thuế, các nhà sản xuất đá Trung Quốc đã nhập khẩu ồ ạt vào Mỹ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu nhập khẩu của các nhà sản xuất khác tại thị trường này, trong đó có Vicostone. Hiện tại Trung Quốc và một số các nhà phân phối, chế tác tại Mỹ đang yêu cầu chính phủ Mỹ xem xét lại tính hợp lý của mức thuế này; nhưng việc này làm dấy lên quan ngại rằng Mỹ sẽ tiếp tục đưa các quốc gia có lượng nhập

khẩu đá lớn như Việt Nam, Ấn Độ... vào “tầm ngắm”, đặc biệt khi gần đây Việt Nam xuất hiện các nhà sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh với dây chuyền công nghệ Trung Quốc và hướng tới sản phẩm phân khúc giá thấp.

Một rủi ro khác liên quan đến sự thay đổi về quy định của pháp luật là các yêu cầu ngày càng cao về môi trường ở các thị trường trọng điểm. Không chỉ yêu cầu cao về mức độ an toàn, thân thiện với môi trường của sản phẩm cuối cùng; các thị trường này cũng đặt nặng vấn đề an toàn môi trường trong quá trình sản xuất. Hiện tại, tất cả các kết quả quan trắc về nồng độ bụi, khí thải, chất thải ra môi trường của Vicostone đều nằm trong ngưỡng cho phép; tuy nhiên khi các yêu cầu này thay đổi tại thị trường đích (thường là theo xu hướng càng khắt khe hơn), Công ty sẽ đối mặt với nguy cơ gia tăng chi phí hoặc bị ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu khi không đảm bảo các quy định về an toàn môi trường này.

Không chỉ đối mặt với các rủi ro thay đổi các quy định của pháp luật quốc tế, hoạt động của Công ty cũng tiềm ẩn rủi ro vô tình vi phạm pháp luật, quy định trong nước, do tốc độ thay đổi hệ thống văn bản, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như chính sách thuế, hải quan, kế toán, chứng khoán, hợp đồng... của nước ta tương đối nhanh. Khi các yêu cầu về tuân thủ này không được đảm bảo vì bất kể lý do gì, Vicostone không những đối mặt với khả năng bị phạt, mà ảnh hưởng tới uy tín doanh nghiệp; dẫn đến rất nhiều bất lợi, đặc biệt là về vấn đề thời gian khi thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình.

5.3.3. Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2018, tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra VND có sự biến động lớn: Tỷ giá USD/VND tăng khoảng 2,2%, trong khi tỷ giá CAD/VND và EUR/VND giảm lần lượt khoảng 5,7% và 0,8%. Chính sự biến động lớn của tỷ giá làm giảm 6,97 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế của Công ty (lãi chênh lệch tỷ giá: 30,69 tỷ, lỗ chênh lệch tỷ giá: 37,66 tỷ); trong khi năm 2017 biến động tỷ giá làm tăng 13,89 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018).

Năm 2018, có nhiều yếu tố nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái, trong khi đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào đồng ngoại tệ. Vì vậy, mặc dù lường trước được các rủi ro và đã thực hiện các biện pháp hạn chế tác động từ biến động tỷ giá tới hoạt động kinh doanh của Công ty, tuy nhiên biến động tỷ giá vẫn tác động tiêu cực tới kết quả kinh doanh trong năm 2018.

Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro về tỷ giá hối đoái cho những năm tới, Công ty đã và đang tập trung thực hiện phân tích, đánh giá tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước để đưa ra được những dự báo về biến động tỷ giá trong tương lai. Từ đó tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán của các hợp đồng mua bán; cũng như tận dụng công cụ tài chính phái sinh để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực khi tỷ giá hối đoái biến động. Bên cạnh đó, kế hoạch nội địa hóa 90% nguyên vật liệu là giải pháp mang tính chiến lược để kiểm soát rủi ro này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2014 – 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018
1. KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.063,51	2.616,16	3.211,49	4.352,52	4.521,60
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.349,49	1.857,54	2.220,06	3.085,31	3.025,95
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	714,02	758,62	991,43	1.267,21	1.495,64
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	31,28	25,51	25,93	54,38	41,40
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	334,08	169,98	70,95	48,81	69,87
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	Tỷ đồng	6,51	5,72	3,85	-	-
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	67,65	76,97	76,84	95,65	99,93
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	88,01	55,52	59,39	52,20	46,10
Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,81	0,83	0,87	1,18	1,51
Chi phí khác	Tỷ đồng	1,42	9,00	1,14	1,10	4,15
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	261,47	479,21	813,76	1.125,01	1.318,51
Chi phí thuế TNDN hiện hành và hoãn lại	Tỷ đồng	49,29	74,58	137,78	3,23	194,97
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	212,19	404,63	675,98	1.121,78	1.123,54
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.029	8.637	10.813	13.461	6.548
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	đồng	4.029	8.637	10.813	13.461	6.548
2. TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.647,94	2.781,48	3.337,93	3.809,75	4.404,33
- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.876,33	2.010,93	2.729,08	3.291,34	3.794,50
<i>Trong đó: Tiền và tương đương tiền</i>	Tỷ đồng	77,34	295,40	433,97	656,28	427,35
- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	771,61	770,56	608,85	518,41	609,83
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	2.647,94	2.781,48	3.337,93	3.809,75	4.404,33
- Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.862,15	1.782,89	1.890,79	1.413,86	1.673,77
- Nguồn vốn chủ sở hữu, lợi ích cổ đông thiểu số	Tỷ đồng	785,80	998,59	1.447,14	2.395,89	2.730,55
3. CÁC SỐ LIỆU TÀI CHÍNH KHÁC						
Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	41,75	78,27	200,10	62,75	151,73
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	Tỷ đồng	101,72	68,70	67,59	69,63	73,43
EBITDA điều chỉnh	Tỷ đồng	662,52	692,38	929,64	1.189,08	1.420,41
EBITDA Margin (%)	%	32,11	26,47	28,95	27,32	31,41

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

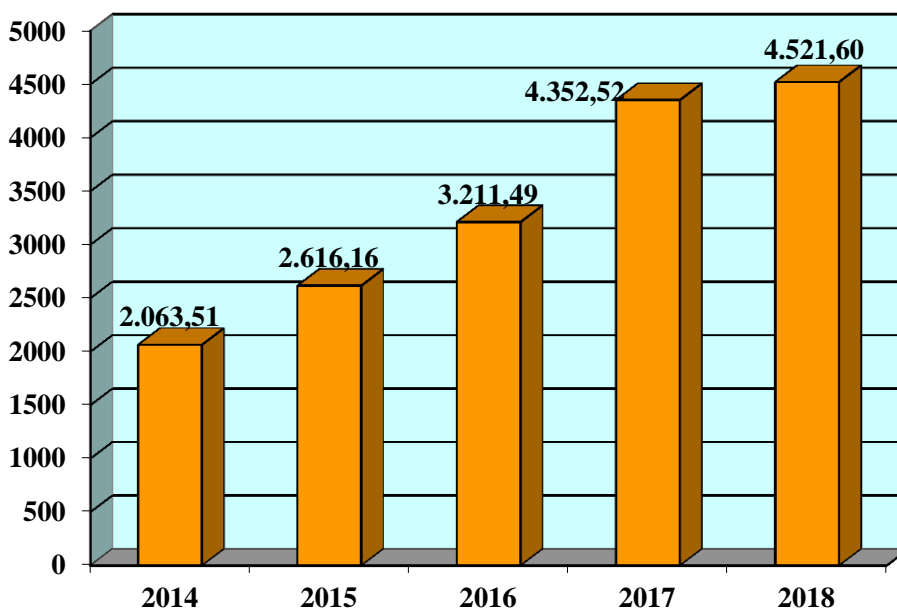
Doanh thu thuần năm 2018 đạt 4.521,6 tỷ đồng gấp 2,19 lần so với năm 2014, tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) giai đoạn 5 năm đạt tới 30%; Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 1.318,51 tỷ đồng gấp 5,04 lần so với năm 2014, tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) giai đoạn 5 năm tới 80%.

Năm 2018, tổng tài sản đạt 4.404,33 tỷ đồng gấp 1,66 lần so với năm 2014, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014 - 2018 đạt 13,7%; Vốn chủ sở hữu đạt 2.730,55 tỷ đồng, gấp 3,48 lần so với năm 2014, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014 - 2018 đạt 37,89%

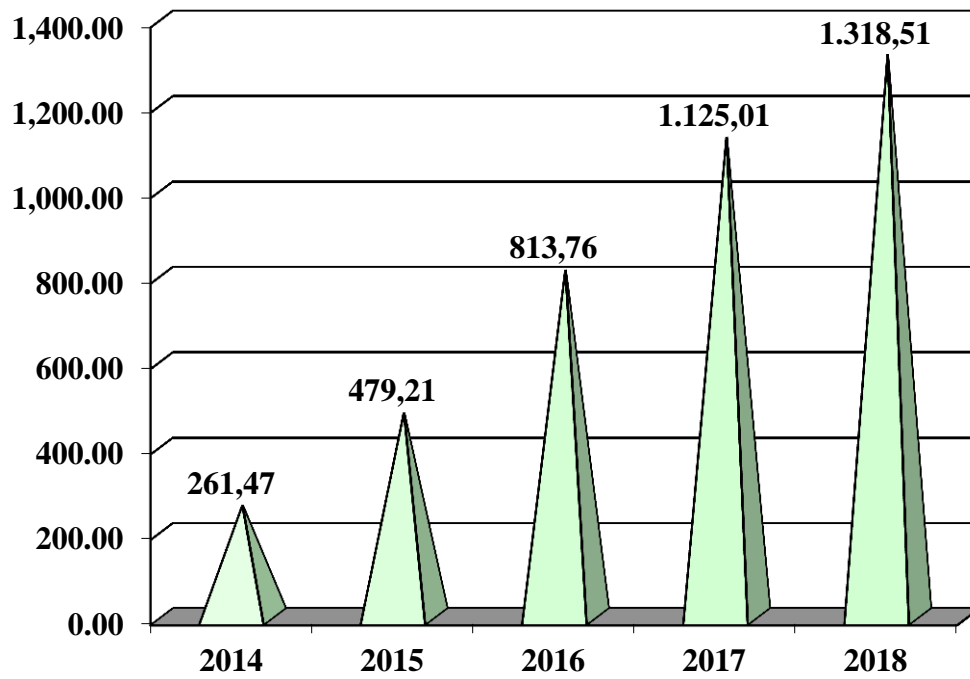
Tỷ lệ EBITDA trên doanh thu thuần duy trì ở mức cao từ 26,47% đến 32,11% trong giai đoạn 2014 – 2018.

Năng lực tài chính ở giai đoạn 2014 - 2018 cơ bản vững mạnh, luôn đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; vốn chủ sở hữu duy trì ổn định cho thấy Vicostone thành công trong việc bảo toàn vốn trong giai đoạn kinh doanh khó khăn.

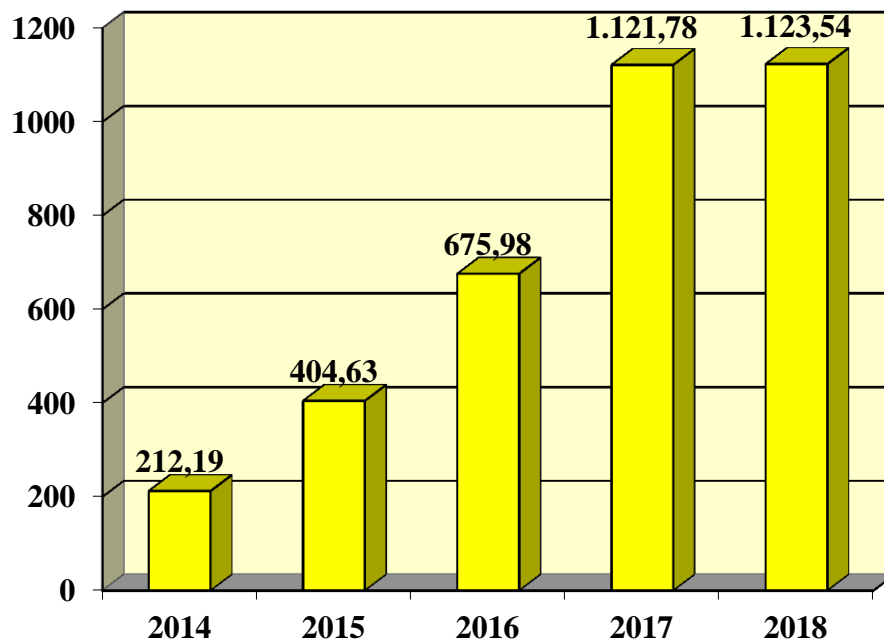
Những phân tích cụ thể về các chỉ tiêu tài chính được thể hiện ở nội dung của những phần sau.



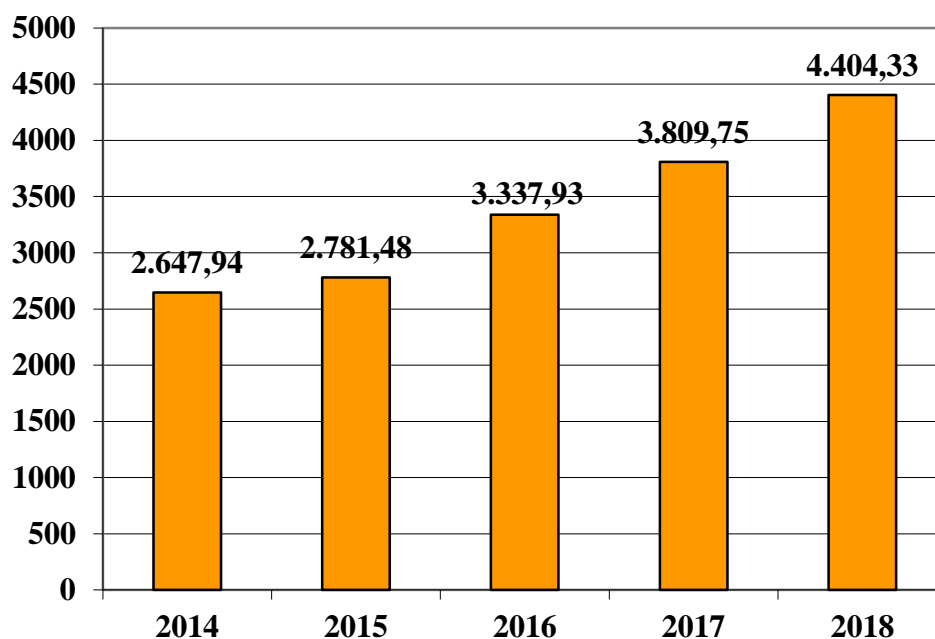
Doanh thu thuần (2014 – 2018), ĐVT: Tỷ đồng



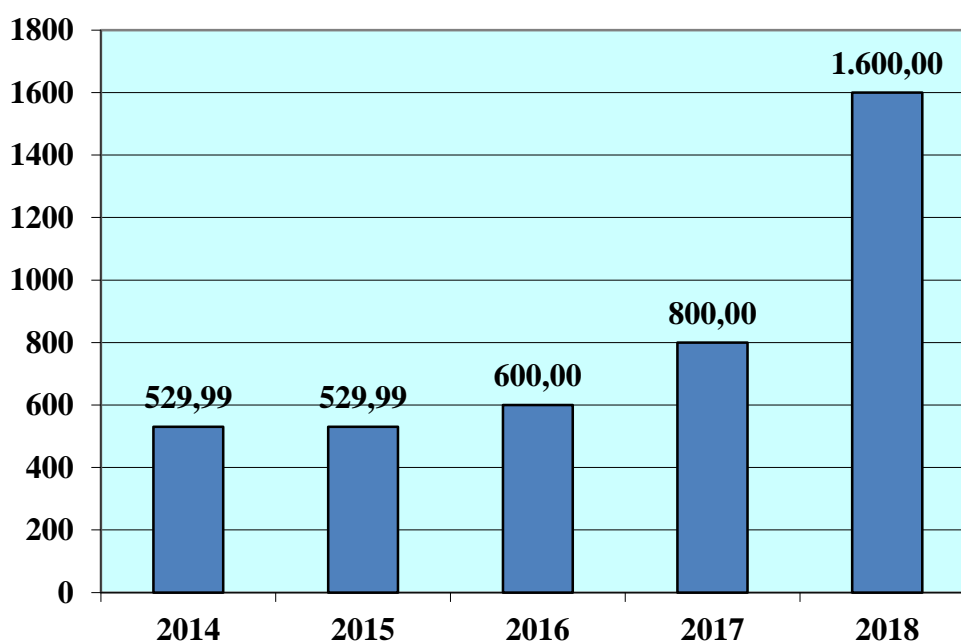
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (2014 - 2018), ĐVT: Tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (2014 – 2018), ĐVT: Tỷ đồng



Tổng giá trị tài sản (2014 – 2018), ĐVT: Tỷ đồng



Vốn điều lệ (2014 – 2018), ĐVT: Tỷ đồng

2. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2018

2.1. Tình hình kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018; tuy nhiên tăng trưởng chậm hơn trong nửa cuối 2018. Những chính sách như bình ổn giá năng lượng, hàng hóa; lòng tin của giới kinh doanh được cải thiện và hiệu ứng của cách mạng công nghiệp 4.0, được coi là những nhân tố chủ đạo sẽ dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu, bất chấp các làn gió ngược như xu hướng bảo hộ mậu dịch, Brexit... Tuy nhiên, nhịp tăng trưởng bị ảnh hưởng tiêu cực do xuất hiện mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước.

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung năm 2018, dẫn đến việc Trung Quốc có những động thái ngắn hạn nhằm tận dụng các cơ hội trước thời điểm bị áp thuế. Ví dụ như, với sản phẩm đá nhân tạo, từ tháng 4/2018, Trung Quốc đã xuất khẩu ồ ạt hàng vào thị trường Mỹ để tránh bị áp thuế làm ảnh hưởng lớn tới thị trường đá nhân tạo tại Mỹ. Chính sách áp thuế của Mỹ cho hàng hóa Trung Quốc, đặc biệt đá gốc thạch anh của Trung Quốc cũng dẫn đến ảnh hưởng cả các thị trường khác. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng có những động thái dài hạn dưới hình thức chuyển giao công nghệ, liên kết/ đầu tư nhà máy sản xuất tại các quốc gia khác để thay đổi nguồn gốc xuất xứ sản phẩm làm ảnh hưởng không nhỏ tới các nhà sản xuất hiện có tại các quốc gia đó.

Theo Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, nền kinh tế Mỹ đã có dấu hiệu giảm tốc trong những tháng cuối năm, dù vẫn tăng trưởng. Nhịp độ tăng trưởng 4,2% ở quý II giảm xuống mức 3,4% trong quý III năm 2018. Dự báo, mức tăng trưởng kinh tế Mỹ có thể sẽ giảm xuống mức 2,4% trong năm 2019 và 2% năm 2020. Lý do chính của việc tăng trưởng chậm hơn là do tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

Kinh tế châu Á có thể coi là “điểm sáng” trong bức tranh toàn cầu khá ảm đạm. Trong báo cáo cập nhật Triển vọng phát triển châu Á 2018, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vẫn duy trì dự báo mức tăng trưởng của khu vực 6% cho năm 2018 và 5,8% cho năm 2019. Ấn Độ sẽ là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất toàn cầu trong năm nay và 2019, với mức tăng lần lượt đạt 7,3% và 7,4%. Triển vọng kinh tế Nhật Bản cũng khá sáng sủa, bất chấp ảnh hưởng của các đợt thiên tai.¹

Trong năm 2018, nhiều nền kinh tế bao gồm cả các nước phát triển và nhóm thị trường mới nổi cũng đang có xu hướng thắt chặt tiền tệ. Mỹ đã nâng lãi suất 4 lần trong năm 2018 và xu hướng này vẫn có thể tiếp tục trong năm 2019. Ngân hàng Trung ương Anh đã tăng lãi suất thêm 25 điểm lên 0,75% trong tháng 8/2018 và Canada đã nâng lãi suất 2 lần trong năm nay. Môi trường lãi suất thay đổi sẽ tác động tới sự dịch chuyển dòng vốn toàn cầu và có sức lan tỏa mạnh tới tất cả các quốc gia. Các nền kinh tế phát triển cần chuyển sang chính sách thắt chặt trước nguy cơ tăng trưởng nóng và lạm phát tăng cao sau một thời gian dài nới lỏng tiền tệ. Các thị trường đang phát triển cũng phải đối mặt với rủi ro lạm phát tăng nhanh và sự mất giá đồng nội tệ. Các thị trường này có thể chịu rủi ro lớn khi dòng vốn bị rút ra để tìm về các tài sản an toàn một khi thị trường có biến động mạnh. (Theo báo cáo về thị trường tiền tệ của SSI Research)

Như vậy, những diễn biến chính của nền kinh tế thế giới năm 2018 gồm những điểm chính sau: (i) Tăng trưởng kinh tế thế giới giảm tốc; (ii) Lạm phát tại các quốc gia tăng trở lại sau một giai đoạn dài nới lỏng chính sách tiền tệ buộc các ngân hàng Trung ương tăng lãi suất để kiểm soát, các chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế sẽ giảm dần; (iii) Chiến tranh thương mại làm gia tăng các rủi

¹ Nguồn tham khảo: <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/kinh-te-the-gioi-20182019-nhieu-bien-dong-it-trien-vong-301493.html>

ro thị trường, làm biến động thị trường. Trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang, sản phẩm đá thạch anh nhân tạo Trung Quốc bị áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp hơn 300% tại thị trường Mỹ, điều đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới thị trường đá trong năm 2018 như phân tích ở trên. Tuy nhiên, việc sản phẩm Trung Quốc bị áp thuế cao tại thị trường Mỹ - vốn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Vicostone - sẽ làm giảm mạnh sức cạnh tranh của sản phẩm này tại thị trường Mỹ; như vậy có thể mở ra cơ hội cho đá VICOSTONE® trong những năm tới.

2.2. Tình hình kinh tế Việt Nam

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao, cụ thể GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây (năm 2016 tăng 6,21%; năm 2017 tăng 6,81%). Bên cạnh đó, tỉ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức ổn định ở mức 3,54%, đạt mốc dưới 4% theo mục tiêu đề ra (thấp hơn tỉ lệ lạm phát trung bình giai đoạn 2011-2017 là 6,5%). Nhờ kinh tế - xã hội phát triển ổn định, GDP bình quân đầu người ước đạt 2.540 USD, tăng 440 USD so với năm 2015. (Số liệu từ Tổng cục Thống kê) ²

Năm 2018 còn đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực sau 7 năm đàm phán. Theo báo cáo thuyết minh của Chính phủ, việc tham gia Hiệp định giúp Việt Nam ứng phó với các diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới với chiều hướng bảo hộ thương mại gia tăng của các nền kinh tế lớn, cụ thể GDP Việt Nam có khả năng tăng thêm 1,32% tính đến năm 2035. (Theo Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội) ³

Trong bối cảnh kinh tế phát triển tốt, thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, Vicostone bắt đầu đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa từ cuối năm 2017 và đạt những thành tựu về đáng kể về doanh thu cũng như xây dựng và quảng bá thương hiệu làm tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực cũng mở cơ hội khai thác, phát triển thị trường quốc tế mới.

2.3. Triển vọng kinh tế năm 2019

2.3.1. Triển vọng kinh tế thế giới

Bước sang năm 2019, những nhân tố tiêu cực của năm 2018 vẫn chưa được giải quyết và được dự báo sẽ tiếp tục gây ra những thách thức cho nền kinh tế toàn cầu. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung ngày càng leo thang, đồng thời một số nền kinh tế mới nổi đang chịu sức ép lớn từ việc thắt chặt chính sách tiền tệ là lý do khiến triển vọng kinh tế thế giới suy giảm trong năm 2019.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển được dự báo giảm xuống mức 2% trong năm nay. Trong khi đó, thị trường xuất khẩu giảm dần, chi phí vốn vay tăng lên và chính sách thiếu ổn định sẽ là gánh nặng đối với viễn cảnh của các quốc gia đang phát triển và các quốc gia mới nổi. Tăng trưởng cho nhóm này được kỳ vọng giữ vững mức 4,2% trong năm nay, thấp hơn so với dự báo trước đó.

Trong bức tranh kinh tế toàn cầu, viễn cảnh khu vực Đông Á Thái Bình Dương vẫn tiếp tục là một trong những khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới. Tăng trưởng khu vực được kỳ vọng duy trì ở mức 6% trong năm 2019, với giả định giá cả hàng hóa giữ ở mức ổn định, thương mại và sức mua toàn cầu tăng trưởng trung bình và các điều kiện tài chính toàn cầu dần thắt chặt. Trong

² Nguồn tham khảo: <http://kinhhtedothi.vn/gdp-ca-nam-2018-tang-708-cao-nhat-11-nam-332947.html>

³ Nguồn tham khảo: <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/tham-gia-cptpp-kinh-te-viet-nam-se-tang-toc-302918.html?mobile=true>

khi đó, tăng trưởng của Trung Quốc dự đoán giảm xuống 6,2% do quốc gia này tiếp tục theo đuổi chiến lược tái cân bằng.⁴

Như vậy, kinh tế thế giới năm 2019 được dự báo giảm tốc hoặc duy trì mức tăng như năm 2018. Những rủi ro chủ yếu đối với kinh tế toàn cầu năm 2019 là cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ - Trung Quốc; rủi ro rút vốn và khủng hoảng cơ chế tỷ giá hối đoái tại các nước mới nổi. Tuy nhiên, bên cạnh những rủi ro được đề cập, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng mở ra cơ hội cho Việt Nam; đơn cử, vụ kiện chống phá giá đá thạch anh Trung Quốc mặc dù là nguy cơ dẫn đến những biến động thị trường đá, tuy nhiên dự kiến sẽ làm sụt giảm sản lượng nhập khẩu đá nhân tạo Trung Quốc do ảnh hưởng của thuế, dẫn đến giảm mạnh sức cạnh tranh của sản phẩm này tại thị trường Mỹ, mở ra cơ hội tăng thị phần của Vicostone tại thị trường tiềm năng này.

2.3.2. Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2019

Kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng tốt, ADB đưa ra con số cao hơn mặt bằng chung của khu vực là 6,8% cho năm 2019. Kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục được hưởng lợi nhờ triển vọng lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu và các yếu tố tích cực nội tại, như: đà tăng trưởng của 2018, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn, niềm tin vào cải cách môi trường đầu tư kinh doanh ít nhiều được củng cố, vị thế của một nước thu nhập trung bình và ưu tiên thực hiện hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Triển vọng kinh tế Việt Nam 2019 tăng trưởng tốt, tác động tích cực tới chiến lược mở rộng thị trường nội địa của Vicostone. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, ngành xây dựng và thị trường bất động sản tiếp tục bám đà phát triển, các doanh nghiệp xây dựng, bất động sản được tạo nhiều điều kiện kinh doanh thuận lợi, cắt giảm thủ tục hành chính. Tăng trưởng thị trường xây dựng và thị trường bất động sản sẽ tác động trực tiếp tới tăng trưởng doanh thu của đá thạch anh VICOSTONE®. Năm 2019, Vicostone đẩy mạnh chiến dịch truyền thông tích hợp, nhằm nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu đá thạch anh VICOSTONE® tới người tiêu dùng trong nước; đặt mục tiêu trọng tâm trở thành thương hiệu nhà sản xuất đá thạch anh số 1 tại Việt Nam.

2.4. Tổng quan về ngành đá thạch anh nhân tạo

Xu hướng sử dụng đá thạch anh

Theo một nghiên cứu của Houzz (một trong những website và cộng đồng trực tuyến hàng đầu về kiến trúc, thiết kế nội thất, trang trí và cải tạo nhà cửa), đá thạch anh hiện là vật liệu bề mặt được dùng nhiều nhất sau khi nhu cầu sử dụng đá tự nhiên giảm liên tiếp trong ba năm vừa qua. Đá thạch anh được đánh giá là loại vật liệu có độ bền cao bậc nhất, mang vẻ đẹp của những loại đá tự nhiên đắt tiền mà không đòi hỏi công tác bảo trì công phu như đá hoa cương hay đá cẩm thạch. Đây cũng là loại vật liệu được các nhà chế tác ưa dùng trong các công trình do có các tính chất phù hợp với các chế tác phục vụ nội thất. Với khả năng tái hiện vẻ đẹp từ đá thiên nhiên và số lượng sản xuất không hạn chế, đáp ứng mọi thiết kế cả về kích thước và thẩm mỹ, đá thạch anh đã và đang chiếm được cảm tình của các kiến trúc sư và nhà thiết kế nội thất trên thế giới. Ngay tại thị trường Việt Nam, người dân cũng đang dần chuyển sang sử dụng đá nhân tạo để làm mặt bàn bếp, đặc biệt là sử dụng đá thạch anh thay vì sử dụng đá tự nhiên như trước đây.

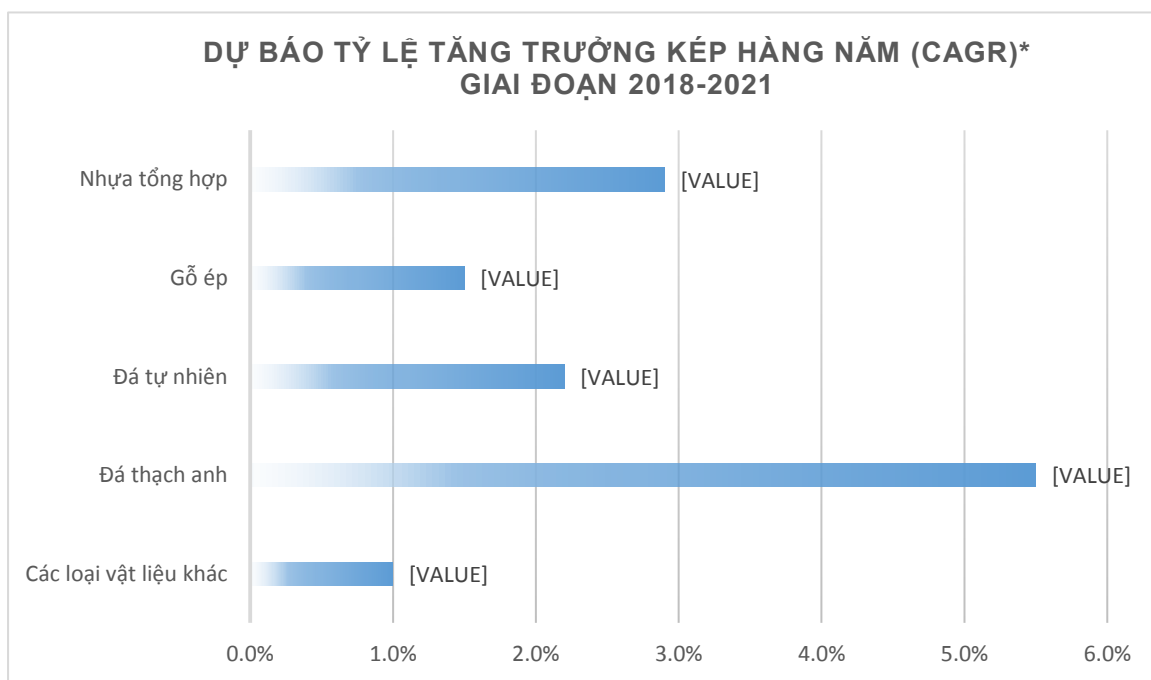
⁴ Nguồn tham khảo: <https://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2019/01/08/darkening-prospects-global-economy-to-slow-to-29-percent-in-2019-as-trade-investment-weaken>

Với những tính năng vượt trội như độ bền, độ cứng, khả năng chống trầy xước, chống bám bẩn, ngừa vi khuẩn, chống thấm nước..., đá thạch anh trở thành vật liệu lý tưởng để làm bề mặt bếp, bề mặt bàn trà, những nơi đòi hỏi cả về mặt thẩm mỹ và công năng trong ngôi nhà.

Nhu cầu của thị trường đá thạch anh

Theo kết quả nghiên cứu của The Freedonia Group, Inc. (Công ty nghiên cứu thị trường tại Mỹ), nhu cầu thị trường vật liệu bề mặt toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng trung bình 2,3% mỗi năm trong giai đoạn từ nay tới 2021, đạt mức 498 triệu m² năm 2021.

Cũng theo kết quả nghiên cứu của The Freedonia, solid surfaces (nhựa tổng hợp) hiện đang là vật liệu được sử dụng nhiều nhất với 22% tổng nhu cầu sử dụng vật liệu bề mặt toàn cầu năm 2018. Tiếp đến lần lượt là đá tự nhiên 21,5% và gỗ ép 20,4%. Tại các quốc gia mạnh về khai thác đá tự nhiên như Brazil, Ý, đá tự nhiên trở thành vật liệu truyền thống, thường được ưu tiên lựa chọn khi làm công trình bề mặt. Tuy nhiên, với các quốc gia chuyên nhập khẩu đá tự nhiên, vật liệu này lại được coi là hàng xa xỉ. Gỗ ép được sử dụng rộng rãi tại khu vực Bắc Mỹ với gần 1/3 số lượng gỗ ép bán ra thị trường được tiêu thụ tại khu vực này. Tuy nhiên, do xu hướng thị trường và những yếu điểm về sản phẩm, gỗ ép được dự báo là vật liệu có mức độ tăng trưởng chậm nhất trong các loại vật liệu với khoảng 1,5% hàng năm trong giai đoạn 2016-2021 và sẽ mất dần thị phần cho vật liệu đá tự nhiên và đá nhân tạo, trong đó có đá thạch anh. Cụ thể, theo kết quả nghiên cứu của The Freedonia, tổng nhu cầu sử dụng đá thạch anh nhân tạo toàn cầu năm 2018 đạt khoảng 53 triệu m² và được dự báo sẽ tăng trưởng trung bình khoảng 5,5% mỗi năm trong giai đoạn 2016-2021. Đây cũng là vật liệu được dự báo có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong số các loại vật liệu bề mặt.



(Nguồn: World Countertops Report – The Freedonia Group)

*: CAGR: Compound Annual Growth rate

Thị trường châu Á Thái Bình Dương được dự báo là thị trường tiêu thụ đá thạch anh nhiều nhất với 60% tổng nhu cầu thị trường toàn cầu. Với số dân 4,5 tỷ người và đang trên đà phát triển, nhu cầu nhà ở liên tục tăng, châu Á Thái Bình Dương là một thị trường thực sự tiềm năng nhưng cũng đầy cạnh tranh với sự góp mặt lâu năm của các nhà sản xuất đá châu Âu, châu Mỹ, và đặc biệt là sự xuất hiện gần đây của các nhà sản xuất đá thạch anh Trung Quốc tấn công vào phân khúc giá thấp. Dù vậy, với chất lượng đảm bảo và những mẫu mã độc đáo, Vicostone hoàn toàn tự tin tại thị trường tiềm năng này và gia tăng thị phần tại đây. Trong hơn 10 năm qua, Vicostone đã và đang phát triển mạnh tại thị trường Úc với mức doanh thu tại Úc luôn chiếm hơn 20% tổng doanh thu của Vicostone. Đây là một trong những thị trường sử dụng phổ biến đá thạch anh làm mặt bàn bếp và các ứng dụng bề mặt khác. Mặc dù đá thạch anh thâm nhập vào thị trường Úc tương đối muộn so với những vật liệu khác nhưng với những ưu việt về cơ lý tính so với đá tự nhiên, sự đa dạng về màu sắc, lợi thế về giá cả, đá thạch anh dần dần chiếm lĩnh và dẫn đầu thị trường với khoảng 45% thị phần năm 2018. Bên cạnh đó, sau nhiều năm chinh chiến ở các thị trường nước ngoài, Vicostone đã chính thức phân phối sản phẩm đá thạch anh tại thị trường Việt Nam từ năm 2017 và tổ chức nhiều hoạt động truyền thông quảng bá mạnh mẽ trong năm 2018. Đá thạch anh nhân tạo là loại vật liệu còn khá mới mẻ tại thị trường Việt Nam nhưng bước đầu đang được người tiêu dùng đón nhận và lựa chọn để thay thế đá tự nhiên truyền thống làm vật liệu bề mặt.

Nhìn vào số liệu nhập khẩu đá thạch anh năm 2018 ở hai quốc gia Mỹ và Canada, có thể thấy đây là thị trường tiêu thụ đá thạch anh lớn và vẫn đang tiếp tục tăng trưởng với tổng giá trị nhập khẩu lên tới 1,2 tỷ đô (tính đến tháng 10/2018, theo số liệu nhập khẩu đá thạch anh nhân tạo vào Mỹ và Canada năm 2018 của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (USITC) và Cục thống kê Canada.)

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc mở ra cơ hội tăng thị phần đá thạch anh Vicostone tại Mỹ khi đá thạch anh Trung Quốc bị áp mức thuế chống trợ cấp từ 34,38% đến 178,45% và thuế nhập khẩu 25%. Dự kiến sản lượng nhập khẩu đá nhân tạo Trung Quốc sụt giảm do ảnh hưởng của thuế, sản phẩm Trung Quốc mất đi lợi thế cạnh tranh về giá, nhờ đó, giảm bớt áp lực cạnh tranh về giá tại thị trường Mỹ. Tuy nhiên, với những động thái của Trung Quốc như đầu tư sản xuất tại nước thứ 3 hay chuyển dịch sang sản xuất các dòng sản phẩm thay thế tương đồng khác, cơ hội cho Vicostone hay các thương hiệu đá thạch anh khác cũng sẽ bị hạn chế.

Bên cạnh đó, Vicostone được đánh giá có tính cạnh tranh cao về số lượng và tính độc đáo của các mẫu mã thiết kế so với các thương hiệu đá nhân tạo lớn khác. Hiện Vicostone đã có cơ sở tại Mỹ (từ năm 2010) và Canada (từ 2015) với hệ thống phân phối trực tiếp khắp các bang lớn. Với giá bán sau chi phí lắp đặt rất cạnh tranh với các đối thủ cùng phân khúc trên thị trường và hệ thống bán hàng rộng khắp, VICOSTONE® có thể cạnh tranh tốt với các thương hiệu lớn và có tên tuổi tại Bắc Mỹ.

Thị trường châu Âu: Tại thị trường châu Âu, đặc biệt là khu vực Tây Âu, đá thạch anh cũng được dự báo là vật liệu có mức tăng trưởng tốt nhất so với các loại vật liệu khác với tốc độ trung bình 3,7%/năm trong giai đoạn từ nay tới 2021, thị phần dự báo tăng lên mức 12,5% vào năm 2021. Trong đó, đáng chú ý nhất là các thị trường Đức, Anh, Ý và Pháp – chiếm 66% tổng mức tiêu thụ các sản phẩm bếp của châu Âu. Bức tranh kinh tế của thị trường châu Âu khởi sắc trở lại cũng mở ra nhiều cơ hội phát triển mới cho các nhà cung cấp đá thạch anh trên thế giới nói chung và Vicostone nói riêng.

3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1 Tổng quan tình hình hoạt động năm 2018

3.1.1 Báo cáo kết quả thực hiện so với kế hoạch và so với năm trước liền kề

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	TH/KH năm 2018 (%)	Tăng trưởng 2018 so với năm 2017 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.408,08	5.290,00	4.564,50	86,29%	3,55%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.125,01	1.355,00	1.318,51	97,31%	17,20%

Với đà tăng trưởng cao về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của những năm trước cùng với các kết quả phân tích về thị trường, năm 2018 Vicostone đặt kế hoạch tăng trưởng kép cả về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế (mức tăng trưởng là 20%). Đây là một thách thức lớn trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Trên thực tế, năm 2018 là năm có nhiều biến động lớn về chính trị và kinh tế. Tại thị trường lớn nhất của Vicostone, chế độ, chính sách, hành lang pháp lý bị điều chỉnh, thay đổi mà khi lập kế hoạch Ban lãnh đạo Công ty chưa thể dự kiến, đo lường hết ảnh hưởng của nó tới kết quả kinh doanh.

Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 đạt 86,29% và lợi nhuận trước thuế đạt 97,31% so với kế hoạch đặt ra.

Những nguyên nhân tác động đến việc doanh thu năm 2018 của Vicostone không đạt được mục tiêu kế hoạch như sau:

- Vụ kiện chống bán phá giá của một công ty sản xuất đá thạch anh nhân tạo của Mỹ đối với các sản phẩm của Trung Quốc dẫn đến việc Trung Quốc xuất hàng ồ ạt vào thị trường Mỹ để tránh bị áp thuế. Việc lưu trữ rất lớn hàng Trung Quốc của các nhà cung cấp làm ảnh hưởng tới doanh thu của Vicostone. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 thể hiện rất rõ điều này: Tổng doanh thu của Vicostone giảm 3,67% so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 10/2018 trở đi, Mỹ áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm đá thạch anh nhân tạo Trung Quốc khiến sản lượng nhập của Trung Quốc vào thị trường Mỹ giảm xuống. Khi ấy doanh thu của Vicostone có cơ hội tăng lên, đặc biệt là từ tháng 12/2018. Tổng doanh thu của Vicostone 6 tháng cuối năm tăng trưởng 11,12% so với cùng kỳ năm trước.
- Áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường quốc tế từ các công ty sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh; từ các sản phẩm thay thế đá tự nhiên khác; thậm chí cả từ thị trường đá tự nhiên toàn cầu.
- Cạnh tranh về giá của các sản phẩm Trung Quốc trên thị trường toàn cầu.

Mặc dù tổng doanh thu không đạt so với kỳ vọng nhưng Vicostone đã có một số điểm tích cực trong năm 2018:

- Tổng doanh thu của Vicostone vẫn tăng trưởng 3,55% so với năm 2017 mặc dù bối cảnh nền kinh tế ngày càng cạnh tranh gay gắt, ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc. Mặt khác, năm 2017, Công ty phát sinh khoản chuyển nhượng dự án nhà ở cho CBCNV cho

Công ty Cổ phần tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A, số tiền là 277,9 tỷ đồng. Do đó, nếu chỉ tính hoạt động kinh doanh thường xuyên, tổng doanh thu của Công ty tăng 434,33 tỷ đồng (10,52%).

- Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả của công tác quản trị vì vậy trong điều kiện giá nguyên vật liệu đầu vào không ngừng tăng cao, doanh thu tăng trưởng 3,55% nhưng chỉ số số lợi nhuận gộp và lợi nhuận trước thuế Công ty đều đạt được tăng trưởng ở mức cao so với cùng kỳ năm trước: Lợi nhuận gộp và lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng trưởng so với năm 2017 lần lượt là: 18,03% và 17,20%.
- Trong năm qua, thương hiệu của Công ty đã được phát triển trên thị trường nội địa và quốc tế. Đây là điều kiện thuận lợi để tăng doanh thu cho các năm sau.
- Nội lực của Công ty đã được nâng cao đáng kể về các mặt: tài chính, quản trị, công nghệ...
- Chất lượng nhân sự đã cải thiện rất nhiều so với 2 năm gần đây.

3.1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả chỉ tiêu chính về SXKD

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	TH năm 2017	TH năm 2018	(%) Tăng/giảm 2018 so với năm 2017
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đồng	1.768.944	1.993.499	2.453.366	23,07
2	Kim ngạch XNK hàng hóa	Tr.USD	146,97	186,90	204,63	9,49
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	3.242.148	4.408.080	4.564.503	3,55
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	813.762	1.125.012	1.318.511	17,20
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	675.982	1.121.778	1.123.544	0,16
6	Nộp ngân sách nhà nước: số đã nộp	Tr.đồng	214.818	172.137	234.104	36,00
7	Khấu hao Tài sản cố định	Tr.đồng	67.589	69.627	73.429	5,46
8	Vốn chủ sở hữu có đến cuối kỳ	Tr.đồng	1.447.136	2.395.890	2.730.553	13,97
9	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	200.105	62.746	151.733	141,82
10	Lao động & Tiền lương					
	Lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	614	640	682	6,56
	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	16.128	17.020	18.678	9,74

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017 (*)	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,59	2,33	2,27
Hệ số thanh toán nhanh:			
(TSLĐ-Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	0,74	1,26	1,08
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,57	0,37	0,38
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,31	0,59	0,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Số ngày hàng tồn kho:			
360*Hàng tồn kho bình quân/Giá vốn hàng bán	209	173	208
Số ngày phải thu tiền bán hàng			
360*(Khoản phải thu bình quân - Người mua trả tiền trước bình quân)/Doanh thu thuần	64	65	84
Số ngày phải trả cho người bán			
360*(Khoản phải trả bình quân - Ứng trước cho người bán bình quân)/Giá vốn hàng bán	52	54	41
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,96	1,14	1,03
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,21	0,26	0,25
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,47	0,47	0,41
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,20	0,29	0,26
Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,25	0,26	0,29

(*) Do năm 2017 Công ty không còn công ty con nên số liệu được trình bày trong năm và cuối năm 2017 là số liệu của báo cáo tài chính riêng, số liệu đầu năm 2017 là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm 2018, Vicostone đã đặt ra mức tăng trưởng cao trong bối cảnh nền kinh tế biến động hàng ngày. Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh cùng với cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc đã làm doanh thu năm 2018 tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng. Trong năm Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả, phải thu xấu, tài sản xấu nào ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Các chỉ số về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh năm 2018 thấp hơn so với năm 2017 do tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn thấp hơn so với tốc độ tăng của nợ ngắn hạn và do hàng tồn kho năm 2018 tăng hơn so với năm 2017.

Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2018 cao hơn năm 2017 do tốc độ tăng của nợ phải trả nhanh hơn tốc độ tăng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu.

Số ngày hàng tồn kho năm 2018 tăng 35 ngày so với năm 2017, nguyên nhân do năm 2018 doanh thu không đạt được theo kỳ vọng đặt ra dẫn đến tồn kho thành phẩm tăng cao. Tuy nhiên, Công ty

đã có kế hoạch để giải phóng lượng hàng tồn kho này trong năm 2019 và duy trì số ngày hàng tồn kho theo đúng chính sách của Công ty.

Số ngày phải thu tiền bán hàng năm 2018 tăng 19 ngày so với năm 2017, nguyên nhân do số dư công nợ cuối năm 2018 tăng 34,46% so với cuối năm 2017. Các khách hàng được trả chậm đều là những khách hàng truyền thống, có năng lực tài chính tốt.

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2018 thấp hơn so với năm 2017 nguyên nhân do năm 2017 Công ty xác định lại thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập phát sinh từ dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex”. Theo đó, hoạt động bán sản phẩm của nhà máy số 2 năm này được miễn thuế; đồng thời số thuế TNDN năm 2015, 2016 đã nộp được điều chỉnh vào năm 2017 làm lợi nhuận tăng thêm 109,2 tỷ đồng (Năm 2018 thuế suất thuế TNDN của hoạt động này là 10%).

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản năm 2018 thấp hơn so với năm 2017 do tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế thấp hơn so với tốc độ tăng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu.

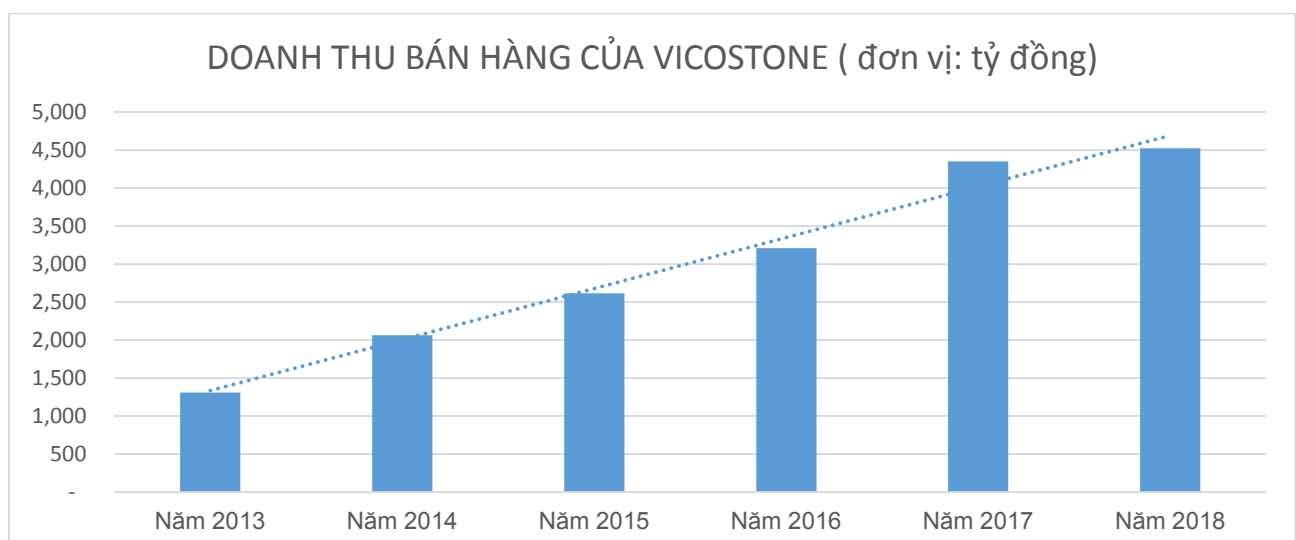
Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần năm 2018 là 0,29 cao hơn so với năm 2017. Điều này thể hiện kết quả của công tác quản trị chi phí của Công ty.

Như vậy, mặc dù hầu hết các chỉ số về khả năng thanh toán, cơ cấu vốn, chỉ tiêu về năng lực hoạt động và chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2018 thấp hơn so với năm 2017 nhưng vẫn ở mức cao so với trung bình thị trường ngành VLXD nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung tại Việt Nam trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn.

3.1.3 Hoạt động kinh doanh tại các thị trường

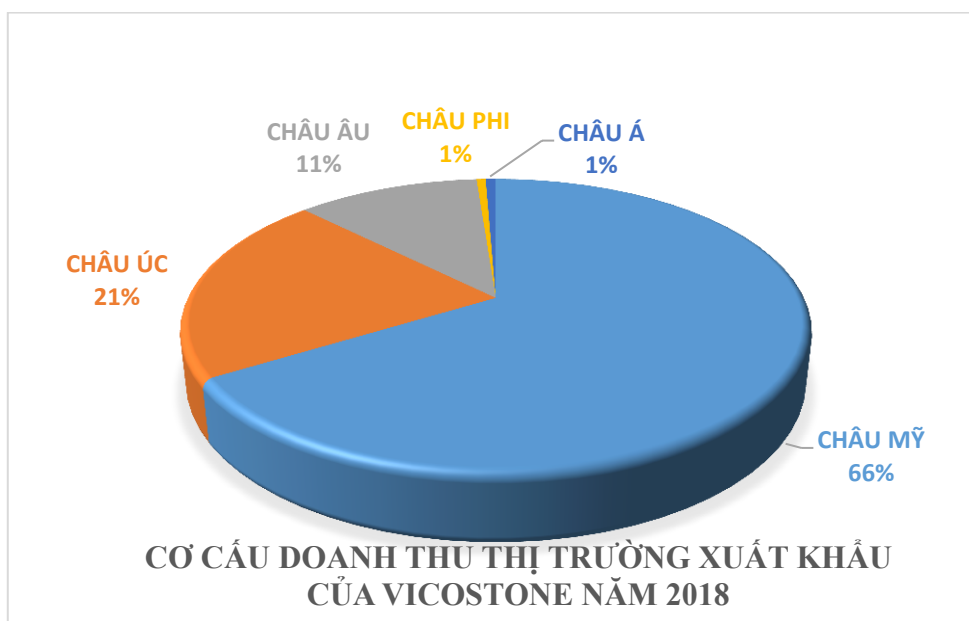
Năm 2018 là một năm đầy khó khăn của thị trường đá nhân tạo khi tăng trưởng kinh tế thế giới giảm tốc; tình hình lạm phát tại các quốc gia tăng trở lại; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung làm gia tăng các rủi ro và biến động thị trường; nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà cửa có xu hướng chững lại ở hầu hết các thị trường lớn như Mỹ, Úc, và Canada; sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành hàng, đặc biệt ảnh hưởng của vụ kiện chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc tại thị trường Mỹ...

Mặc dù thị trường nhiều biến động khó lường và đầy thách thức, bằng những nỗ lực và giải pháp kinh doanh linh hoạt, doanh thu bán hàng của Vicostone vẫn tăng trưởng nhẹ so với năm 2017 ở mức 4%. Cụ thể như sau:



Thị trường xuất khẩu

Doanh thu của Vicostone chủ yếu là đến từ hoạt động xuất khẩu đá VICOSTONE®, trong đó tập trung vào các thị trường chính bao gồm Bắc Mỹ, Úc và châu Âu. Doanh thu từ các thị trường này chiếm tỷ trọng lên tới 98,8% tổng doanh thu xuất khẩu của Vicostone năm 2018.



Có thể thấy, thị trường xuất khẩu chủ lực của Vicostone đều là những thị trường có sức mua lớn, nhưng cũng rất khắt khe về chất lượng và mẫu mã sản phẩm; đồng thời tại đây cũng có rất nhiều đối thủ cạnh tranh có bề dày kinh nghiệm hơn hẳn Vicostone. Để đứng vững trên các thị trường này, năm 2018 Vicostone đã có những chiến lược, chiến thuật kinh doanh linh hoạt và không ngừng sáng tạo.

Ngoài các thị trường chủ chốt, năm 2018, công ty cũng đã thâm nhập và phát triển một số thị trường mới, tiềm năng như phân khúc cao cấp của thị trường Trung Quốc, thị trường Malaysia... Tiếp tục phát triển tại các thị trường hiện có và mở rộng thị trường mới là cơ sở tiếp tục phát triển kinh doanh cho Vicostone năm 2019.

Thị trường nội địa

Năm 2018, Vicostone đã chính thức quay lại chinh phục người tiêu dùng trong nước với các hoạt động mở rộng thị trường trước hết tập trung tại các thành phố lớn Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang & Đà Nẵng. Cụ thể, Công ty đã mở rộng hệ thống showroom và xưởng chế tác tại các thị trường này để có thể phục vụ khách hàng tốt hơn và hiệu quả hơn.

Năm 2018, công ty cũng triển khai các hoạt động quảng bá truyền thông rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng như quảng cáo trên truyền hình, radio, báo chí, truyền thông online, tổ chức sự kiện và truyền thông tại điểm bán... Nhờ đó, tại thị trường Việt Nam mức độ nhận biết và độ hiện diện của thương hiệu VICOSTONE® được tăng trưởng rõ rệt và doanh thu có bước tăng trưởng đột phá lên tới **gần 100%** so với năm 2017. Có thể nói, năm 2018 là một năm thành công của Vicostone tại thị trường Việt Nam.

3.1.4 Hoạt động marketing

Tiếp theo sự kiện ra mắt bộ nhận diện thương hiệu VICOSTONE[®] năm 2017, năm 2018 là năm Vicostone đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu, đặc biệt ưu tiên cho thị trường trong nước nhằm tăng độ nhận biết về thương hiệu VICOSTONE[®] nói riêng và hiểu biết về sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh nói chung.

Với mục tiêu trở thành thương hiệu số một Việt Nam về đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp tại thị trường trong nước, một trong những dự án Marketing trọng điểm năm 2018 là triển khai chiến dịch Truyền thông Marketing tích hợp (Integrated Marketing & Communication) bài bản tại thị trường Việt Nam nhằm chính thức đưa thương hiệu VICOSTONE[®] với những sản phẩm đã được tin tưởng lựa chọn cho nhiều công trình tại Mỹ, Canada, Úc, Châu Âu tới người tiêu dùng Việt; đánh dấu bước ngoặt lớn trong chiến lược kinh doanh của công ty.

Công ty đã triển khai quảng bá thương hiệu VICOSTONE[®] rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Trọng tâm của chiến dịch là TVC được đầu tư chuyên nghiệp, bài bản và được chạy với tần suất lớn, ưu tiên tiếp cận khách hàng mục tiêu tại các thành phố lớn là thị trường trọng điểm của Vicostone tại Việt Nam. Bổ trợ cho TVC là các kênh Radio, OOH (Quảng cáo ngoài trời), chuỗi hoạt động triển lãm - sự kiện, PR và Digital Marketing được triển khai đồng bộ trên mạng xã hội (Facebook, Youtube, Instagram, Pinterest...), media (bao gồm SEM - Search Engine Marketing và GDN - Google Display Network), các hoạt động tại điểm bán...

Ngoài ra, để tối ưu hóa hiệu quả quảng cáo, website của Vicostone Việt Nam, Mỹ và Canada tiếp tục được nâng cấp với giao diện mới và các tiện ích phù hợp hơn và thuận tiện hơn với nhu cầu người dùng. Các hoạt động quảng cáo tìm kiếm cho thị trường Mỹ và Canada tiếp tục được đầu tư và đẩy mạnh.

Bên cạnh các hoạt động truyền thông marketing tích hợp hướng tới người tiêu dùng, năm 2018 Vicostone cũng triển khai các hoạt động kết nối với cộng đồng kiến trúc sư như: Tham gia tài trợ các chương trình dành cho kiến trúc sư, những người làm việc trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng, vật liệu; tổ chức chuỗi sự kiện “Sự kỳ diệu của thiên nhiên” được thiết kế dành riêng cho đối tượng kiến trúc sư được tổ chức tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, các buổi hội thảo dành riêng cho Kiến trúc sư; triển khai dự án series truyền hình tương tác “Sự cân bằng hoàn hảo” dành riêng cho giới kiến trúc sư và giới chuyên môn... Thông qua những hoạt động này, các kiến trúc sư đã biết đến thương hiệu VICOSTONE[®] và những tính năng vượt trội của đá VICOSTONE[®].

Những hoạt động truyền thông marketing giúp thay đổi nhận thức của người Việt về đá nhân tạo gốc thạch anh nói chung và nhận biết thương hiệu VICOSTONE[®] nói riêng, góp phần vào sự tăng trưởng doanh thu của Vicostone tại thị trường Việt Nam năm 2018.

Về công tác nghiên cứu thị trường, công ty đã triển khai công tác khảo sát thị trường trong nước và quốc tế bằng phương pháp nghiên cứu sơ cấp và thứ cấp, bao gồm đánh giá tiềm năng thị trường, đối thủ cạnh tranh, ảnh hưởng từ các ngành liên quan, xu hướng, thói quen người tiêu dùng và phân tích thực trạng của Vicostone ... và đã thu thập được những số liệu hữu ích, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh cho năm 2019.

3.2 Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm

Năm 2018, Vicostone tiếp tục triển khai các dự án của năm 2017 và đầu tư thêm một số hạng mục khác, cụ thể:

3.2.1 Dự án Đầu tư Dây chuyền mài bóng bổ sung

- Tổng mức đầu tư được duyệt: **147.573.972.025 đồng**
- Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty và vốn vay tín dụng thương mại
- Mục tiêu đầu tư: Nâng cao năng lực sản xuất, tăng công suất dây chuyền mài, mài các sản phẩm khó, đáp ứng tiến độ giao hàng và nâng cao doanh thu.
- Thời gian thực hiện: Từ Quý II/2017 đến Quý II/2018
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy 2, Công ty CP Vicostone, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Tình hình thực hiện: Đã hoàn thành lắp đặt dây chuyền và đưa vào hoạt động.
- Tổng giá trị đã thanh toán đến hết tháng 12 năm 2018 là: **108,7 tỷ đồng**

3.2.2 Dự án Cải tạo dây chuyền Rung ép Nhà máy 1

- Tổng mức đầu tư được duyệt: **28.232.466.262 đồng**
- Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty và vốn vay tín dụng thương mại
- Mục tiêu đầu tư:
 - + Nâng cao năng lực sản xuất, tăng công suất dây chuyền rung ép của Nhà máy 1;
 - + Đáp ứng về mặt thiết bị, công nghệ để dây chuyền có thể sản xuất các sản phẩm mới, phát triển sản phẩm độc đáo;
 - + Cải thiện môi trường làm việc: giảm bụi, giảm tiếng ồn.
- Thời gian thực hiện: Từ Quý II/2017 đến Quý II/2018
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy 1, Công ty CP Vicostone, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Tình hình thực hiện: Hoàn thành cải tạo dây chuyền rung ép, đưa dây chuyền vào hoạt động ổn định và nâng cao năng suất
- Tổng giá trị đã thanh toán đến hết tháng 12 năm 2018: ~ **25 tỷ đồng**

3.2.3 Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời hòa lưới Nhà điều hành

- Tổng mức đầu tư được duyệt: **3.514.203.000 đồng**
- Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty
- Mục tiêu đầu tư: Sử dụng năng lượng tái tạo vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí điện năng và sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 05/2018 đến tháng 10/2018
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Vicostone - Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Tiến độ thực hiện tới thời điểm này: Đã hoàn thành lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời hòa lưới Nhà điều hành và đưa vào sử dụng
- Giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của dự án là: **3.138.122.433 đồng**

3.2.4 Các dự án và hạng mục đầu tư nhỏ khác

Trong năm 2018, Công ty cũng tiến hành đầu tư mua sắm, xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục nhỏ nhằm đáp ứng yêu cầu, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh với mức ngân sách là trên 393 triệu đồng.

3.3 Phân tích tình hình tài chính năm 2018

3.3.1 Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017 (*)	2018
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	12,67	18,32	25,34	25,85	29,16
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,28	15,47	21,05	25,77	24,85
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	9,87	17,23	24,38	29,53	29,94
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	22,97	45,35	55,28	58,38	43,83
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	7,84	14,91	22,09	31,39	27,36
6	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,42	1,56	1,77	2,69	2,63
7	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,24	1,38	1,59	2,33	2,27
8	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,64	0,61	0,74	1,26	1,08
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	4.029	8.637	10.813	13.461	6.548
10	Giá trị sổ sách	Đồng/ CP	18.528	23.547	24.119	29.949	17.414

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con).

(*) Do năm 2017 Công ty không còn công ty con nên số liệu được trình bày trong năm và cuối năm 2017 là số liệu của báo cáo tài chính riêng, số liệu đầu năm 2017 là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất.

So sánh giữa năm 2018 và 2017, các chỉ tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế, Lợi nhuận sau thuế tăng, Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần có sự tăng trưởng hơn so với năm 2017. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần thấp hơn so với năm 2017. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng 193,50 tỷ đồng so với năm 2017 vì những nguyên nhân dưới đây:

- + Số lượng hàng bán tăng dẫn đến doanh thu thuần tăng 169.072,02 triệu đồng, tương ứng với 3,88%, làm lợi nhuận gộp tăng 228.428,07 triệu đồng. Năm 2017, Công ty có doanh thu chuyển nhượng nhà ở cho CBCNV với số tiền là 277 tỷ đồng. Nếu không tính khoản này, doanh thu thuần của Công ty tăng 10,97% so với năm 2017.
- + Doanh thu tài chính giảm 12.980,09 triệu đồng do năm 2017 Công ty phát sinh khoản lãi do chuyển nhượng khoản đầu tư vào CTCP Chế tác Đá Việt Nam 20.055,75 triệu đồng; lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 1.566,00 triệu đồng; lãi chênh lệch tỷ giá tăng 8.641,65 triệu đồng.
- + Chi phí tài chính tăng 21.053,71 triệu đồng chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 29.507,03 triệu đồng; lãi tiền vay giảm 8.391,45 triệu đồng.

- + Chi phí bán hàng tăng 4.278,15 triệu đồng, nguyên nhân chủ yếu do chi phí vật liệu dụng cụ cho bán hàng tăng lên cùng với sự tăng lên của doanh thu
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 6.103,89 triệu đồng, nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương và lương bổ sung giảm 3.265,7 triệu đồng; chi phí hội nghị, đại hội giảm: 1.882,55 triệu đồng.
- + Chi phí thuế thu nhập hiện hành tăng 191.733,02 triệu đồng nguyên nhân do năm 2017 Công ty đã xác định lại thuế TNDN năm 2015, 2016 đối với thu nhập phát sinh từ dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex” (Nhà máy số 2). Theo đó số thuế TNDN năm 2015, 2016 đã nộp được điều chỉnh vào năm 2017 làm lợi nhuận tăng thêm 109.237,68 triệu đồng. Bên cạnh đó hoạt động bán sản phẩm của Nhà máy số 2 năm 2017 được miễn thuế, năm 2018 thuế suất thuế TNDN của hoạt động này là 10%.

Các chỉ số ROAE, ROAA năm 2018 vẫn được duy trì ở mức cao thể hiện hiệu quả sử dụng đồng vốn. Mặc dù năm 2018 Công ty không có khoản thuế được hoàn, lãi chuyển nhượng đầu tư như năm 2017, chi tiết như đã trình bày ở trên.

- Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tuy thấp hơn năm 2017 nhưng vẫn ở mức cao là 2,63 lần và 2,27 lần.

Các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu: Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn như sau:

+ Tài sản ngắn hạn tăng: 503.152 triệu đồng

Do:

Vốn bằng tiền giảm: (228.927) triệu đồng

Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm: (30.000) triệu đồng

Hàng tồn kho tăng: 472.861 triệu đồng

Các khoản phải thu tăng: 298.694 triệu đồng

Thuế GTGT được khấu trừ, thuế và các khoản phải thu NN giảm: (9.692) triệu đồng

Tài sản ngắn hạn khác tăng: 215 triệu đồng

+ Nợ ngắn hạn tăng: 260.028 triệu đồng

Do:

Phải trả cho người bán và người mua ứng tiền trước giảm: (94.306) triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng: 63.567 triệu đồng

Phải trả người lao động giảm: (3.543) triệu đồng

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng: 195.537 triệu đồng

Các khoản phải trả khác tăng: 98.773 triệu đồng

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2018 là 1,08 lần, thấp hơn so với năm 2017 do (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) tăng 30.290,29 triệu đồng và Nợ ngắn hạn tăng 260.027,81 triệu đồng.

Các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh đều được duy trì ở mức cao giúp cho Công ty chủ động về tình hình tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán.

- Giá trị sổ sách năm 2018 tăng so với năm 2017 với giá trị tuyệt đối là: 334.662 triệu đồng
Tuy nhiên, giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu năm 2018 giảm 12.534 đồng so với năm 2017; nguyên nhân do số cổ phiếu đang lưu hành tăng từ 80 triệu CP lên 156,8 triệu cổ phiếu.

3.3.2 Giá trị sổ sách

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2014)	Số cuối năm (31/12/2015)	Số cuối năm (31/12/2016)	Số cuối năm (31/12/2017)	Số cuối năm (31/12/2018)	Tăng/Giảm 2018 so với 2017 (+/-)
A	TÀI SẢN						
1	Tài sản ngắn hạn	1.876.334.812.963	2.010.925.147.284	2.729.081.767.293	3.291.343.374.668	3.794.495.007.360	503.151.632.692
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	77.338.056.411	295.395.072.292	433.971.607.316	656.279.062.859	427.351.751.020	(228.927.311.839)
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	6.153.333.333	-	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	757.899.635.969	496.457.054.880	699.403.325.617	951.290.523.619	1.249.984.440.619	298.693.917.000
1.4	Hàng tồn kho	905.679.941.802	1.122.033.575.196	1.458.170.374.347	1.513.931.435.283	1.986.792.777.928	472.861.342.645
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	135.417.178.781	90.886.111.583	137.536.460.013	139.842.352.907	130.366.037.793	(9.476.315.114)
2	Tài sản dài hạn	771.606.795.605	770.555.114.830	608.848.996.604	518.411.252.031	609.832.297.541	91.421.045.510
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	-
2.2	Tài sản cố định	655.703.872.782	597.265.777.339	548.377.023.352	483.762.757.473	548.662.662.740	64.899.905.267
2.3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	78.246.658.959	123.070.832.393	4.674.389.078	20.669.627.555	40.498.242.919	19.828.615.364
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	29.976.856.783	35.207.382.225	38.248.003.359	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2014)	Số cuối năm (31/12/2015)	Số cuối năm (31/12/2016)	Số cuối năm (31/12/2017)	Số cuối năm (31/12/2018)	Tăng/Giảm 2018 so với 2017 (+/-)
2.5	Tài sản dài hạn khác	7.649.407.081	14.981.122.873	17.519.580.815	13.948.867.003	20.641.391.882	6.692.524.879
2.6	Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.647.941.608.568	2.781.480.262.114	3.337.930.763.897	3.809.754.626.699	4.404.327.304.901	594.572.678.202
B	NGUỒN VỐN						
I	Nợ phải trả	1.862.145.236.939	1.782.888.942.313	1.890.794.978.521	1.413.864.163.277	1.673.774.768.632	259.910.605.355
1.1	Nợ ngắn hạn	1.507.151.540.475	1.457.948.384.373	1.714.188.084.146	1.413.416.219.225	1.673.444.027.380	260.027.808.155
1.2	Nợ dài hạn	354.993.696.464	324.940.557.940	176.606.894.375	447.944.052	330.741.252	(117.202.800)
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	785.567.368.348	998.362.316.520	1.447.135.785.376	2.395.890.463.422	2.730.552.536.269	334.662.072.847
2.1	Vốn chủ sở hữu	785.567.368.348	998.362.316.520	1.447.135.785.376	2.395.890.463.422	2.730.552.536.269	334.662.072.847
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-	-	-
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỆU SÔ	229.003.281	229.003.281	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.647.941.608.568	2.781.480.262.114	3.337.930.763.897	3.809.754.626.699	4.404.327.304.901	594.572.678.202

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

Tổng tài sản năm 2018 tăng so với năm 2017: 594.572,68 triệu đồng bao gồm: Tài sản ngắn hạn tăng: 503.151,63 triệu đồng; Tài sản dài hạn tăng: 91.421,05 triệu đồng.

Tài sản ngắn hạn tăng, lý do:

- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm: 228.927,31 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 30.000,00 triệu đồng là do cuối năm Công ty không còn khoản tiền gửi tiết kiệm có thời gian đáo hạn trên 3 tháng
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 298.693,92 triệu đồng cụ thể:

	<u>Đầu năm</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Cuối năm - đầu năm</u>
Phải thu từ KH nước ngoài	807.337.672.089	829.296.426.523	21.958.754.434
Phải thu từ các khách hàng trong nước	99.275.266.519	389.719.244.019	290.443.977.500
Trả trước cho các nhà cung cấp nước ngoài	36.675.654.620	24.313.865.624	(12.361.788.996)
Trả trước cho các nhà cung cấp trong nước	5.369.679.181	5.495.458.812	125.779.631
Phải thu về cho vay ngắn hạn	50.129.329	50.129.329	-
Các khoản phải thu khác	3.487.430.653	2.014.625.084	(1.472.805.569)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(905.308.772)	(905.308.772)	-
Tổng	951.290.523.619	1.249.984.440.619	298.693.917.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	906.612.938.608	1.219.015.670.542	312.402.731.934
Trả trước cho người bán ngắn hạn	42.045.333.801	29.809.324.436	(12.236.009.365)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	50.129.329	50.129.329	-
Các khoản phải thu khác	3.487.430.653	2.014.625.084	(1.472.805.569)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(905.308.772)	(905.308.772)	-
Tổng	951.290.523.619	1.249.984.440.619	298.693.917.000

Phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 312.402,73 triệu đồng từ 906.612,94 triệu đồng đầu năm lên 1.219.015,67 triệu đồng vào cuối năm. Các khách hàng được trả chậm đều là khách hàng truyền thống, có năng lực tài chính tốt, có lịch sử luôn thanh toán đúng hạn.

Trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 12.236,01 triệu đồng từ 42.045,33 triệu đồng đầu năm xuống 29.809,32 triệu đồng vào cuối năm, do năm 2017 Công ty phát sinh khoản ứng trước số tiền là 31.467,58 triệu đồng để mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

Các khoản phải thu khác giảm 1.472,81 triệu đồng do năm 2017 Công ty phát sinh khoản ký quỹ mở LC số tiền 2.200,00 triệu đồng, năm 2018 không phát sinh; Phải thu khác của người lao động tăng 533,67 triệu đồng; tạm ứng cho CBCNV tăng 193,53 triệu đồng.

- Hàng tồn kho tăng 472.861 triệu đồng

Bao gồm:

Hàng mua đang trên đường giảm:	(2.083,46)	triệu đồng
Nguyên liệu. vật liệu tăng:	19.029,57	triệu đồng
Công cụ. dụng cụ tăng:	30.797,73	triệu đồng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm:	(17.664,63)	triệu đồng
Thành phẩm do Vicostone sản xuất tăng:	21.554,87	triệu đồng
Hàng hóa tăng:	414.873,70	triệu đồng
Dự phòng giảm giá hàng tồn giảm:	6.353,56	triệu đồng

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tăng lần lượt là: 19.029,57 và 30.797,73 triệu đồng để đáp ứng các kế hoạch sản xuất, dự phòng sửa chữa thiết bị của Công ty. Tồn kho của thành phẩm, hàng hóa tăng lên lần lượt là 21.554,87 và 414.873,70 triệu đồng do Công ty sản xuất theo kế hoạch doanh thu đầu năm đặt ra, tuy nhiên thực tế doanh thu không đạt được so với mức kỳ vọng, dẫn đến tồn kho thành phẩm tự sản xuất và mua bên ngoài tăng cao. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho 6.353,56 triệu đồng do một số thành phẩm trích lập dự phòng của công ty đã được xử lý, làm mới lại và đã bán được ra thị trường hoặc sử dụng được cho các dự án của Công ty.

- Tài sản ngắn hạn khác giảm (9.476) triệu đồng

Do:

Chi phí trả trước ngắn hạn tăng:	215	triệu đồng
Thuế GTGT được khấu trừ tăng:	31.691	triệu đồng
Thuế và các khoản phải thu nhà nước giảm:	(41.382)	triệu đồng

Tài sản dài hạn giảm: 91.421 triệu đồng. gồm:

- Tài sản cố định giảm: 64.900 triệu đồng

Do:

Giảm do trích khấu hao trong năm:	(73.429)	triệu đồng
Tăng do mua mới. XDCB hoàn thành trong kỳ:	138.328	triệu đồng

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng: 19.829 triệu đồng

Nguyên nhân:

Các dự án xây dựng cơ bản tăng	21.049	triệu đồng
Mua sắm giảm	(1.220)	triệu đồng

- Tài sản dài hạn khác tăng:	6.693	triệu đồng
Do:		
+ Chi phí trả trước dài hạn tăng:	6.693	triệu đồng
Nguồn vốn bù đắp cho số tài sản tăng lên do:		
- Nợ phải trả tăng:	259.911	triệu đồng
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán ngắn hạn và Người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm:	(94.306)	triệu đồng
Vay vốn lưu động phục vụ SXKD tăng:	195.537	triệu đồng
Thuế và các khoản phải trả nhà nước tăng:	63.567	triệu đồng
Cổ tức phải trả tăng:	88.619	triệu đồng
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn, dài hạn còn lại tăng:	6.494	triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu tăng:	334.662	triệu đồng
<i>Trong đó:</i>		
+ Lợi nhuận từ kết quả hoạt động SXKD năm 2018:	1.123.544	triệu đồng
+ Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trả cổ tức:	(476.800)	triệu đồng
+ Mua cổ phiếu quỹ:	(240.431)	triệu đồng
+ Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	(71.651)	triệu đồng

Như vậy Tài sản tăng do Tài sản ngắn hạn tăng, Nguồn bù đắp cho phần tài sản tăng thêm chủ yếu là do Vốn chủ sở hữu tăng.

3.3.3 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017 (*)	Năm 2018
Doanh thu thuần	2.063.513.380.958	2.616.164.952.027	3.211.489.780.383	4.352.524.092.876	4.521.596.112.810
Tổng chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp					
Chi phí nhân viên	40.762.916.041	28.672.664.199	26.918.224.498	27.380.348.589	25.513.576.940
Tỷ lệ %	1,98%	1,10%	0,84%	0,63%	0,56%
Chi phí vật liệu, CCDC	15.675.804.844	8.773.098.358	9.358.263.710	13.321.939.880	18.734.670.015
Tỷ lệ %	0,76%	0,34%	0,29%	0,31%	0,41%
Chi phí khấu hao	9.506.074.441	8.157.887.278	8.188.359.761	8.494.440.007	8.744.006.369
Tỷ lệ %	0,46%	0,31%	0,25%	0,20%	0,19%
Chi phí bảo hành	-	-	-	-	-
Tỷ lệ %	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Thuế, phí, lệ phí	981.752.451	311.740.940	344.118.401	362.583.440	357.541.897
Tỷ lệ %	0,05%	0,01%	0,01%	0,01%	0,01%
Chi phí dự phòng, thương hiệu, lợi thế thương mại	12.791.260.526	737.209.696	163.670.575	280.673.174	58.320.012
Tỷ lệ %	0,62%	0,03%	0,01%	0,01%	0,00%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.660.964.664	70.582.464.832	72.610.662.579	81.005.720.128	80.062.121.096
Tỷ lệ %	3,04%	2,70%	2,26%	1,86%	1,77%

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017 (*)	Năm 2018
Chi phí bằng tiền khác	13.283.550.555	15.254.938.718	18.652.619.067	17.002.160.943	12.551.895.623
Tỷ lệ %	0,64%	0,58%	0,58%	0,39%	0,28%
Cộng chi phí bán hàng, chi phí QLDN	155.662.323.522	132.490.004.021	136.235.918.591	147.847.866.161	146.022.131.952
Tỷ lệ %	7,54%	5,06%	4,24%	3,40%	3,23%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 giảm 1.825,73 triệu đồng so với năm 2017; tỷ lệ trên Doanh thu thuần tương ứng giảm từ 3,40% xuống 3,23%. Chi tiết việc tăng giảm như sau:

- Chi phí nhân viên giảm 1.866,77 triệu đồng tương ứng với -6,82%; tỉ lệ trên Doanh thu thuần giảm từ 0,63% xuống 0,56%. Mặc dù vậy công ty luôn đảm bảo sự tăng trưởng trong thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân của nhân viên tăng từ 17,02 triệu đồng/tháng lên 18,86 triệu đồng/tháng.
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ tăng 5.412,73 triệu đồng tương ứng với 40,63%. Tỷ lệ trên Doanh thu thuần tăng từ 0,31% lên 0,41%, do trong năm, số lượng hàng bán tăng lên nên chi phí vật liệu bán hàng cũng tăng tương ứng. Ngoài ra, trong năm, hoạt động bán hàng trong nước cũng được đẩy mạnh hơn nên các chi phí này cũng tăng lên so với năm 2017;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định tăng 249,57 triệu đồng tương ứng với 2,94%. Tỷ lệ trên Doanh thu thuần giảm từ 0,20% xuống 0,19%;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 943,60 triệu đồng tương ứng với -1,16%; tỷ lệ trên Doanh thu thuần giảm từ 1,86% xuống 1,77%.

Như vậy, năm 2018 bằng việc duy trì chương trình tiết kiệm chi phí, Công ty đã quản lý hiệu quả chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.3.4 Nợ phải trả

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Nợ cuối năm 2014	Nợ cuối năm 2015	Nợ cuối năm 2016	Nợ cuối năm 2017	Nợ cuối năm 2018	Tăng/giảm 2018 so với 2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.212.957.606.689	1.178.560.448.863	1.083.352.550.815	955.024.601.355	1.150.561.555.555	195.536.954.200.00
Nợ ngắn hạn khác	294.193.933.786	279.387.935.510	630.835.533.331	458.391.617.870	522.882.471.825	64.490.853.955
Nợ dài hạn	354.993.696.464	324.940.557.940	176.606.894.375	447.944.052	330.741.252	(117.202.800)
Tổng nợ	1.862.145.236.939	1.782.888.942.313	1.890.794.978.521	1.413.864.163.277	1.673.774.768.632	259.910.605.355

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

Biến động nợ phải trả cụ thể như sau (Biến động giảm được ghi trong dấu ngoặc đơn):

- Vay và nợ ngắn hạn:	195.536.954.200	đồng
Vay ngắn hạn tăng:	195.536.954.200	đồng
Nợ dài hạn đến hạn trả giảm:	-	đồng
- Nợ ngắn hạn khác:	64.490.853.955	đồng
Phải trả người bán ngắn hạn giảm:	(96.969.778.530)	đồng
Người mua trả tiền trước tăng:	2.663.889.482	đồng
Thuế và các khoản nộp Nhà nước tăng:	63.566.592.258	đồng (*)
Phải trả người lao động giảm:	(3.542.661.865)	đồng
Phải trả ngắn hạn khác tăng:	88.894.112.584	đồng (**)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng:	9.878.700.026	đồng

(*) Biến động này chủ yếu ở thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Cuối năm 2018, Công ty còn thuế TNDN phải nộp là 63,5 tỷ đồng; cuối năm 2017, Công ty không có số dư thuế TNDN phải nộp do đã bù trừ với phần thuế nộp thừa từ các năm 2015, 2016.

(**) Biến động này chủ yếu ở khoản cổ tức phải trả cho Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A

- Nợ dài hạn:	(117.202.800)	đồng
Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ giảm:	(117.202.800)	đồng

3.3.5 Hàng tồn kho

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Giá vốn hàng bán	1.349.492.723.408	1.857.540.589.728	2.220.055.820.303	3.085.309.497.515	3.025.953.450.218
Hàng mua đang đi đường	35.627.698.367	36.923.516.159	26.704.251.421	56.557.798.286	54.474.340.275
Nguyên nhiên vật liệu	167.558.753.431	162.387.381.159	110.092.084.679	105.223.708.093	124.253.280.221
Công cụ dụng cụ	28.312.433.681	31.008.735.399	27.377.003.498	43.829.087.955	74.626.818.042
Bán thành phẩm	62.755.579.973	30.595.300.853	318.277.186.910	32.146.742.719	14.482.115.768
<i>Trong đó: Chi phí xây dựng nhà ở</i>			<i>275.356.571.531</i>	-	-
Thành phẩm	656.563.865.520	894.876.239.640	996.355.217.321	1.287.309.735.495	1.723.738.302.000
Hàng gửi bán	-				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(45.138.389.170)	(33.757.598.014)	(20.635.369.482)	(11.135.637.265)	(4.782.078.378)
Cộng	905.679.941.802	1.122.033.575.196	1.458.170.374.347	1.513.931.435.283	1.986.792.777.928

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

Hàng tồn kho cuối năm 2018 tăng 472.861 triệu đồng so với cuối năm 2017, trong đó thành phẩm (bao gồm thành phẩm tự sản xuất và thành phẩm mua ngoài) tăng 436.429 triệu đồng. Nguyên nhân do Công ty sản xuất theo kế hoạch doanh thu đầu năm đặt ra, tuy nhiên thực tế doanh thu không đạt được so với mức kỳ vọng, điều này đã được phân tích ở mục 3.1.1, dẫn đến tồn kho thành phẩm tăng cao. Tuy nhiên, Công ty đã có kế hoạch để giải phóng lượng hàng tồn kho này trong năm 2019 và duy trì số ngày hàng tồn kho theo đúng chính sách của Công ty. Nguyên nhiên vật liệu và công cụ dụng cụ tăng 49.827 triệu đồng để đáp ứng các kế hoạch sản xuất, dự phòng sửa chữa thiết bị của Công ty.

3.3.6 Hệ số quay vòng hàng tồn kho

ĐVT: Lần

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Hệ số quay vòng hàng tồn kho	1,66	1,83	1,72	2,08	1,73

Hệ số quay vòng hàng tồn kho năm 2018 của Công ty thấp hơn so với năm 2017 và gần với năm 2016 do tồn kho cuối năm 2018 tăng cao.

3.3.7 Những thay đổi về vốn cổ đông

ĐVT: Tỷ đồng

	Năm 2014 (*)	Năm 2015 (*)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018 (*)
Vốn góp của cổ đông	423,99	423,99	600,00	800,00	1.568,00

(*) Công ty nắm giữ số lượng cổ phiếu quỹ vào cuối năm 2015 là 10.599.800 cổ phiếu; cuối năm 2018 là 3.200.000 cổ phiếu.

Tổng số cổ phần theo từng loại: Tính đến ngày 31/12/2018, số cổ phiếu lưu hành trên thị trường là 156.800.000 cổ phiếu.

3.3.8 Phân tích các chỉ tiêu trong Báo cáo KQKD

a. Báo cáo kết quả kinh doanh qua các năm

DVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.098.540.444.526	2.618.277.734.889	3.211.964.848.407	4.352.524.092.876	4.522.435.184.761
Các khoản giảm trừ	35.027.063.568	2.112.782.862	475.068.024	-	839.071.951
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.063.513.380.958	2.616.164.952.027	3.211.489.780.383	4.352.524.092.876	4.521.596.112.810
Giá vốn hàng bán	1.349.492.723.408	1.857.540.589.728	2.220.055.820.303	3.085.309.497.515	3.025.953.450.218
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	714.020.657.550	758.624.362.299	991.433.960.080	1.267.214.595.361	1.495.642.662.592
Doanh thu hoạt động tài chính	31.283.820.499	25.512.052.408	25.934.115.295	54.377.404.040	41.397.309.947
Chi phí tài chính	334.075.827.746	169.979.978.711	70.953.282.040	48.814.490.753	69.868.203.492
Trong đó: chi phí lãi vay	89.362.215.715	81.066.518.606	50.242.971.449	40.596.080.433	32.204.626.279
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	6.511.095.899	5.724.536.337	3.854.482.424	-	-
Chi phí bán hàng	67.650.545.428	76.966.485.013	76.843.762.966	95.648.232.925	99.926.387.202
Chi phí quản lý doanh nghiệp	88.011.778.094	55.523.519.008	59.392.155.625	52.199.633.236	46.095.744.750
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	262.077.422.680	487.390.968.312	814.033.357.168	1.124.929.642.487	1.321.149.637.095
Thu nhập khác	813.647.218	826.873.115	869.766.648	1.178.903.601	1.509.915.834
Chi phí khác	1.418.695.777	9.004.133.907	1.140.985.779	1.096.988.069	4.148.980.489
Lợi nhuận khác	(605.048.559)	(8.177.260.792)	(271.219.131)	81.915.532	(2.639.064.655)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	261.472.374.121	479.213.707.520	813.762.138.037	1.125.011.558.019	1.318.510.572.440
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.056.941.093	74.582.447.525	139.608.246.117	3.233.701.436	194.966.717.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18.228.165.745	(2.118.943)	(1.827.825.932)	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	212.187.267.283	404.633.378.938	675.981.717.852	1.121.777.856.583	1.123.543.855.089
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	212.071.949.472	404.633.378.938	675.981.717.852	1.121.777.856.583	1.123.543.855.089
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	115.317.811	-	-	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.029	8.637	10.813	13.461	6.548

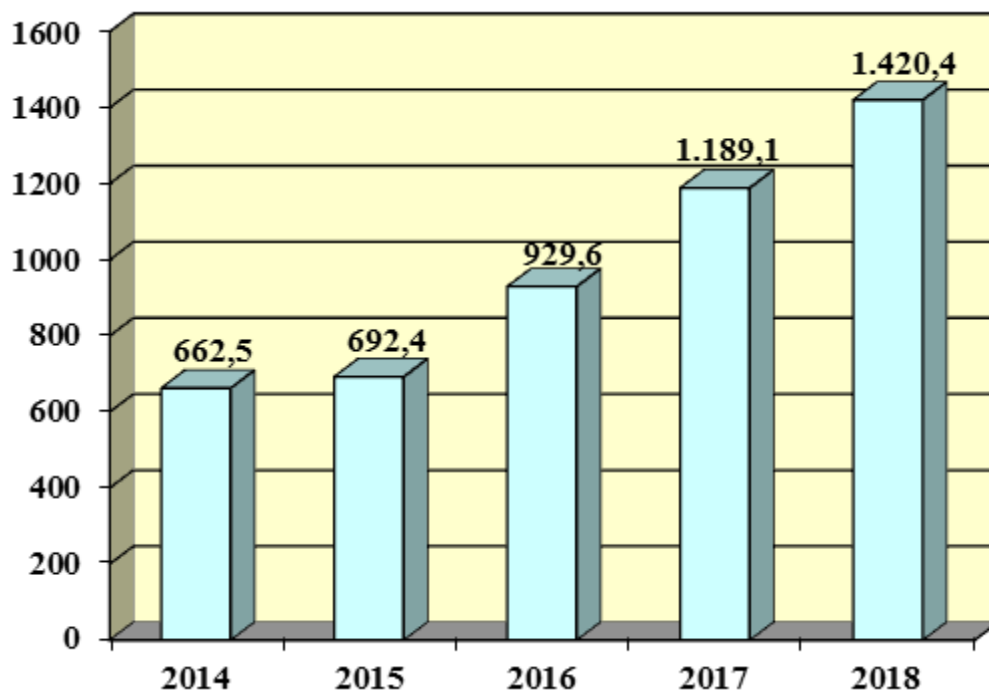
(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

b. Dữ liệu tài chính khác

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (1)	212.187.267.283	404.633.378.938	675.981.717.852	1.121.777.856.583	1.123.543.855.089
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và hoãn lại (2)	49.285.106.838	74.580.328.582	137.780.420.185	3.233.701.436	194.966.717.351
3. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (3)	101.717.228.375	68.702.778.929	67.588.776.716	69.627.210.979	73.428.586.478
4. Chi phí tài chính	334.075.827.746	169.979.978.711	70.953.282.040	48.814.490.753	69.868.203.492
Trong đó:					
- Chi phí lãi vay (4)	89.362.215.715	81.066.518.606	50.242.971.449	40.596.080.433	32.204.626.279
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện (5)	16.268.047.303	88.913.460.105	20.710.310.591	8.156.543.240	37.663.577.213

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018
- <i>Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư (6)</i>	224.983.938.827				
- <i>Chi phí tài chính khác (7)</i>				61.867.080	-
5. Doanh thu tài chính	31.283.820.499	25.512.052.408	25.934.115.295	54.377.404.040	41.397.309.947
Trong đó:					
- <i>Lãi tiền gửi, tiền cho vay (8)</i>	24.283.998.362	9.940.115.018	5.365.302.094	12.271.399.748	10.705.402.612
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện (9)</i>	6.999.822.137	15.571.937.390	17.297.046.372	22.050.257.892	30.691.907.335
<i>Lãi thanh lý các khoản đầu tư (10)</i>				20.055.746.400	-
6. EBITDA điều chỉnh (9)=(1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6)+(7)-(8)-(9)-(10)	662.519.983.842	692.384.412.752	929.641.848.327	1.189.075.855.711	1.420.410.052.463
7. EBITDA Margin (%)	32.11%	26.47%	28.95%	27.32%	31.41%



EBITDA điều chỉnh (2014 – 2018), ĐVT: Tỷ đồng

EBITDA phản ánh thu nhập trước thuế, trả lãi và khấu hao, là một chỉ tiêu đánh giá tỷ suất sinh lợi của doanh nghiệp, bằng thu nhập trừ các chi phí, nhưng chưa trừ tiền trả lãi, thuế và khấu hao. Chỉ tiêu EBITDA điều chỉnh như một thước đo hiệu suất bổ sung vì nó giúp quá trình so sánh hiệu suất hoạt động giữa các giai đoạn và giữa các công ty trở nên dễ dàng hơn bằng cách chỉ ra những chênh lệch gây ra bởi sự thay đổi kết cấu vốn (ảnh hưởng chi phí lãi vay), sự thay đổi tỷ giá hối đoái (ảnh hưởng tới chi phí tài chính, doanh thu tài chính), sự khác nhau của thuế suất thuế TNDN (tác động tới các giai đoạn và các công ty có sự khác biệt về thuế suất), sự khác nhau về giá trị của tài sản cố định (ảnh hưởng đến chi phí khấu hao). EBITDA đã điều chỉnh không bao gồm khoản lãi, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư vì Công ty tin rằng nó giúp so sánh tốt hơn hiệu suất kinh doanh của hoạt động chính qua các giai đoạn.

EBITDA đã điều chỉnh thường được sử dụng bởi các nhà phân tích chứng khoán, người cho vay và một số đối tượng khác trong quá trình đánh giá về công ty. EBITDA đã điều chỉnh không được sử dụng để thay thế cho các thước đo như: Lợi nhuận sau thuế TNDN, lưu lượng tiền mặt từ quá trình hoạt động, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán hay bất cứ thước đo hiệu suất nào, vì nó có những hạn chế giống như các công cụ phân tích, và không nên xét tới chúng một cách riêng biệt hay là sự thay thế cho quá trình phân tích kết quả.

3.3.9 So sánh hiệu quả của các giai đoạn

Bảng dưới đây thể hiện kết quả hoạt động theo tỷ lệ phần trăm theo doanh thu trong các giai đoạn

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2014		NĂM 2015		NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.098,54		2.618,28		3.211,96		4.352,52		4.522,44	
Các khoản giảm trừ	35,03		2,11		0,48		-		0,84	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.063,51		2.616,16		3.211,49		4.352,52		4.521,60	
Giá vốn hàng bán	1.349,49		1.857,54		2.220,06		3.085,31		3.025,95	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	714,02	34,60%	758,62	29,00%	991,43	30,87%	1.267,21	29,11%	1.495,64	33,08%
Doanh thu hoạt động tài chính	31,28	1,52%	25,51	0,98%	25,93	0,81%	54,38	1,25%	41,40	0,92%
Chi phí tài chính	334,08	16,19%	169,98	6,50%	70,95	2,21%	48,81	1,12%	69,87	1,55%
Trong đó: chi phí lãi vay	89,36	4,33%	81,07	3,10%	50,24	1,56%	40,60	0,93%	32,20	0,71%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	6,51	0,32%	5,72	0,22%	3,85	0,12%	-	0,00%	-	0,00%
Chi phí bán hàng	67,65	3,28%	76,97	2,94%	76,84	2,39%	95,65	2,20%	99,93	2,21%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	88,01	4,27%	55,52	2,12%	59,39	1,85%	52,20	1,20%	46,10	1,02%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	262,08	12,70%	487,39	18,63%	814,03	25,35%	1.124,93	25,85%	1.321,15	29,22%

CHỈ TIÊU	NĂM 2014		NĂM 2015		NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu thuần
Thu nhập khác	0,81	0,04%	0,83	0,03%	0,87	0,03%	1,18	0,03%	1,51	0,03%
Chi phí khác	1,42	0,07%	9,00	0,34%	1,14	0,04%	1,10	0,03%	4,15	0,09%
Lợi nhuận khác	(0,61)	-0,03%	(8,18)	-0,31%	(0,27)	-0,01%	0,08	0,00%	(2,64)	-0,06%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	261,47	12,67%	479,21	18,32%	813,76	25,34%	1.125,01	25,85%	1.318,51	29,16%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31,06	1,51%	74,58	2,85%	139,61	4,35%	3,23	0,07%	194,97	4,31%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18,23	0,88%	(0,00)	0,00%	(1,83)	-0,06%	-	0,00%	-	0,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	212,19	10,28%	404,63	15,47%	675,98	21,05%	1.121,78	25,77%	1.123,54	24,85%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	0,12	0,01%	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	212,07	10,28%	404,63	15,47%	675,98	21,05%	1.121,78	25,77%	1.123,54	24,85%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	4.029		8.637		10.813		13.461		6.548	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán, từ năm 2017 là báo cáo riêng vì Công ty không có công ty con)

Qua bảng số liệu cho thấy tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần của Công ty các năm sau đều tăng hơn so với năm trước và đều đạt ở mức cao Năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 lần lượt là 12,67%; 18,32%; 25,34%; 25,85%; 29,16%. Điều này cho thấy công ty hoạt động rất hiệu quả.

3.3.10 Rủi ro về biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất

Với đặc thù hoạt động là mua bán gần như hoàn toàn với nước ngoài và có vay vốn ngân hàng nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ tỷ giá hối đoái giữa USD, EUR, CAD với Đồng Việt Nam và từ lãi suất cho vay của ngân hàng.

- Rủi ro về biến động tỷ giá hối đoái

Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro về tỷ giá hối đoái, Công ty đã tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán của các hợp đồng mua bán; đồng thời tận dụng công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có số dư các khoản tiền và công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2018 như sau:

Khoản mục ngoại tệ	USD	EUR	CAD
Tài khoản tiền:	9.146.284	382.588	2.343.235
Tài khoản phải thu:	29.209.272	-	9.044.280
Tài khoản phải trả:	(5.070.288)	(429.882)	-
Tài khoản vay:	(49.140.160)	-	-
Cộng	(15.854.893)	(47.294)	11.387.515

Trong năm 2018 tỷ giá USD tăng xấp xỉ 3% so với thời điểm cuối năm 2017. Với số dư các khoản mục tiền, phải thu, phải trả, vay tại ngày 31/12/2018 như trên và với giả định là tỷ giá USD, EUR, CAD tăng/giảm 3% thì mức độ ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Tăng(+)/ giảm (-) tỷ giá USD	Tăng(+)/ giảm(-) tỷ giá EUR	Tăng(+)/ giảm(-) tỷ giá CAD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (*)
3%	3%	3%	(5.436.185.624)
-3%	-3%	-3%	5.436.185.624

(*) Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế là tích số của mức độ biến động này với số dư các khoản công nợ có gốc ngoại tệ của Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh của Công ty là không cao.

- Rủi ro về lãi suất

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 31/12/2018 Công ty có số dư các khoản vay có lãi suất thả nổi bằng đô la Mỹ như sau:

	USD	Quy ra VNĐ
Vay bằng đô la Mỹ ngắn hạn	15.180.907	353.068.626.363

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn bằng đô la Mỹ trong năm 2018 của Công ty từ 2,50%/năm đến 3,80%/năm. Với số dư khoản vay có lãi suất thả nổi bằng đô la Mỹ tại ngày 31/12/2018 và với giả định lãi suất cho vay của ngân hàng biến động 1,3% thì mức độ ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Vay ngắn hạn	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (**)
USD	130	(4.589.892.143)
USD	-130	4.589.892.143

(**) Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là tích số của mức tăng/giảm điểm cơ bản của lãi suất nêu trên và số dư các khoản vay với lãi suất thả nổi tương ứng của Công ty tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Ảnh hưởng của biến động lãi suất đến kết quả kinh doanh của Công ty là không cao.

3.3.11 Khả năng thanh toán và nguồn vốn

Nguồn thu chủ yếu trong năm 2018 của Công ty đến từ: tiền thu từ hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm; tiền thu từ thuế giá trị gia tăng được hoàn và tiền vay ngắn hạn nhận được từ các tổ chức tín dụng.

Các yêu cầu vốn chủ yếu năm 2018 của Công ty nhằm tài trợ cho các nhu cầu vốn lưu động, đáp ứng yêu cầu thanh toán nợ vay, nợ phải trả nhà cung cấp và trả cổ tức cho cổ đông. Các yêu cầu về vốn lưu động của Công ty bị tác động bởi một số yếu tố, trong đó chủ yếu là nhu cầu về nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị cho sản xuất, dịch vụ vận chuyển, hàng hóa và các yếu tố đầu vào khác.

Chiến lược hàng tồn kho của Công ty là nhằm duy trì mức độ tồn kho đầy đủ để đáp ứng ngay nhu cầu sản phẩm và khách hàng. Với phương châm cung cấp hàng một cách nhanh nhất, Công ty luôn duy trì lượng thành phẩm và hàng hoá đủ lớn để cung cấp ngay cho khách hàng khi nhận được đơn hàng. Hàng tồn kho của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể bởi doanh số bán hàng tại Mỹ, Úc và Canada, những thị trường lớn nhất của Công ty hiện nay. Trong những năm tới, Công ty vẫn tiếp tục duy trì chính sách hàng tồn kho này bằng cách thực hiện các quy trình để nâng cao hiệu quả quá trình lập kế hoạch và quản lý sản xuất.

Dựa trên kế hoạch kinh doanh hiện có, tiền và các khoản tương đương tiền, khoản tiền từ hoạt động kinh doanh và các khoản vay sẵn có theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn và dài hạn, Công ty tin rằng có thể đáp ứng các yêu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm 2018 và các năm tiếp theo.

Bảng dưới đây trình bày các thành phần của luồng tiền mặt được sử dụng và cung cấp trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính trong các giai đoạn:

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế	813.762.138.037	1.125.011.558.019	1.318.510.572.440
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao TSCĐ (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	67.435.699.472	69.515.393.902	73.311.383.678
03	Các khoản dự phòng	(16.578.241.215)	(9.351.468.914)	(6.353.558.887)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	13.424.918.995	(2.542.157.433)	14.558.364.655
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(12.491.551.347)	(32.427.146.147)	(10.788.956.248)
06	Chi phí lãi vay	50.242.971.449	40.596.080.433	32.204.626.279
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	915.795.935.391	1.190.802.259.860	1.421.442.431.917
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(233.527.256.967)	(253.598.141.064)	(338.745.283.287)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(47.657.999.088)	(46.261.328.719)	(466.507.783.758)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	356.252.170.802	(12.968.875.438)	(104.162.599.172)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(5.635.150.221)	3.250.173.887	(6.907.943.910)
14	Tiền lãi vay đã trả	(50.242.971.449)	(40.596.080.433)	(32.204.626.279)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(120.588.242.688)	(88.050.389.739)	(90.110.382.305)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-	-

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(29.228.660.947)	(45.254.691.969)	(61.771.915.626)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	785.167.824.833	707.322.926.385	321.031.897.580
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(138.362.224.710)	(83.893.283.198)	(151.732.739.001)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		110.000.000	91.909.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(161.150.483)	(32.200.000.000)	(2.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	6.314.483.816	2.200.000.000	32.200.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ	9.090.698.130	40.487.040.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.799.058.839	12.271.399.748	10.705.402.612
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(114.319.134.408)	(61.024.843.450)	(110.935.427.389)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	4.642.749.000	-	-

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(240.431.166.590)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.568.640.501.271	1.651.455.987.647	1.774.781.625.802
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.829.927.542.985)	(1.956.498.149.142)	(1.582.405.125.369)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(275.186.472.700)	(120.012.199.500)	(388.181.228.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(531.830.765.414)	(425.054.360.995)	(436.235.894.257)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	139.017.925.011	221.243.721.940	(226.139.424.066)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	295.395.072.292	433.971.607.316	656.279.062.859
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(441.389.987)	1.063.733.603	(2.787.887.773)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	433.971.607.316	656.279.062.859	427.351.751.020

Tiền từ hoạt động kinh doanh

Tiền từ hoạt động kinh doanh được xác định bằng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế điều chỉnh cho các hạng mục: khấu hao và hao mòn tài sản cố định, các khoản dự phòng, chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện, lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính, thanh lý tài sản cố định (được gọi là các khoản mục không phải bằng tiền và không thuộc hoạt động kinh doanh). Ngoài ra, tiền từ hoạt động kinh doanh chịu tác động bởi sự thay đổi của các khoản phải thu, phải trả, hàng tồn kho, chi phí trả trước, tiền lãi vay và chi phí phát sinh.

Năm 2018 so với năm 2017: Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 386,29 tỷ đồng do lợi nhuận trước thuế sau khi trừ các khoản mục không phải bằng tiền và không thuộc hoạt động kinh doanh tăng 230,64 tỷ đồng (trong đó tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 193,5 tỷ đồng) và sự thay đổi của vốn lưu động giảm 616,93 tỷ đồng.

Trong năm 2018 lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là 321,03 tỷ đồng bao gồm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 1.318,51 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế này sau khi trừ các khoản mục không phải bằng tiền và không thuộc hoạt động kinh doanh 102,93 tỷ đồng, sau đó được tiếp tục điều chỉnh với sự thay đổi của các khoản mục với tổng giá trị là -1.100,41 tỷ đồng.

Sự thay đổi của các khoản mục cụ thể như sau:

Các khoản phải thu tăng 338,75 tỷ đồng

Hàng tồn kho tăng 466,51 tỷ đồng

Các khoản phải trả giảm 104,16 tỷ đồng

Chi phí trả trước tăng 6,91 tỷ đồng

Tiền lãi vay đã trả 32,2 tỷ đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 90,11 tỷ đồng

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh 61,77 tỷ đồng

Tiền từ hoạt động đầu tư

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư năm 2018 là -110,94 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác là: -151,73 tỷ đồng, trong đó: 74,66 tỷ đồng đầu tư cho dây chuyền mài, 28,99 tỷ đồng cho dự án trộn, nạp liệu, 1,58 tỷ đồng để lắp đặt cầu trục và 1,10 tỷ đồng mua máy tách màu.

Cho năm tài chính tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp dây chuyền, hệ thống pin năng lượng mặt trời, đầu tư và cải tạo hệ thống hút mùi, đảm bảo mục tiêu tạo ra sản phẩm khác biệt, giao hàng nhanh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cải tạo môi trường sản xuất.

- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác là: 2,2 tỷ đồng. Đây là khoản tiền Công ty gửi tiết kiệm kỳ hạn từ 6 đến 9 tháng.
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác là: 32,2 tỷ đồng, là khoản tất toán hợp đồng tiền gửi tiết kiệm từ 6 đến 9 tháng.
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia là: 10,71 tỷ đồng là lãi tiền gửi ngân hàng.

Tiền từ hoạt động tài chính

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính năm 2018 là -436,24 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tiền mua lại cổ phiếu quỹ là: 240,43 tỷ đồng theo Nghị quyết số 17/2018 NQ/VCS-HĐQT ngày 30/06/2018;
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm là 1.774,78 tỷ đồng, toàn bộ số tiền vay nhận được đều là các khoản vay vốn lưu động ngắn hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn dưới 9 tháng của Công ty;
- Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm là 1.582,41 tỷ đồng;
- Năm 2018, Công ty đã tăng dư nợ vay cuối năm so với đầu năm là: 195,54 tỷ đồng. Tiền và tương đương tiền cuối năm giảm so với đầu năm 228,93 tỷ đồng do trong năm Công ty đã ưu tiên việc đầu tư các dự án mới, và trả cổ tức cho cổ đông và mua lại cổ phiếu quỹ;
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm là 388,18 tỷ đồng. Đây chủ yếu là khoản cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/2018/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2018 của ĐHĐCĐ, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19/2018 NQ/VCS-HĐQT ngày 02/07/ 2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/2018 NQ/VCS-HĐQT ngày 26/11/2018.

3.4 Định hướng và kế hoạch năm 2019

- Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;
- Phát triển thị trường nội địa, đảm bảo doanh thu nội địa chiếm trên 15% tổng doanh thu năm 2019 và trở thành thương hiệu nhà sản xuất đá thạch anh số 1 tại Việt Nam;
- Đẩy mạnh các hoạt động marketing, nghiên cứu thị trường, truyền thông thương hiệu nhằm tăng mức độ nhận biết thương hiệu VICOSTONE® tại Việt Nam và các thị trường trọng điểm như Mỹ và Canada;
- Triển khai các hoạt động nhằm đảm bảo tỉ lệ nội địa hoá đạt 95% nguyên liệu đầu vào.
- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ cao, đưa các ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nhằm chuẩn hóa và tự động hóa toàn bộ các khâu trong dây chuyền sản xuất đem lại năng suất cao và chất lượng vượt trội;
- Triển khai chương trình tiết kiệm chi phí hiệu quả;
- Triệt để áp dụng quy trình Kaizen-5S;
- Tăng cường ý thức về các rủi ro trọng yếu và thực hành công tác quản trị rủi ro ở các cấp của tổ chức;
- Nâng cao mức độ đồng bộ, quy chuẩn, quy trình trong toàn bộ công tác vận hành;
- Tiếp tục hoàn thiện Dự án Thương hiệu Nhà tuyển dụng, nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đảm bảo đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, đặc biệt là đội ngũ nhân sự kế cận, nhân sự bán hàng và marketing cho chiến lược mở rộng và phát triển thị trường trong nước và nước ngoài của Công ty;
- Nâng cao năng lực điều hành của Ban Tổng giám đốc.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Báo cáo của Hội Đồng Quản trị năm 2018

1.1 Thành viên và cơ cấu của hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên HĐQT và số cổ phiếu nắm giữ tại Vicostone

TT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Thời gian được bổ nhiệm/bầu/miễn nhiệm	Số cổ phiếu nắm giữ tại Vicostone	Tỷ lệ sở hữu/Số lượng CP đang lưu hành (%)
1	Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch HĐQT không điều hành	Được bầu vào HĐQT 12/06/2014	5.685.794	3,63%
2	Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc	Được bầu vào HĐQT ngày 15/12/2016	18.864	0,01%
3	Ông Nguyễn Quốc Trưởng	Ủy viên HĐQT không điều hành	Được bầu vào HĐQT 04/08/2015	0	0
4	Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Ủy viên HĐQT độc lập	Được bầu vào HĐQT 25/08/2015	0	0
5	Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Ủy viên HĐQT không điều hành	Được bầu vào HĐQT 30/06/2016	0	0

Tính đến ngày 31/12/2018, HĐQT Công ty có: 01 thành viên độc lập và có 04 thành viên HĐQT không tham gia điều hành, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ thành viên độc lập trong công ty niêm yết.

(Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT được trình bày tại phần Cơ cấu tổ chức, nhân sự)

b. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Toàn bộ thành viên HĐQT của Công ty đã tham gia chương trình về quản trị công ty.

1.2 Hoạt động của HĐQT năm 2018

a. Tổng quan về hoạt động của HĐQT năm 2018

Với tư cách là đại diện cho ĐHĐCĐ trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2018, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý, duy trì việc giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban TGD Công ty.

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Ngày 15/03/2018, Công ty cổ phần Vicostone đã tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, thông qua Nghị quyết số 01/2018 VCS/NQ-ĐHĐCĐ với các nội dung, cụ thể:

- Phê chuẩn Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động năm 2017;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định hoạt động SXKD của Công ty năm 2017;
- Phê chuẩn kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018;
- Phê chuẩn Báo cáo thường niên năm 2017 của CTCP Vicostone;
- Phê chuẩn BCTC kiểm toán năm 2017, lựa chọn đơn vị thực hiện việc kiểm toán BCTC năm 2018;
- Phê chuẩn Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2018;
- Phê chuẩn việc Bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát;
- Phê chuẩn việc đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Phê chuẩn việc sửa đổi điều lệ của Công ty;
- Phê chuẩn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Phê chuẩn việc ủy quyền cho HĐQT thông qua các dự án, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Phê chuẩn Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

b. Nội dung các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 27 cuộc họp để thông qua các nội dung quan trọng của Công ty. Đối với các cuộc họp có tính chất đặc biệt quan trọng và cần có sự trao đổi của Ban TGD, HĐQT đều mời Ban TGD tham dự họp và cho ý kiến.

Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên HĐQT trong năm 2018 cụ thể như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	27	100%
2	Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT	27	100%
3	Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	27	100%
4	Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Ủy viên HĐQT	27	100%
5	Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Ủy viên HĐQT	27	100%

Trong năm 2018, HĐQT đã thông qua những nội dung quan trọng sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
1	01/2018 NQ/VCS-HĐQT	02/01/2018	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2017
2	02/2018 NQ/VCS-HĐQT	03/01/2018	Điều chỉnh thời gian tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2017
3	03/2018 NQ/VCS-HĐQT	09/01/2018	Thông qua các giao dịch về việc mua bán hàng hóa dịch vụ giữa công ty và CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A, CTCP Stylestone và CTCP chế tác đá Việt Nam
4	04/2018 NQ/VCS-HĐQT	01/02/2018	Thông qua các giao dịch về việc mua bán hàng hóa dịch vụ giữa công ty và CTCP Công nghiệp Trần Long
5	05/2018 NQ/VCS-HĐQT	08/02/2018	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
6	07/2018 NQ/VCS-HĐQT	27/02/2018	Quyết định thời gian tổ chức và thông qua hồ sơ họp ĐHĐCĐ thường niên 2018
7	11/2018 NQ/VCS-HĐQT	16/03/2018	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
8	12/2018 NQ/VCS-HĐQT	23/03/2018	Quyết định thời gian thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	13/2018 NQ/VCS-HĐQT	06/04/2018	Thay đổi mẫu sổ chứng nhận cổ đông
10	14/2018 NQ/VCS-HĐQT	12/04/2018	Hoàn tất đợt chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, sửa đổi Điều lệ công ty và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
11	15/2018 NQ/VCS-HĐQT	23/04/2018	Ban hành quy chế đào tạo và phát triển nhân lực
12	16/2018 NQ/VCS-HĐQT	01/06/2018	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của công ty
13	17/2018 NQ/VCS-HĐQT	30/06/2018	Thông qua Phương án mua cổ phiếu quỹ
14	18/2018 NQ/VCS-HĐQT	30/06/2018	Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2018
15	19/2018 NQ/VCS-HĐQT	02/07/2018	Thông qua Phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2018
16	20/2018 NQ/VCS-HĐQT	18/07/2018	Bổ nhiệm lại kế toán trưởng (<i>do hết nhiệm kỳ</i>)
17	21/2018 NQ/VCS-HĐQT	13/08/2018	Thành lập chi nhánh công ty tại Nha Trang
18	22/2018 NQ/VCS-HĐQT	09/10/2018	Thông qua phương án mua cổ phiếu quỹ
19	24/2018 NQ/VCS-HĐQT	26/11/2018	Thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2018

c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

Tính đến ngày 31/12/2018, HĐQT Công ty có: 01 thành viên độc lập là Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ thành viên độc lập trong công ty niêm yết; và có 04 thành viên HĐQT không tham gia điều hành: Ông Hồ Xuân Năng, ông Nguyễn Quốc Trường, bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc và Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp.

Thành viên HĐQT của Vicostone đều là những người có kinh nghiệm, đã từng tham gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực như: tài chính, thương mại quốc tế, quản trị kinh doanh, công nghệ sản xuất... luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện công tác của HĐQT, đặt lợi ích của người lao động và cổ đông Công ty lên hàng đầu, thực hiện hiệu quả và chặt chẽ trong công tác giám sát hoạt động của toàn Công ty.

Ông Hồ Xuân Năng – Chủ tịch HĐQT

Ông Hồ Xuân Năng là người đã xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển cho Vicostone từ thời kỳ đầu cho đến nay trở thành một trong những thương hiệu đá nhân tạo lớn nhất trên thế giới. Hiện nay tuy không trực tiếp tham gia vào công tác điều hành, nhưng với kiến thức sâu rộng và bề dày kinh nghiệm gắn bó với Công ty, ông Hồ Xuân Năng vẫn tiếp tục hỗ trợ Ban TGD và thể hệ CBQL kế cận trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chủ động nắm bắt tình hình thị trường trong nước và trên thế giới để đưa ra những chỉ đạo đúng đắn và kịp thời.

Ông Nguyễn Quốc Trường – Thành viên HĐQT không điều hành

Là người từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong Công ty như Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Công ty, ông Nguyễn Quốc Trường đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD đảm bảo thực hiện đúng đắn những mục tiêu ĐHCĐ, HĐQT, Ban TGD đã đề ra.

Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc – Thành viên HĐQT không điều hành

Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc được bầu vào HĐQT Công ty từ ngày 30/06/2016. Bà Ngọc đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng tại nhiều công ty. Đối với công tác của HĐQT, bà Ngọc giữ vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động tài chính – kế toán, giám sát việc lập và kiểm toán BCTC của Công ty đảm bảo chính xác, minh bạch và kịp thời.

Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp – Thành viên HĐQT độc lập

Được HĐQT bầu từ ngày 25/08/2014 với tư cách là thành viên HĐQT độc lập, bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp đã có rất nhiều đóng góp trong việc giám sát các hoạt động đảm bảo tuân thủ theo pháp luật và điều lệ Công ty.

d. Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Tiểu ban Tổng hợp

Trong năm 2018, Tiểu ban Tổng hợp đã thực hiện một số công việc quan trọng sau:

- Theo dõi, phân tích các biến động về thị trường kịp thời báo cáo Ban Lãnh đạo. Tổng hợp các thông tin về sản xuất kinh doanh định kỳ của Công ty;

- Phối hợp với các phòng, ban trong Công ty thực hiện tư vấn về mặt pháp lý liên quan đến luật doanh nghiệp, luật chứng khoán cho Ban Lãnh đạo, công bố thông tin, trả lời các thắc mắc của cổ đông Công ty;
- Tổ chức các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban TGD. Thực hiện các công việc phát sinh khác.

Ban QTRR – KTNB

Trong năm 2018, Ban QTRR và KTNB đã thực hiện một số công việc quan trọng, cụ thể:

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch KTNB, đưa ra những khuyến nghị đúng đắn nhằm nâng cao tinh thần chấp hành, thực hiện nghiêm túc các quy trình trong bộ máy Công ty;
- Tư vấn cho Ban Lãnh đạo và các đơn vị trong việc điều chỉnh, hoàn thiện, tối ưu các quy trình sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống danh mục các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phương pháp nhận diện, đánh giá và phòng tránh đối với tất cả các rủi ro đặc biệt là các rủi ro trọng yếu.

1.3 Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban TGD

a. Về phương thức giám sát:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD được nghiêm túc thực hiện thông qua:

- Các cuộc họp định kỳ và đột xuất,
- Các email, điện thoại trao đổi giữa HĐQT và Ban TGD, chỉ thị, nghị quyết, văn bản...
- Các báo cáo của Tiểu ban của HĐQT, các đơn vị phòng ban chức năng.

b. Kết quả của hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Chỉ đạo nghiên cứu, nắm bắt tình hình của thị trường sản phẩm, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất để có những kế hoạch ứng phó, điều chỉnh kịp thời trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh;
- Chỉ đạo Ban TGD và các đơn vị trong Công ty thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty đã được phê duyệt như: Dự án IMC 2018, các dự án về công nghệ và nghiên cứu khoa học ứng dụng các giải pháp nhằm nâng cao năng lực sản xuất.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, chiến lược IMC cho năm 2019.

Trong Công tác quan hệ cổ đông:

- Chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên diễn ra vào ngày 15/03/2018;
- Chỉ đạo Ban quan hệ cổ đông soạn thảo, phát hành Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững của Công ty năm 2017;
- Chỉ đạo thực hiện thành công phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ lên 1.600 tỷ đồng;
- Chỉ đạo thực hiện thành công phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 ngày 24/07/2018 và lần 2 ngày 17/12/2018;
- Chỉ đạo thực hiện thành công phương án mua lại cổ phiếu VCS làm cổ phiếu quỹ từ ngày 07/11/2018 đến ngày 21/11/2018.

Trong công tác hoạch định nguồn nhân sự:

- Tiếp tục sát sao trong công tác chỉ đạo thực hiện tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu mở rộng, phát triển của Công ty;
- Chỉ đạo xây dựng, phát triển môi trường làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phát huy cao nhất hiệu quả làm việc của CBCNV.

e. Trong công tác quản trị doanh nghiệp:

- Chỉ đạo sát sao trong việc đổi mới phương pháp làm việc hiệu quả, giảm thiểu chi phí, tránh lãng phí thời gian và sức lao động;
- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm chuẩn hóa, tự động hóa tất cả các khâu trong quy trình sản xuất;
- Chỉ đạo tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống QTRR, KTNB xuyên suốt toàn bộ các quá trình sản xuất kinh doanh.

1.4 Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018

Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Với đà tăng trưởng cao về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của những năm trước cùng với các kết quả phân tích về thị trường, năm 2018 Vicostone đặt kế hoạch tăng trưởng kép cả về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế (mức tăng trưởng là 20%). Đây là một thách thức lớn trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Trên thực tế, năm 2018 là năm có nhiều biến động lớn về chính trị và kinh tế. Tại thị trường lớn nhất của Vicostone, chế độ, chính sách, hành lang pháp lý bị điều chỉnh, thay đổi mà khi lập kế hoạch Ban lãnh đạo Công ty chưa thể dự kiến, đo lường hết ảnh hưởng của nó tới kết quả kinh doanh. Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 đạt 86,29% và lợi nhuận trước thuế đạt 97,31% so với kế hoạch đặt ra.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018 (*)	TH/KH năm 2018 (%)	Tăng trưởng 2018 so với năm 2017 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.290,00	4.564,50	86,29%	3,55%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.355,00	1.318,51	97,31%	17,20%
3	Lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	666	682	102,40%	6,56%

Những nguyên nhân khiến doanh thu năm 2018 của Vicostone không đạt được mục tiêu kế hoạch như sau:

- Vụ kiện chống bán phá giá của một công ty sản xuất đá thạch anh nhân tạo của Mỹ đối với các sản phẩm của Trung Quốc dẫn đến việc Trung Quốc xuất hàng ồ ạt vào thị trường Mỹ để tránh bị áp thuế. Việc lưu trữ rất lớn hàng Trung Quốc của các nhà cung cấp làm ảnh hưởng lớn tới doanh thu của Vicostone. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 thể hiện rất rõ điều này: Tổng doanh thu của Vicostone giảm 3,67% so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 10/2018 trở đi, Mỹ áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm đá thạch anh nhân tạo Trung Quốc khiến sản lượng nhập của Trung Quốc vào thị trường Mỹ giảm xuống. Khi ấy doanh thu của Vicostone có cơ hội tăng lên, đặc biệt là từ tháng 12/2018. Tổng doanh thu của Vicostone 6 tháng cuối năm tăng trưởng 11,12% so với cùng kỳ năm trước.

- Áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường quốc tế từ các công ty sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh; từ các sản phẩm thay thế đá tự nhiên khác; thậm chí cả từ thị trường đá tự nhiên toàn cầu.
- Cạnh tranh về giá của các sản phẩm Trung Quốc trên thị trường toàn cầu.

Lựa chọn đơn vị thực hiện việc kiểm toán tài chính năm 2018:

Trên cơ sở được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty đã thống nhất lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (là một trong “Big Four” - bốn công ty kiểm toán lớn và có uy tín hàng đầu trên thế giới) để thực hiện công tác soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2018.

Sau nhiều năm thực hiện kiểm toán BCTC cho Vicostone, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, bên cạnh việc luôn đảm bảo tiến độ, chất lượng kiểm toán theo quy định của hợp đồng, chi phí cho dịch vụ kiểm toán ở mức độ phù hợp, đội ngũ kiểm toán viên của E&Y còn có những ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

BCTC của Vicostone luôn đảm bảo số liệu chính xác, minh bạch, độ tin cậy, đảm bảo tuân thủ theo các quy định về lập BCTC, phản ánh trung thực về tình hình tài chính của Công ty và là nguồn thông tin hữu ích đối với các nhà đầu tư.

Phân phối lợi nhuận năm 2018

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận vào các quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên ngày 15/03/2018, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.297.902.309.476		
II	Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018	1.318.510.572.440		
III	Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.966.717.351		
1	Thuế TNDN hiện hành	194.966.717.351		
2	Thuế TNDN hoãn lại	-		
IV	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.123.543.855.089		
1	Trả cổ tức bằng tiền năm 2018 lần 1	160.000.000.000	10%	Trích %/mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành
2	Trả cổ tức bằng tiền năm 2018 lần 2	156.800.000.000	10%	Trích %/mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành
3	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tăng vốn điều lệ)	800.000.000.000		
4	Trích thưởng BQL điều hành Công ty	5.617.719.275	0,5%	Trích %/Lợi nhuận sau thuế
5	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	67.412.631.305	6%	Trích %/Lợi nhuận sau thuế
V	Lợi nhuận đã phân phối	1.189.830.350.580		
VI	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.231.615.813.985		

Trong năm 2018, HĐQT đã thông qua các đợt chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ như sau:

- Tháng 04/2018: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - tỷ lệ 1:1 (người sở hữu 1 cổ phiếu VCS sẽ nhận được 1 cổ phiếu mới)
- Tháng 07/2018: Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2018 - tỷ lệ 10%
- Tháng 12/2018: Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2018 - tỷ lệ 10%

Bổ sung ngành nghề kinh doanh

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty với Phòng Đăng ký kinh doanh và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty tương ứng.

Ủy quyền cho HĐQT chịu trách nhiệm xem xét phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, các giao dịch, hợp đồng ký giữa Vicostone và các bên có liên quan

Ngày 09/01/2018, HĐQT đã thông qua các giao dịch năm 2018 về việc mua bán hàng hóa/dịch vụ giữa Công ty và CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A, CTCP Style Stone và CTCP Chế tác đá Việt Nam.

Ngày 01/02/2018, HĐQT đã thông qua các giao dịch về việc mua bán hàng hóa dịch vụ giữa Công ty và CTCP Công nghiệp Trần Long.

Nội dung cụ thể của các hợp đồng nguyên tắc đã được công bố thông tin trên trang web của Công ty và hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở GDCK Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước để đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch.

Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

Ngày 12/04/2018, HĐQT Công ty đã chỉ đạo hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty với tổng số cổ phiếu đã phát hành là 80.000.000 cổ phiếu và số cổ đông được phân phối cổ phiếu là 2.491 cổ đông, nâng số cổ phiếu lưu hành của Vicostone lên 160.000.000 cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty đạt 1.600 tỷ đồng. Ngày 11/05/2018, toàn bộ số cổ phiếu phát hành mới chính thức đi vào giao dịch.

Ngày 22/11/2018, hoàn tất việc mua lại 2% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty làm cổ phiếu quỹ. Tính đến thời điểm lập Báo cáo thường niên 2018 tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 156.800.000 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu quỹ là 3.200.000 cổ phiếu.

HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban quan hệ cổ đông hoàn thiện các thủ tục cấp sổ chứng nhận cổ đông bổ sung cho các cổ đông có chứng khoán chưa lưu ký, tiến hành thay đổi giấy chứng nhận doanh nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.

Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động, cán bộ, công nhân viên đáp ứng tiêu chuẩn do HĐQT phê duyệt.

Tuy nhiên, trong năm 2018, Công ty tiến hành tái cơ cấu phòng ban và nhân sự trong Công ty, dẫn đến việc cơ cấu nhân sự chưa ổn định. Vì vậy, HĐQT quyết định chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cán bộ, công nhân viên.

Nội dung này sẽ được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 để điều chỉnh thời gian thực hiện.

Chi trả thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2018:

Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. Tổng số tiền thù lao Công ty đã chi trả cho thành viên HĐQT và BKS trong năm 2018 là: **458.000.000 đồng**, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Số tiền (đồng)
1	Hồ Xuân Năng	Chủ tịch HĐQT	12	72.000.000
2	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT - TGD	12	60.000.000
3	Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT	12	60.000.000
4	Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Ủy viên HĐQT	12	60.000.000
5	Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Ủy viên HĐQT	12	60.000.000
6	Lương Xuân Mẫn	Trưởng BKS	12	60.000.000
7	Trần Lan Phương	Thành viên BKS	12	48.000.000
8	Trần Thị Phương Hoa	Thành viên BKS	09	38.000.000
TỔNG CỘNG				458.000.000

Ngoài các khoản thù lao, các thành viên HĐQT và BKS làm việc chuyên trách tại Công ty còn được nhận tiền lương theo quy chế lương của Công ty

(Chi tiết thu nhập của HĐQT, BKS, Ban TGD tại phần Quản trị doanh nghiệp).

1.5 Định hướng và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2019

- Khác biệt và sáng tạo về công nghệ để phát triển bền vững, tập trung vào lĩnh vực SXKD cốt lõi trên cơ sở đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu
- o Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ cao, đưa các ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nhằm chuẩn hóa và tự động hóa toàn bộ các khâu dây chuyền sản xuất đem lại năng suất cao và chất lượng vượt trội.
- o Tăng cường việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, các ứng dụng AI, Robot... giúp nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường góp phần thúc đẩy kinh tế, tạo nên những bước tiến vượt bậc và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.
- o Chương trình Kaizen “cải tiến liên tục” được duy trì, đẩy mạnh và được khuyến khích trở thành văn hóa góp phần cắt giảm tối đa sự lãng phí trong sản xuất, giảm thời gian lao động, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Việc đề xuất ý tưởng cải tiến giúp CBCNV tự học hỏi và luôn hướng tới việc không ngừng nâng cao hiệu công việc.
- o Triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ vào quản trị Công ty: Marketing, Quản trị khách hàng, Quản trị thông tin thị trường, dịch vụ trước và sau bán hàng; Hệ thống sản xuất, tồn kho, nhân sự... Hiện đại hóa và tự động hóa trên nền tảng công nghệ thông tin cần được áp dụng cho nhiều công đoạn và xuyên suốt trong chuỗi giá trị sản xuất - kinh doanh nhằm tối ưu các hoạt động vận hành của doanh nghiệp.

- Đảm bảo mức tăng trưởng doanh thu theo kế hoạch đặt ra bằng việc nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và kiểm soát chi phí. Việc cắt giảm và kiểm soát chi phí hợp lý giúp doanh nghiệp giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo tăng thu nhập hàng năm cho người lao động từ 5-7% thông qua các hoạt động: đẩy mạnh công tác đào tạo phát triển triển khai đánh giá năng lực để xét nâng lương định kỳ hàng năm. Các hoạt động Quản trị nhân sự được tập trung góp phần hoàn thành mục tiêu như: đẩy mạnh công tác đào tạo phát triển nhằm nâng cao năng lực cho người lao động, triển khai đánh giá năng lực để xét nâng lương định kỳ hàng năm.

1.6 Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tỷ lệ trích % /Lợi nhuận sau thuế	Ghi chú
1	Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	%	6,0	Trích %/lợi nhuận sau thuế
2	Trích thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	%	0,5	Trích %/lợi nhuận sau thuế

2. Tổng kết hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ 2014 – 2019

Giai đoạn 2014 - 2018 là thời gian đầy thử thách đối với các nhà sản xuất đá tấm thạch anh khi bối cảnh thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động. Đặc biệt trong năm 2018, Vicostone phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, tình hình xuất khẩu có phần giảm sút do bị tác động bởi tình hình bất ổn chính trị trên thế giới và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung... Trước bối cảnh đó, HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt chức năng của mình. Kết quả của những hoạt động chính trong nhiệm kỳ 2014 - 2019 như sau:

2.1 Các hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ 2014 – 2019

2.1.1 Nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2014 - 2019

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 thành viên Hội đồng quản trị. Ông Hồ Xuân Năng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về thành viên Hội đồng quản trị, đảm bảo tách bạch vai trò giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong nhiệm kỳ 2014 - 2019, Hội đồng quản trị đã có những thay đổi nhân sự được ĐHCĐ thông qua để phù hợp với tình hình hiện tại.

Năm	Thành viên Hội đồng Quản trị
2014	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Hồ Xuân Năng – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Phạm Trí Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Lưu Công An – Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Hữu Chương – Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp – Thành viên Hội đồng quản trị

2015	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Hồ Xuân Năng – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Quốc Trường – Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Trần Đăng Lợi – Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp – Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Nguyễn Thị Nga – Thành viên Hội đồng quản trị
2016 - nay	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Hồ Xuân Năng – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Quốc Trường – Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Phạm Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp – Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị

2.1.2 Hoạt động chung của HĐQT nhiệm kỳ 2014 - 2019

a. Khó khăn và thách thức

- Năm 2014: Kể từ khi nền kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng, nền kinh tế vĩ mô vẫn chưa cho thấy dấu hiệu phục hồi rõ nét, còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và cả những sự kiện không thể dự báo được trước như: xung đột chính trị ảnh hưởng đến sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu, các dịch bệnh nguy hiểm bùng phát khiến các quốc gia có những quy định hạn chế đi lại, giao thương, chính sách “thắt lưng buộc bụng” của Châu Âu nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng nợ công... đang và sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng đến tăng trưởng của Vicostone khi trên 95% doanh thu của Công ty đến từ xuất khẩu.
- Từ năm 2015 đến năm 2016, nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế cũng biến động phức tạp và khó lường. Với diễn biến khó lường của tỷ giá giữa đồng USD và EUR, AUS, CAD đã làm thu hẹp thị trường của Vicostone tại các khu vực Châu Âu, Châu Úc. Bên cạnh đó, việc phá giá mạnh đồng Nhân dân tệ đã dẫn đến việc Vicostone phải chịu áp lực cạnh tranh lớn hơn từ các sản phẩm đá nhân tạo của Trung Quốc vốn đã có mức giá rất thấp nay lại tiếp tục giảm mạnh.
- Năm 2018, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung dẫn đến việc Trung Quốc có những động thái ngăn chặn nhằm tận dụng các cơ hội trước thời điểm bị áp thuế. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng có những động thái dài hạn dưới hình thức chuyển giao công nghệ, liên kết/ đầu tư nhà máy sản xuất tại các quốc gia khác để thay đổi nguồn gốc xuất xứ sản phẩm làm ảnh hưởng không nhỏ tới các nhà sản xuất đá thạch anh khác. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng dẫn đến việc giảm tốc của nền kinh tế Mỹ - thị trường xuất khẩu chính của Vicostone.
- Việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao của Công ty là áp lực lớn đối với Ban lãnh đạo Công ty.

b. Thuận lợi

- Vật liệu đá nhân tạo vẫn được coi là loại vật liệu số 1 trong các ứng dụng nội thất và có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ so với các loại vật liệu khác. Thị trường châu Âu, đặc biệt là khu vực Tây Âu, đá thạch anh cũng được dự báo là vật liệu có mức tăng trưởng tốt nhất so với các loại vật liệu khác với tốc độ trung bình 3,7%/năm trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021
- Kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao, cụ thể GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây là điểm nhấn nổi bật trong bức tranh tổng quan kinh tế Việt Nam. Đây cũng là thuận lợi cho Vicostone trong việc phát triển thị trường nội địa.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên là những người năng động, nhiệt tình, chịu khó, ham học hỏi, đoàn kết, đồng lòng, đồng sức, tâm huyết với sự nghiệp phát triển bền vững của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty là những người có năng lực, trình độ chuyên môn và quản lý, có kinh nghiệm, giàu tâm huyết và trách nhiệm cao luôn đặt quyền lợi của cổ đông và sự phát triển của Công ty lên trên hết, luôn có ý thức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo kế hoạch.

c. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 – 2019

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Hội đồng Quản trị đã bám sát mục tiêu chiến lược đề ra từ đầu nhiệm kỳ, theo dõi sát diễn biến thị trường để có những điều chỉnh kịp thời. Đặc biệt, HĐQT đã quyết liệt trong công tác nội địa hoá trên tinh thần tự lực sản xuất các nguyên liệu đầu vào sản xuất. Mặt khác, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết liệt chỉ đạo tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và các quy định khác liên quan đến việc quản lý, điều hành doanh nghiệp, triển khai các nhiệm vụ hàng năm được ĐHCĐ phê duyệt. Hội đồng quản trị luôn duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để xem xét, thảo luận và đưa ra các quyết định kịp thời đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Một số kết quả nổi bật trong giai đoạn 2014 – 2019 như sau:

- **Về quy mô tài sản, vốn:** Năm 2018, tổng tài sản đạt 4.404 tỷ đồng gấp 1,66 lần so với năm 2014, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014 - 2018 đạt 13,7%; Vốn chủ sở hữu đạt 2.731 tỷ đồng, gấp 3,48 lần so với năm 2014, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014 - 2018 đạt 37,89%;
- **Về doanh thu, lợi nhuận:** Tổng doanh thu năm 2018 đạt 4.565 tỷ đồng gấp 2,17 lần so với năm 2014, tỷ lệ tăng trưởng kép (CAGR) tới 30%; Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 1.319 tỷ đồng gấp 5,04 lần so với năm 2014, tỷ lệ tăng trưởng kép (CAGR) tới 80%;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 1.124 tỷ đồng gấp 5,3 lần so với năm 2014, tỷ lệ tăng trưởng kép (CAGR) hơn 75%.
- **Chỉ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)** duy trì ở mức cao, từ 22,97 % đến 58,38% trong giai đoạn 2014 - 2018. Năng lực tài chính ở giai đoạn 2014 - 2018 cơ bản vững mạnh, luôn đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo khả năng chi trả cổ tức cho các cổ đông. Vốn chủ sở hữu duy trì ổn định cho thấy Vicostone thành công trong việc bảo toàn vốn trong giai đoạn kinh doanh khó khăn.
- Mức cổ tức bằng tiền chi trả hàng năm cao, từ 20% đến 40% trong giai đoạn 2014 - 2018, cao so với trung bình thị trường ngành VLXD nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung tại Việt Nam trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn.

d. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT nhiệm kỳ 2014 – 2019

Công tác xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 – 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Tăng trưởng năm 2018 so với năm 2014
			KH	TH	Tỷ lệ hoàn thành	KH	TH	Tỷ lệ hoàn thành	KH	TH	Tỷ lệ hoàn thành	KH	TH	Tỷ lệ hoàn thành	KH	TH	Tỷ lệ hoàn thành	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.926	2.107	109,41%	2.674	2.648	99,03%	3.248	3.242	99,81%	4.311	4.408	102,26%	5.290	4.565	86,29%	116,65%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	85	261	307,61%	311	479	154,09%	545	814	149,35%	1.001	1.125	112,41%	1.355	1.319	97,31%	404,26%

Từ năm 2014 đến năm 2017, Vicostone đạt mức tăng trưởng cao cả về tổng doanh thu và lợi nhuận:

- Mức tăng trưởng tổng doanh thu của năm 2014, 2015, 2016, 2017 so với năm trước liền kề lần lượt là: 59,1%; 25,7%; 22,4%; 36%
- Mức tăng trưởng tổng lợi nhuận trước thuế của năm 2014, 2015, 2016, 2017 so với năm trước liền kề lần lượt là: 269,9%; 83,3%; 69,8%; 38,2%

Năm 2018 là năm có nhiều biến động lớn về tình hình chính trị, kinh tế; các chế độ, chính sách thương mại tại Mỹ - thị trường lớn nhất của Vicostone có nhiều điều chỉnh, thay đổi mà khi lập kế hoạch Ban lãnh đạo Công ty chưa thể dự kiến, đo lường hết ảnh hưởng của nó tới kết quả kinh doanh. Do đó, tổng doanh thu thực hiện năm 2018 chỉ đạt 86,29% và lợi nhuận trước thuế đạt 97,31% so với kế hoạch đặt ra. Một số nguyên nhân làm cho doanh thu năm 2018 của Vicostone không đạt được theo kỳ vọng đã được phân tích trong phần 3 của “Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.”

Công tác đầu tư cơ bản:

Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm giai đoạn 2014-2019:

- *Dự án xây dựng nhà ở cho Cán bộ công nhân viên Vicostone*
 - o Tổng mức đầu tư: 688.919.985.000 đồng
 - o Tính đến hết 12/2016 đã hoàn thiện thi công xây dựng tòa nhà 21T1 với 400 căn hộ.
 - o Tháng 01/2017, dự án đã được chuyển nhượng cho CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A (Công ty mẹ của Vicostone) tiếp tục thực hiện để Công ty tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi. Giá trị chuyển nhượng là 301.265.061.044 đồng.
- *Dự án Đầu tư Dây chuyền mài bóng bổ sung*
 - o Tổng mức đầu tư được duyệt: 147.573.972.025 đồng
 - o Mục tiêu đầu tư: Nâng cao năng lực sản xuất, tăng công suất dây chuyền mài, mài các sản phẩm khó, đáp ứng tiến độ giao hàng và nâng cao doanh thu.
 - o Tình hình thực hiện: Đã hoàn thành lắp đặt dây chuyền và đưa vào hoạt động.
 - o Tổng giá trị đã thanh toán đến hết tháng 12 năm 2018 là: 108,7 tỷ đồng
- *Dự án Cải tạo dây chuyền Rung ép Nhà máy 1*
 - o Tổng mức đầu tư được duyệt: 28.232.466.262 đồng
 - o Mục tiêu đầu tư:
 - Nâng cao năng lực sản xuất, tăng công suất dây chuyền rung ép của Nhà máy 1;
 - Đáp ứng về mặt thiết bị, công nghệ để dây chuyền có thể sản xuất các sản phẩm mới, phát triển sản phẩm độc đáo;
 - Cải thiện môi trường làm việc: giảm bụi, giảm tiếng ồn.
 - o Tình hình thực hiện: Hoàn thành cải tạo dây chuyền rung ép, đưa dây chuyền vào hoạt động ổn định và nâng cao năng suất
 - o Tổng giá trị đã thanh toán đến hết tháng 12 năm 2018: ~ 25 tỷ đồng

Công tác tái cơ cấu Công ty

Ngày 12/08/2014 đánh dấu cột mốc tái cơ cấu quan trọng: Vicostone chính thức trở thành công ty con của CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A (PHENIKAA).

Từ những kinh nghiệm Vicostone có được khi cơ cấu cổ đông có cổ đông lớn là cổ đông nước ngoài và những bài học rút ra từ các công ty trên thị trường chứng khoán, Ban lãnh đạo Công ty

nhận thức được vai trò quan trọng của cơ cấu cổ đông đối với định hướng phát triển của Công ty, cơ cấu cổ đông tốt sẽ là nền tảng vững chắc để công ty phát triển tốt.

Trước thời điểm tái cơ cấu, Vicostone gặp nhiều khó khăn do bị đe dọa về mặt thị phần, kết quả hoạt động và tăng trưởng chững lại khi gặp phải sự cạnh tranh gay gắt khi các đối thủ lớn của Vicostone liên tục đầu tư mở rộng quy mô sản xuất. Lúc này, Phenikaa được đánh giá là một công ty có tiềm lực rất mạnh về tài chính, cũng đã ký hợp đồng độc quyền nhập khẩu dây chuyền sản xuất đá thạch anh tằm lớn theo công nghệ tiên tiến nhất với Breton và nắm giữ độc quyền trong vòng 06 năm, đồng nghĩa với việc Vicostone không còn quyền đầu tư thiết bị trong thời gian 06 năm tiếp theo.

Hơn nữa, Phenikaa cũng đặt nhà máy sản xuất tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, điều này đã tạo áp lực cạnh tranh không nhỏ đối với Vicostone và nếu Vicostone không có quyết sách phù hợp thì có thể sẽ không đủ năng lực cạnh tranh và phát triển, việc tái cơ cấu Vicostone trở thành yêu cầu tất yếu để Công ty có thể tiếp tục tồn tại và phát triển.

Việc tái cơ cấu, trở thành công ty con của Phenikaa đã giúp Vicostone giảm rủi ro cạnh tranh, phát triển nguồn lực để tăng thị phần, nâng cấp hệ thống và trình độ quản lý. Với đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh đá ốp lát nhân tạo cao cấp, Vicostone được Tập đoàn Phenikaa tin tưởng lựa chọn là đầu mối kinh doanh của cả tập đoàn, Vicostone vừa là đầu mối xuất khẩu, vừa là đầu mối điều phối nguồn nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo tính đồng nhất trong tiêu chuẩn chất lượng, tiết kiệm chi phí cho toàn Tập đoàn. Tầm nhìn và định hướng của Công ty mẹ Phenikaa đã tạo cho Vicostone có được vị thế vững vàng, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại doanh thu và lợi nhuận cao, đảm bảo hoàn thành kế hoạch tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận từ năm 2014 đến nay, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao uy tín thương hiệu VICOSTONE® trên thị trường quốc tế.

Công tác huy động vốn và tăng vốn điều lệ:

Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 529.992.510.000 đồng lên 1.600.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Thời điểm hoàn thành tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn
1	21/10/2016	529.992.510.000	600.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2	19/07/2017	600.000.000.000	800.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
3	12/04/2018	800.000.000.000	1.600.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Công tác quản trị Công ty

- Tổ chức, củng cố, sắp xếp và tái cơ cấu các phòng ban trong Công ty, ban hành các quy định phù hợp về chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban phù hợp với từng thời điểm cụ thể.
- Vicostone đã thực hiện nâng cấp hệ thống ERP - SAP, kết nối với hệ thống SAP-ERP chung của toàn Tập đoàn. Giải pháp ERP - SAP giúp Ban Lãnh đạo quản lý và điều hành hiệu quả các hệ thống tài chính - kế toán, quản lý vật tư, quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh và phân phối sản phẩm, quản lý dự án, quản lý dịch vụ, quản lý khách hàng, quản lý nhân sự, các công cụ dự báo và lập kế hoạch, báo cáo.

- Tăng cường hoạt động Quản trị rủi ro (QTRR) doanh nghiệp bằng việc xây dựng cơ cấu QTRR, hệ thống tài liệu cho QTRR và tổ chức việc đào tạo về QTRR, áp dụng hệ thống quản trị rủi ro xuyên suốt trong tất cả các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo tính chủ động trong việc QTRR ở từng cấp độ quản lý
- Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt về nguồn nhân lực, năm 2017, Ban Lãnh đạo Vicostone đã có những quyết định về việc điều chỉnh các chính sách lương, thưởng, các chính sách đãi ngộ và có sự sắp xếp, luân chuyển, bố trí nhân sự phù hợp nhằm tạo động lực cho người lao động, thúc đẩy tinh thần phấn đấu, đạt mục tiêu lãnh đạo đề ra.
- Vicostone đã thực hiện rà soát và hoàn thiện các Quy chế liên quan tới hoạt động của HĐQT; hoàn thiện các Quy chế quản trị nội bộ như: Điều lệ Công ty, Quy định về người đại diện quản lý phần vốn góp, Quy chế đào tạo, Quy chế Quản trị rủi ro, Quy chế đầu tư... tạo hành lang pháp lý cho việc chỉ đạo, điều hành Công ty được thống nhất, kịp thời và hiệu quả nhất.

e. Tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm đã được báo cáo cụ thể trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện đầy đủ tất cả các nội dung Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

f. Thù lao của Hội đồng quản trị

Hàng năm, Công ty thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên từng năm thông qua.

g. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ 2014 - 2019, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp quyết định để quản lý và giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc với sự đồng thuận và nhất trí cao.

Biên bản, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên tham dự họp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, hồ sơ tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan.

h. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và phân cấp cho Tổng Giám đốc xây dựng và hoàn thiện hệ thống các nội quy, quy chế quản lý nội bộ, các nội quy, quy chế được Hội đồng quản trị phê duyệt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh thực tế, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, trí tuệ và kinh nghiệm của từng cán bộ công nhân viên.

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, phân tích, đánh giá mọi hoạt động của Công ty, kịp thời điều chỉnh chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD phù hợp với tình hình mới.

Công tác hạch toán và báo cáo tài chính: số liệu phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty được cập nhật đầy đủ, đáp ứng yêu cầu công bố thông tin. Các báo cáo tài chính năm đều được lập phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập.

i. Tuân thủ pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông, của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Ngân sách Nhà nước theo quy định, thực hiện nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Giải quyết kịp thời các quyền lợi cho người lao động theo thỏa ước lao động. Thu nhập thực tế của người lao động hàng tháng năm sau tăng cao hơn năm trước, cụ thể:

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	Mức độ tăng thu nhập thu nhập bình quân
Thu nhập trung bình (VNĐ/tháng)	12.953.000	15.179.000	16.128.000	17.020.000	18.678.158	9,69%

Công ty đảm bảo thực hiện nghiêm túc các lợi ích của cổ đông trong việc chi trả cổ tức, phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

2.1.3. Nhận xét đánh giá

Trong nhiệm kỳ vừa qua, dù bối cảnh nền kinh tế toàn cầu còn chịu nhiều ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái giai đoạn 2008 – 2013, Hội đồng quản trị đã nỗ lực chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao. Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ công nhân viên đã nỗ lực trong SXKD đạt được hiệu quả cao, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và nâng cao đời sống cho người lao động. Uy tín của Công ty ngày càng nâng cao, là yếu tố quan trọng để Công ty phát triển bền vững trong những năm tới.

Tuy nhiên cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty đang phải đối mặt với những thách thức, khó khăn không thể dự báo hết được. Bên cạnh khó khăn do khách quan gây ra, Công ty cần phải hoàn thiện đội ngũ về nguồn nhân lực kế cận, nâng cao năng lực nhân sự các cấp đưa Công ty phát triển bền vững. Điều đó không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên Vicostone, mà cần có sự hợp tác, thấu hiểu và chia sẻ từ chính các cổ đông Công ty.

2.2. Định hướng chiến lược 2019 - 2024

2.2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 - 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019		2020		2021		2022		2023	
			Giá trị	Tăng trưởng (%)	Giá trị	Tăng trưởng (%)	Giá trị	Tăng trưởng (%)	Giá trị	Tăng trưởng (%)	Giá trị	Tăng trưởng (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.310	16,3%	6.106	15,0%	7.021	15,0%	8.065	14,9%	9.194	14,0%
2	Tổng LN trước thuế	Tỷ đồng	1.565	18,7%	1.815	16,0%	2.114	16,5%	2.431	15,0%	2.771	14,0%

2.2.2. Định hướng 2019 – 2024

- a. Chiến lược nguyên vật liệu:** Tăng cường nội địa hóa nguồn nguyên vật liệu đầu vào với mục tiêu tỷ lệ nguồn NVL đầu vào được nội địa hóa đạt 95%, giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu. Việc Vicostone chủ động về nguồn nguyên liệu và giá thành nguyên vật liệu phù hợp giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững. Việc thực hiện chiến lược nội địa hóa thông qua một số hoạt động:
- Nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế. Phenikaa Huế hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến vật liệu cristobalite được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm công nghệ cao, polymer composite, nhằm cung cấp cho các Nhà máy sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh.
 - Dự án sản xuất sản phẩm nhựa Polyester không no được triển khai từ kết quả nghiên cứu khoa học để ứng dụng vào sản xuất đá nhân tạo theo công nghệ riêng
- b. Về công nghệ:** Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tăng cường việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất giúp nâng cao năng suất, chất lượng, mở rộng ứng dụng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường góp phần đem lại giá trị kinh tế và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững;
- Năm 2020-2021: đẩy mạnh việc cải tiến thiết bị và công nghệ, chủ yếu tập trung giảm chất thải công nghiệp hướng đến mục tiêu hoàn toàn loại bỏ các chất thải công nghiệp phát thải ra môi trường bao gồm cả chất thải chôn lấp.
 - Nghiên cứu giải pháp để sử dụng chất kết dính bằng bioresin khi sản xuất với số lượng nhiều nhất có thể sản phẩm đá nhân tạo sinh thái.
 - Nghiên cứu giải pháp tối ưu để mở rộng ứng dụng đá ốp lát nhân tạo ra ngoài trời đảm bảo mục tiêu giảm cong vênh và ít bị bạc màu.
 - Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ AI, Robot ... vào sản xuất đá tấm và chế tác đá cũng như các lĩnh vực quản trị nhằm tối đa hóa tính tự động, giảm sức người, tăng hiệu quả sản xuất.
- c. Về công tác tái cơ cấu doanh nghiệp:** Từ năm 2019 – 2021 thực hiện tái cấu trúc trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn chuyên kinh doanh sản xuất đá tấm, nguyên vật liệu đầu vào. Từ đó, Vicostone tiếp tục mở rộng và đầu tư để nâng cao công suất, dự kiến từ năm 2021 đến 2024, hoàn thành đầu tư thêm ít nhất 02 dây chuyền sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh, nâng năng suất lên 5 triệu m²/năm.
- d. Về công tác phát triển thị trường:** Nỗ lực phát triển và tăng thị phần tại thị trường trong nước và không ngừng mở rộng thị trường quốc tế đặc biệt thị trường châu Âu, Châu Á qua việc tiếp tục triển khai xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông Marketing tích hợp (IMC) tại thị trường trong và ngoài nước nhằm tiêu thụ hết công suất sản xuất, nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư, đảm bảo trả nợ vay ngân hàng đúng hạn;
- e. Về Quản trị nhân sự:**
- Nâng cao mức độ hạnh phúc của người lao động nhằm tăng hiệu quả công việc, mức độ gắn kết của người lao động. Qua đó góp phần hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty

- Tập trung vào công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực một cách có hệ thống, bài bản; Chú trọng việc tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng, trình độ và kinh nghiệm qua việc hoàn thiện Dự án Thương hiệu nhà tuyển dụng đảm bảo cho sự phát triển bền vững, lâu dài của công ty;
- f. Về công tác Quản trị tài chính:** Tăng cường công tác quản trị tài chính thông qua việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo sự ổn định về tài chính, bảo toàn được vốn, trả nợ ngân hàng đúng hạn; Nghiên cứu các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí sản xuất và đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính.
- g. Về hệ thống quản trị Công ty:** Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp bằng việc:
- Định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Vicostone;
 - Đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tạo ra phương tiện làm việc nhanh chóng, hiệu quả, giúp CBCNV có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân.
 - Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản trị rủi ro, đồng thời thực hiện việc quản lý các rủi ro trọng yếu đã được Công ty xác định.
 - Sử dụng chữ ký điện tử trong công tác điều hành ra quyết định và các công tác khác.

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018

1.1 Nhân sự của Ban Kiểm soát

Giữa 2 kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2017 và năm 2018, BKS có 03 nhân sự, trong đó Trưởng BKS chuyên trách và 02 thành viên BKS. Các thành viên BKS đều đáp ứng đủ tư cách, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về Kế toán, Kiểm toán, Pháp luật và đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ của mình.

Danh sách thành viên BKS tính đến ngày 31/12/2018:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Mức độ độc lập	Thời gian được bầu
1	Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban	<ul style="list-style-type: none"> • Không sở hữu cổ phiếu VCS • Làm việc chuyên trách tại Công ty 	04/08/2015
2	Trần Lan Phương	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> • Không sở hữu cổ phiếu VCS • Không phải là người lao động trong Công ty 	04/08/2015
3	Trần Thị Phương Hoa	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> • Không sở hữu cổ phiếu VCS • Không phải là người lao động trong Công ty 	15/03/2018

Thay đổi nhân sự Ban Kiểm soát trong năm 2018

- Ngày 03/05/2017: BKS đã họp và biểu quyết thông qua đơn từ nhiệm chức vụ thành viên BKS của ông Nguyễn Quốc Tuấn.
- Ngày 15/03/2018: Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thống nhất bầu bổ sung bà Trần Thị Phương Hoa làm thành viên BKS nhằm kiện toàn lại bộ máy của BKS.

1.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ đã được quy định và kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên 2017 CTCP Vicostone thông qua, giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2017 - 2018, hoạt động của BKS đã đạt được các kết quả như sau:

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2018, BKS tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên BKS nhằm thực hiện việc giám sát hoạt động của HĐQT và TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty, rà soát hệ thống văn bản nội bộ và thẩm định BCTC của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	15/02/2018	✓ Thảo luận với đơn vị kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2017; ✓ Rà soát các việc cần thực hiện trong Quý I/2018.	2/2	100%	
2	30/06/2018	✓ Họp báo cáo công tác của BKS 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm.	3/3	100%	
3	20/06/2018	✓ Họp báo cáo công tác của BKS quý III/2018.	3/3	100%	
4	25/12/2018	✓ Họp báo cáo công tác của BKS năm 2018. ✓ Định hướng nhiệm vụ năm 2019.	3/3	100%	

Trong các cuộc họp, các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của CTCP Vicostone và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS.

Ngoài ra, BKS cũng duy trì công tác trao đổi thông tin thường xuyên với nhau thông qua các báo cáo, điện thoại, email và tham dự, đóng góp ý kiến tại một số cuộc họp quan trọng của HĐQT và Ban TGD, qua đó giúp thực hiện tốt hơn chức năng giám sát đối với HĐQT, Ban TGD Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác giám sát của BKS

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của BKS, trong năm 2018, BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, cụ thể:

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty trong công tác điều hành; giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ; giám sát thực hiện công tác quản trị điều hành và phối hợp hoạt động của HĐQT, Ban điều hành; Giám sát việc tổ chức thực hiện xin ý kiến các thành viên HĐQT đối với một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Thường xuyên trao đổi nội bộ cũng như với HĐQT, Ban TGD nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban TGD trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Thẩm định BCTC định kỳ quý, bán niên và năm của Công ty đã được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, BCTC.
- Chỉ đạo bộ phận Quản trị rủi ro – Kiểm toán nội bộ thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định liên quan đến hệ thống Quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ của Công ty góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.
- Tham gia biên soạn và kiểm soát nội dung Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững của Công ty.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018.
- Giám sát công tác Công bố thông tin định kỳ và bất thường để đảm bảo minh bạch, kiểm chứng tính xác thực của các thông tin công bố tới cổ đông Công ty.

1.3 Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

Trong năm 2018, thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất, các email, điện thoại trao đổi giữa HĐQT và ban TGD, các báo cáo của Phòng QTRR – KTNB và các bộ phận liên quan, HĐQT đã nắm bắt kịp thời thông tin, tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, tình hình biến động của thị trường nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ sản phẩm quốc tế và nội địa để kịp thời điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị Công ty đã thể hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Ban hành Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- Chỉ đạo Bộ phận Marketing triển khai chương trình Truyền thông marketing tích hợp (IMC) trong nước, nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu VICOSTONE® tại thị trường Việt Nam;
- Thông qua chương trình, nội dung, nghị quyết trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Theo đánh giá của BKS, HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong năm 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo điều lệ, quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

1.4 Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định hoạt động SXKD và sự phát triển ổn định của Công ty, góp phần bảo toàn và sinh lời vốn của các cổ đông. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Thực hiện cơ cấu bộ máy nhân sự theo hướng tinh giảm để nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí tiền lương;
- Đào tạo bộ máy quản lý kế thừa, thay thế và hỗ trợ cho nhau để đảm bảo vận hành kinh doanh một cách tốt nhất;
- Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;
- Thường xuyên theo dõi, đưa ra các quyết định điều hành một cách hợp lý, kịp thời, phù hợp với sự biến động của thị trường.

Theo đánh giá của BKS, BTGD đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong năm 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo điều lệ, quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

1.5 Báo cáo sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD

Trong năm 2018, BKS luôn nhận được sự hỗ trợ, phối hợp từ phía HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác để cùng thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2018 nói chung và hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ của BKS nói riêng; được cung cấp đầy đủ các thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT và được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất của HĐQT và Ban TGD.

Các ý kiến phản hồi, những vấn đề thắc mắc cần làm rõ của BKS đối với HĐQT, Ban TGD luôn được phúc đáp đầy đủ, kịp thời;

Trong năm 2018, BKS thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích các dữ liệu thu được để kịp thời đưa ra các cảnh báo, khuyến nghị cho HĐQT và Ban TGD trong công tác quản trị doanh nghiệp và điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

HĐQT và BKS Công ty đã cùng phối hợp, xây dựng mối quan hệ với cổ đông, thực hiện công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định. Trong năm 2018, BKS không nhận được thắc mắc gì từ phía cổ đông đối với hoạt động điều hành Công ty của HĐQT và Ban TGD.

1.6 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty năm 2018

Kết quả hoạt động sản xuất năm 2018

Trong năm 2018, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, Tổng Giám đốc đã có sự nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, đề ra và quyết liệt thực hiện các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình điều hành Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Năm 2018, Công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh với các chỉ tiêu chính như sau:

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2018	TH năm 2018	TH/KH năm 2018 (%)	Tăng trưởng 2018 so với năm 2017 (%)
1	Tổng doanh thu	5.290,00	4.564,50	86,29%	3,55%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.355,00	1.318,51	97,31%	17,20%

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

Trên cơ sở kiểm tra số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 và giải trình chi tiết của Phòng Tài chính Kế toán, BKS Công ty đánh giá như sau:

- Báo cáo tài chính được lập tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam, đây là công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
- BCTC đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động SXKD của Công ty; phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018.
- Công ty đã lập và công bố BCTC riêng năm 2018 phù hợp với các quy định của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và pháp luật hiện hành.

Công tác tài chính kế toán

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, không để xảy ra tình trạng nợ, đọng thuế;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các Quy định của Pháp luật trong công tác hạch toán kế toán. Hoàn thành báo cáo tài chính và thực hiện chế độ công bố thông tin đúng thời hạn quy định.

1.7 Thu nhập của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD

Nguyên tắc chi trả

- Đối với các thành viên HĐQT, BKS làm việc chuyên trách tại Công ty và các thành viên Ban TGD, Công ty thực hiện chi trả tiền lương và tiền thưởng theo Quy chế lương do HĐQT Công ty ban hành và chi trả thù lao theo mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Đối với các thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách, Công ty thực hiện chi trả thù lao theo mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ngoài các khoản lương, thưởng và thù lao, thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên Ban TGD được thanh toán định mức chi phí đi lại, thanh toán chi phí điện thoại và các chi phí hợp lệ khác phục vụ cho công việc.

Bảng kê thu nhập của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Thời gian năm giữ tư cách thành viên HĐQT	Thời gian năm giữ tư cách thành viên Ban TGD/KTT	Thời gian năm giữ tư cách thành viên BKS	Thời gian hưởng lương + thưởng	Tổng thu nhập từ tiền lương, thưởng của HĐQT, Ban TGD	Hỗ trợ xăng xe	Tổng thu nhập từ tiền lương, thưởng tiền công của thành viên BKS	Thù lao HĐQT, BKS	Tổng thu nhập từ tiền lương, thưởng của Kế Toán trưởng
1	Hồ Xuân Năng	Cả năm			Cả năm	2.759.890.764	-	-	72.000.000	
2	Phạm Anh Tuấn	Cả năm	Cả năm		Cả năm	2.353.793.793	120.000.000	-	60.000.000	
3	Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Cả năm			Cả năm	-	-	-	60.000.000	
4	Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Cả năm			Cả năm	-	-	-	60.000.000	
5	Nguyễn Quốc Trường	Cả năm			Cả năm	1.591.323.637	120.000.000	-	60.000.000	
6	Phạm Trí Dũng		Cả năm		Cả năm	2.076.293.469	120.000.000	-	-	
7	Lưu Công An		Cả năm		Cả năm	2.076.293.469	120.000.000	-	-	
8	Nguyễn Chí Công		Cả năm		Cả năm	1.937.866.207	120.000.000	-	-	
9	Lương Xuân Mẫn			Cả năm	Cả năm	-	-	1.986.701.611	60.000.000	
10	Trần Lan Phương			Cả năm	Cả năm	-	-	-	48.000.000	
11	Trần Thị Phương Hoa			Từ 15.03	Từ 15.03	-	-	-	38.000.000	
12	Nguyễn Thị Nga		Cả năm							1.332.078.978
	TỔNG					12.795.461.339	600.000.000	1.986.701.611	458.000.000	1.332.078.978

1.8 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Thông tin sở hữu cổ phần của người nội bộ (thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD)

TT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đến cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu/Số lượng CP đang lưu hành (%)
1	Hồ Xuân Năng	Chủ tịch HĐQT	5.685.794	3,63
2	Nghiêm Thị Ngọc Diệp	UV HĐQT	0	0
3	Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	UV HĐQT	0	0
4	Phạm Anh Tuấn	UV HĐQT - TGD	18.864	0,01
5	Nguyễn Quốc Trường	UV HĐQT	0	0
6	Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
7	Trần Lan Phương	Thành viên BKS	18	0
8	Trần Thị Phương Hoa	Thành viên BKS	0	0
9	Lưu Công An	Phó TGD	298.980	0,19
10	Phạm Trí Dũng	Phó TGD	335.948	0,21
11	Nguyễn Chí Công	Phó TGD	8.532	0,005
	Tổng		6.348.136	4,05

(Căn cứ danh sách cổ đông tính đến ngày 07/12/2018 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan:

Danh sách các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty phát sinh trong năm 2018 như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Số lượng CP lưu hành	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Số lượng CP lưu hành	
1	CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	64.000.000	80%	128.000.000	81,63%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Hồ Xuân Năng	Chủ tịch HĐQT	2.017.897	2,52%	5.685.794	3,63%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu - Thực hiện mua 1.65 triệu CP trong 07/2018
3	Phạm Anh Tuấn	Thành viên	9.432	0,01%	18.864	0,01%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Số lượng CP lưu hành	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Số lượng CP lưu hành	
		HĐQT, Tổng Giám đốc					
4	Lưu Công An	Phó Tổng giám đốc	149.490	0,19%	298.980	0,19%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Phạm Trí Dũng	Phó Tổng giám đốc	167.974	0,21%	335.948	0,21%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Nguyễn Chí Công	Phó Tổng giám đốc	4.266	0,005%	8.532	0,005%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu

* Trong 04/2018 CTCP Vicostone thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 80.000.000 cổ phiếu.

** Trong 11/2018, CTCP Vicostone thực hiện phương án mua lại 3.200.000 cổ phiếu VCS làm cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu VCS đang lưu hành là 156.800.000 cổ phiếu.

1.9 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hệ thống quản trị doanh nghiệp của Vicostone và các quy định, quy chế của Công ty đều tuân thủ Khung quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với các công ty đại chúng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hệ thống quản trị doanh nghiệp của Vicostone được xây dựng trên cơ sở 3 nguyên tắc cốt lõi:

- **Thượng tôn pháp luật:** Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật;
- **Phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về quản trị;**
- **Đảm bảo phát triển bền vững:** Chức năng, quyền hạn, việc phân cấp, phân quyền của các bên có liên quan trong mô hình quản trị doanh nghiệp được xây dựng gắn liền với nhiệm vụ phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp vững mạnh trên cơ sở thượng tôn pháp luật Việt Nam đồng thời áp dụng các thông lệ quản trị quốc tế của OECD và IFC, Vicostone đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của Công ty một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, đảm bảo lợi ích bền vững của các cổ đông, hài hòa với lợi ích của các bên liên quan.

Để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi của các bên liên quan, Vicostone luôn công bố các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh và các thông tin bất thường khác theo đúng thời hạn quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.10 Kiến nghị của BKS

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, ổn định tổ chức, tăng cường công tác quản trị và điều hành tạo điều kiện để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu tài chính đề ra đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Tiếp tục nâng cao và hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro, đưa hệ thống Quản trị rủi ro vào các quy trình tác nghiệp trong sản xuất, kinh doanh;
- Tiếp tục rà soát; thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế, quy định để phù hợp với các quy định Nhà nước hiện hành, đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan;
- Kiểm soát chặt chẽ hơn nữa các quy trình mua, bán trong Công ty nhằm tiết giảm lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động;
- Hoàn chỉnh các quy định nội bộ, đặc biệt trong công tác đầu tư nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

1.11 Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019

Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 của BKS sẽ tập trung vào các mặt hoạt động sau:

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức BKS, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cán bộ kiểm toán nội bộ và tăng cường việc hỗ trợ công nghệ thông tin cho hoạt động giám sát, kiểm toán;
- Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo thẩm định về các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra;
- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và BKS Công ty.
- Theo dõi, nắm tình hình công bố thông tin, tham dự các cuộc họp với Hội đồng quản trị Công ty;
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm toán nội bộ, rà soát đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong các lĩnh vực nghiệp vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro để góp phần nâng cao tính minh bạch, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Thường xuyên phối hợp với Ban điều hành Công ty rà soát các quy chế quy định hiện hành của nội bộ đã ban hành, đề kiến nghị hoàn chỉnh các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2014 – 2019

2.1 Nhân sự nhiệm kỳ giai đoạn 2014 - 2019

Nhân sự BKS nhiệm kỳ 2014 -2019 gồm số lượng 03 thành viên, do các Cổ đông Công ty đề cử và được Đại HĐCĐ bầu. Nhân sự qua từng thời kỳ cụ thể như sau:

Giai đoạn	Nhân sự	Ghi chú
2014 – 2015	1. Nguyễn Quốc Trường (Trưởng ban) 2. Trần Đăng Lợi (thành viên) 3. Đỗ Quang Bình (thành viên)	
2015 – 2016	1. Lương Xuân Mẫn (Trưởng ban) 2. Nguyễn Diệu Thúy Ngọc (Thành viên) 3. Trần Lan Phương (Thành viên)	
2016 – 2017	1. Lương Xuân Mẫn (Trưởng ban) 2. Nguyễn Quốc Tuấn (Thành viên) 3. Trần Lan Phương (Thành viên)	
2017 – 2018	1. Lương Xuân Mẫn (Trưởng ban) 2. Trần Lan Phương (Thành viên) 3. Trần Thị Phương Hoa (Thành viên)	

Do đặc thù BKS có 03 thành viên, 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm nên BKS đã tổ chức hoạt động thống nhất, không phân chia phụ trách công việc cụ thể, tùy từng đợt kiểm tra giám sát, BKS phân phối công việc kiểm tra cụ thể cho các thành viên tham gia và thảo luận, đưa ra kết luận, đánh giá cuối cùng của Ban.

2.2 Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2014 – 2019.

Trong nhiệm kỳ 2014 - 2019, với sự hỗ trợ tích cực và tạo điều kiện của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Tổng giám đốc, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn theo quy định; có sự đồng thuận cao trong các đánh giá, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành và các báo cáo trình bày trước ĐHĐCĐ trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

Công tác xây dựng quy trình, quy chế nội bộ

- BKS đã xây dựng hệ thống quy chế, quy trình đảm bảo hoạt động của BKS vận hành thông suốt, đúng quy định, đáp ứng quy định của Pháp luật về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.
- BKS đã tham gia góp ý, soạn thảo và ban hành các quy định, quy chế như Quy chế quản lý tài chính, Quy chế tiền lương, Quy chế đầu tư phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty; đồng thời phát hiện những rủi ro, thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị phù hợp.
- BKS đã chỉ đạo bộ phận Quản trị rủi ro – Kiểm toán nội bộ thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định liên quan đến hệ thống Quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ của Công ty góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.
- BKS cũng thường xuyên xem xét, đánh giá sự phù hợp của các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty để có những đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quy định của Pháp luật và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, đảm bảo thuận tiện trong việc thực hiện, kiểm tra, giám sát.

Giám sát sự tuân thủ Pháp luật của Công ty

- Trong nhiệm kỳ vừa qua, BKS đã thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty trong quản trị, điều hành Công ty và các chính sách quan trọng về Kế toán, Đầu tư.
- Tham gia điều đặn các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đưa ra các ý kiến, khuyến nghị với Hội đồng quản trị trong việc Ban hành các Nghị quyết, Quyết định trên cơ sở Pháp luật và Điều lệ của Công ty, đồng thời giám sát việc tuân thủ và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định trong quá trình điều hành, hoạt động Công ty.

Công tác kiểm toán, thẩm định Báo cáo tài chính

- BKS đã kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ban hành ngày 24/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- BKS liên tục xem xét Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và cả năm do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thẩm tra việc hạch toán ghi nhận các khoản doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định. Qua kết quả kiểm toán các năm, báo cáo tài chính của Công ty đều được chấp thuận toàn phần. Điều này cho thấy chất lượng của Công tác kế toán, các số liệu báo cáo của Công ty phản ánh trung thực trên các nội dung chủ yếu; đồng thời phản ánh chính xác tình hình hoạt động và tuân thủ theo quy định cho chuẩn mực kế toán.
- Với quy mô của Công ty, BKS đã tiếp tục đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán có uy tín nhằm đưa công tác kế toán của Công ty đi sát với quy định, chuẩn mực kế toán quốc tế như Ernst and Young.
- BKS đã giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin, đặc biệt là các quy định về công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đánh giá sự phối hợp của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Trong nhiệm kỳ vừa qua, BKS đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong hoạt động kinh doanh, giám sát các hoạt động để đảm bảo công ty hoạt động theo đúng Pháp luật, thường xuyên trao đổi với HĐQT và Ban Tổng giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- BKS tham gia thường xuyên các phiên họp của Hội đồng quản trị và tham gia ý kiến bằng văn bản, email hoặc qua thảo luận tại phiên họp, kịp thời báo cáo và đưa ra các khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị về những vấn đề trong hoạt động của Công ty.
- BKS đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề trước khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường làm việc... và cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, các loại báo cáo... giúp BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.3 Thuận lợi và hạn chế của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ 2014 – 2019

Thuận lợi:

- Cơ cấu và sự phân công công tác của các thành viên BKS phù hợp với điều kiện và chuyên môn công tác, cũng như mô hình vận hành của công ty; tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ BKS giám sát việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Đồng thời, BKS có thể ghi nhận nhanh chóng và chính xác hầu hết hoạt động của Công ty trong suốt nhiệm kỳ.
- BKS được HĐQT, Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện tham gia và được tham vấn trong những buổi họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc để kịp thời nắm được thông tin phục vụ cho công tác giám sát, đồng thời đưa ra ý kiến hỗ trợ HĐQT, Ban Tổng giám đốc đưa ra những quyết định quan trọng.
- BKS cũng được tạo điều kiện và nhận được sự hợp tác tốt của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và tất cả các cán bộ, nhân viên Công ty trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ – quyền hạn của BKS trong nhiệm kỳ.
- Hệ thống quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty lành mạnh; tình hình tài chính của Công ty minh bạch, rõ ràng nên không khó khăn cho BKS trong việc kiểm soát về hoạt động kinh doanh, tài sản và nguồn vốn.

Hạn chế

- 2/3 thành viên BKS là kiêm nhiệm và làm việc chuyên trách tại các bộ phận khác, vì vậy các buổi làm việc của Ban đều được sử dụng các phương tiện thông tin để hội ý, thảo luận nên hiệu quả công việc còn hạn chế.

2.4 Kiến nghị

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhanh chóng ổn định tổ chức, tăng cường công tác quản trị và điều hành tạo điều kiện để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu tài chính đề ra đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty
- Tăng cường công tác quản lý nhằm hạn chế rủi ro tối đa.
- Hoàn chỉnh các quy định nội bộ, đặc biệt trong công tác đầu tư nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ hơn nữa quy trình mua – bán trong Công ty nhằm tiết giảm lãng phí, nâng cao hiệu suất của lao động

3. Phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ 2019 – 2024

Từ năm 2019, HĐQT chủ trương giải thể BKS và sử dụng mô hình Kiểm toán nội bộ để thực hiện chức năng thay cho BKS. Chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ sẽ được xây dựng phù hợp.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

I. Thông tin cổ đông

1. Số lượng và loại cổ phần lưu hành

(Căn cứ danh sách cổ đông tính đến ngày 07/12/2018 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Chưa lưu ký	87.881.186	54,93%	
2	Lưu ký	72.118.814	45,07%	
Tổng		160.000.000	100%	
1	Tổ chức	132.144.742	84,28%	Tính theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành
2	Cá nhân	24.655.258	15,72%	
Tổng		156.800.000	100%	
1	Trong nước	152.750.678	97,42%	
2	Nước ngoài	4.049.322	2,58%	
Tổng		156.800.000	100%	

2. Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 07/12/2018, cơ cấu cổ đông của Vicostone như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng
1	Tổng số cổ đông	3392
2	Cổ đông trong nước	3308
3	Cổ đông nước ngoài	84
4	Cổ đông cá nhân	3343
5	Cổ đông tổ chức	49

3. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại

Tính đến ngày 31/12/2018 (cuối kỳ), cơ cấu cổ phần của Vicostone như sau:

- Tổng số cổ phần của Công ty: **160.000.000 cổ phần**
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: **156.800.000 cổ phần**
- Số lượng cổ phiếu quỹ: **3.200.000 cổ phần**

4. Thông tin sở hữu cổ phần của người nội bộ (thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD)

TT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đến cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu/Số lượng CP đang lưu hành (%)
1	Hồ Xuân Năng	Chủ tịch HĐQT	5.685.794	3,63
2	Nghiêm Thị Ngọc Diệp	UV HĐQT	0	0
3	Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	UV HĐQT	0	0
4	Phạm Anh Tuấn	UV HĐQT - TGD	18.864	0,01
5	Nguyễn Quốc Trường	UV HĐQT	0	0
6	Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
7	Trần Lan Phương	Thành viên BKS	18	0
8	Trần Thị Phương Hoa	Thành viên BKS	0	0
9	Lưu Công An	Phó TGD	298.980	0,19
10	Phạm Trí Dũng	Phó TGD	335.948	0,21
11	Nguyễn Chí Công	Phó TGD	8.532	0,005
12	Nguyễn Thị Nga	Kế toán Trưởng	0	0
	Tổng		6.348.136	4,05

(Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 07/12/2018 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

5. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Danh sách các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty phát sinh trong năm 2018 như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Số lượng CP lưu hành	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Số lượng CP lưu hành	
1	CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	64.000.000	80%	128.000.000	81,63%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Hồ Xuân Năng	Chủ tịch HĐQT	2.017.897	2,52%	5.685.794	3,63%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu - Thực hiện mua 1.65 triệu CP trong 07/2018

3	Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	9.432	0,01%	18.864	0,01%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Lưu Công An	Phó Tổng giám đốc	149.490	0,19%	298.980	0,19%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Phạm Trí Dũng	Phó Tổng giám đốc	167.974	0,21%	335.948	0,21%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Nguyễn Chí Công	Phó Tổng giám đốc	4.266	0,005%	8.532	0,005%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Trần Lan Phương	Thành viên Ban kiểm soát	9	0,00%	18	0,00%	- Được nhận cổ tức bằng cổ phiếu

6. Giao dịch cổ phiếu quỹ của người nội bộ và người có liên quan

Danh sách các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu quỹ của Công ty phát sinh trong năm 2018 như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi giao dịch	Số lượng cổ phiếu quỹ sau khi giao dịch	Thời gian giao dịch	Giá giao dịch bình quân (VNĐ)
1	CTCP Vicostone	0	3.200.000	07/11/2018 – 21/11/2018	75.300

7. Chính sách cổ tức và tỷ lệ chi trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức cho các cổ đông được Công ty thực hiện sau khi đã trích lập các quỹ. Tỷ lệ, hình thức chi trả cổ tức hàng năm do ĐHĐCĐ phê chuẩn trên cơ sở đề xuất của HĐQT và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

- Đảm bảo được hai mục tiêu cơ bản: quyền lợi cho các cổ đông và nhu cầu vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;

- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Số tiền cổ tức đã trích trong năm (đồng)	Số tiền cổ tức đã thanh toán trong năm (đồng)	Ghi chú
2007	14%	3.354.483.463	3.284.483.463	Trích từ LNST năm 2006
2008	20%	14.717.824.240	14.787.824.240	Trích từ LNST năm 2007
2009		1.497.600.000	1.497.600.000	Trích từ LNST năm 2008
2010	35%	53.625.000.000	53.625.000.000	Trích 20% từ LNST năm 2009 Trích 15% từ LNST năm 2010
2011	5%	9.942.391.000	10.533.300.000	Trích từ LNST năm 2010
2012	20%	105.998.502.000	106.427.397.000	Trích từ LNST năm 2011
2013		-	124.536.000	
2014	25%	111.298.527.500	26.495.156.100	Trích 5% từ LNST năm 2013 + 20% từ LNST năm 2014
2015	40%	169.597.804.000	169.571.493.275	Trích từ LNST năm 2015
2016	40,00%	190.797.404.000	275.186.472.700	Trích từ LNST năm 2016
	~ 13,21%	70.007.490.000		Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2017	20,00%	120.000.000.000	120.012.199.500	Trích từ LNST năm 2017
	~ 33,33%	200.000.000.000		Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2018	40%	476.800.000.000	388.181.228.100	Trích 20% từ LNST năm 2017 + 20% từ LNST năm 2018
	100%	800.000.000.000		Trả cổ tức bằng cổ phiếu

II. Tình hình thực hiện công tác Quan hệ cổ đông trong năm 2018

Trong năm 2018, Ban Quan hệ cổ đông đã thực hiện tốt công tác đối ngoại và thực hiện chức năng công bố thông tin trên tinh thần tuân thủ nghiêm túc các quy định về CBTT theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội.

Các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của Công ty và các thông tin, sự kiện bất thường đều được Công ty công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời. Trong năm 2018, Ban Quan hệ cổ

đồng đã phối hợp với Bộ phận Marketing hoàn thiện và nâng cấp website của Công ty đảm bảo việc truy cập thông tin dễ dàng, thuận tiện và dễ theo dõi. Mục Quan hệ nhà đầu tư trên website Công ty là địa chỉ cung cấp các thông tin, tài liệu về Vicostone bao gồm các thông tin được công bố, dữ liệu về tài chính, các báo cáo thường niên, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông qua các năm, Báo cáo quản trị Công ty...

Công tác Quan hệ cổ đông trong năm 2018 của Vicostone đã đạt được các kết quả nổi bật sau:

- Năm 2018, Báo cáo thường niên của Công ty lọt vào Top 10 doanh nghiệp vốn hóa trung bình có Báo cáo thường niên tốt nhất và Top 5 doanh nghiệp vốn hóa trung bình có quản trị công ty tốt nhất năm 2018. Báo cáo thường niên của Công ty được đánh giá cao về tính minh bạch, cung cấp đầy đủ thông tin về chiến lược, định hướng phát triển của Công ty, chính sách đối với môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động...
- Đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông: Việc đảm bảo đối xử bình đẳng với các cổ đông thể hiện bằng việc các cổ đông được cung cấp các thông tin như nhau, tạo điều kiện cho cổ đông (đặc biệt là cổ đông nước ngoài) thực hiện biểu quyết thông qua việc ủy quyền tham dự đại hội.
- Thực hiện việc công bố thông tin trên website của Công ty, hệ thống CIMS của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và hệ thống IDS của Ủy ban chứng khoán nhà nước một cách nghiêm túc, minh bạch và hợp pháp theo đúng các quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC. Các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị Công ty, các thông tin có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cổ đông luôn luôn được cập nhật chính xác, đầy đủ và thường xuyên.
- Trong năm vừa qua Ban quan hệ cổ đông Vicostone đã hoạt động tích cực và hiệu quả, tiếp nhận và phản hồi nhanh, kịp thời các thắc mắc của các cổ đông qua các kênh như: Điện thoại, email, các buổi tọa đàm gặp mặt với các cổ đông, thư chuyển phát nhanh; cung cấp đến cổ đông những thông tin quan trọng và kịp thời nhất có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của cổ đông.

III. Kế hoạch hoạt động Quan hệ cổ đông trong năm 2019

Trên cơ sở đánh giá và hiểu được kỳ vọng của các cổ đông, các nhà đầu tư khác nhau, Ban Quan hệ cổ đông Vicostone sẽ triển khai các chương trình phù hợp:

- Nâng cao chất lượng công bố thông tin, tăng tính chuẩn mực, minh bạch, kịp thời, độ trung thực và tin cậy của thông tin công bố, góp phần tích cực vào sự phát triển ổn định và bền vững của Vicostone trên thị trường chứng khoán. Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho Ban Quan hệ cổ đông, đội ngũ công bố thông tin và tất cả các lĩnh vực liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Duy trì các kênh giải đáp, các kênh trao đổi thông tin giữa Ban Lãnh đạo Công ty với các cổ đông và nhà đầu tư để kịp thời cung cấp thông tin cho nhà đầu tư, đảm bảo việc chia sẻ thông tin cụ thể, minh bạch để các cổ đông, nhà đầu tư có định hướng và quyết định đúng đắn trong việc đầu tư vào Công ty.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. Cam kết về phát triển bền vững

Trong suốt 16 năm phát triển, Vicostone luôn coi “Phát triển bền vững” là trọng tâm và kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị công ty, đầu tư nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực. Ý thức và hành động đúng cam kết vì lợi ích của con người và xã hội là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của Vicostone.

Thỏa mãn mọi yêu cầu hợp lý của khách hàng, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, an toàn sức khỏe nghề nghiệp là nền tảng để phát triển bền vững của Vicostone. Theo đó, Vicostone cam kết:

- Coi khách hàng là trung tâm của mọi công việc.
- Xác định “Con người” là nguồn sức mạnh, nguồn nhân lực cao là tài sản vô hình, vô giá. Đoàn kết, hợp tác, trách nhiệm, phản biện, nói đi đôi với làm là cốt lõi của Văn hóa Công ty.
- Cải tiến liên tục, sử dụng công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp và an sinh cho người lao động.
- Hiện thực hóa mọi cam kết, chất lượng vượt trội, khác biệt về sản phẩm và dịch vụ là định hướng xuyên suốt tạo uy tín thương hiệu, trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực đá nhân tạo cao cấp.
- Thượng tôn pháp luật, quản trị Công ty minh bạch, vì lợi ích chung của cổ đông, người lao động gắn với sự phát triển của Công ty với trách nhiệm cộng đồng, xã hội, phát triển doanh nghiệp bền vững.

Cung cấp đầy đủ nguồn lực để duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Chất lượng – Môi trường – Trách nhiệm xã hội – An toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015; SA8000:2014, OHSAS 180001:2007.

II. Gắn kết các bên liên quan

Một trong những mục tiêu tối quan trọng mà Vicostone luôn hướng đến là hài hòa lợi ích của cổ đông, đối tác, người lao động, cộng đồng và xã hội; do đó Công ty luôn chú trọng đến các vấn đề mà các bên liên quan quan tâm, tiếp cận sâu sát, hiệu quả nhất để gắn kết các bên liên quan. Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính đặc thù của từng bên liên quan, xác định chính xác các vấn đề các bên liên quan quan tâm cũng như mục tiêu Công ty mong muốn đạt được, Vicostone xác định các phương pháp tiếp cận các bên liên quan phù hợp, hiệu quả nhất và xây dựng các kế hoạch gắn kết và truyền thông.

Bên liên quan	Mối quan tâm của các bên liên quan	Mục tiêu Vicostone hướng đến	Hành động của Vicostone	Giá trị mang lại
Cổ đông và nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> + Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; + Minh bạch thông tin; + Đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư; + Giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị của doanh nghiệp; + Năng lực quản trị doanh nghiệp của Công ty tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> + Duy trì và mở rộng quan hệ với các cổ đông và các nhà đầu tư; + Tuân thủ tốt nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định, đảm bảo minh bạch trong mọi công việc. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường; + Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; + Tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Quan hệ Cổ đông; + Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; + Đảm bảo cung cấp đầy đủ, minh bạch, kịp thời các thông tin về hoạt động SXKD cho các cổ đông, các nhà đầu tư; + Đảm bảo việc đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; + Thực hiện và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của một công ty niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán, quảng bá thương hiệu VICOSTONE® đến các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tốc độ tăng trưởng bình quân bền vững; + Thông tin được công bố kịp thời, công khai, minh bạch; + Luôn đem lại mức cổ tức cao cho nhà đầu tư.
Khách hàng và người tiêu dùng	<ul style="list-style-type: none"> + Mẫu mã sản phẩm đa dạng, phong phú, phù hợp với thị hiếu khách hàng, thường xuyên phát triển sản phẩm mới; + Sản phẩm độc đáo, khác 	<ul style="list-style-type: none"> + Củng cố và mở rộng hệ thống phân phối; + Duy trì và tăng cường sự trung thành của khách hàng đối với thương hiệu; + Nâng cao mức độ hài lòng của 	<ul style="list-style-type: none"> + Thu thập các thông tin phản hồi của khách hàng từ nhân viên bán hàng của Công ty, các đại lý và các nhà phân phối. + Tiến hành các cuộc điều tra, khảo sát thị trường; 	<ul style="list-style-type: none"> + Giao hàng nhanh, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng; + Chứng từ nhanh chóng, chính xác; + Phản hồi, chăm sóc

Bên liên quan	Mối quan tâm của các bên liên quan	Mục tiêu Vicostone hướng đến	Hành động của Vicostone	Giá trị mang lại
	<ul style="list-style-type: none"> biệt mà các đối thủ không có; + Chất lượng sản phẩm ổn định, các tính chất cơ lý đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật; + Chất lượng dịch vụ: Bán hàng, bảo hành, các dịch vụ sau bán hàng ...; + Giá cả cạnh tranh hợp lý. 	khách hàng và người tiêu dùng đối với sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> + Không ngừng sáng tạo, cải tiến nghiên cứu và phát triển sản phẩm; + Liên tục cải tiến công nghệ, kỹ thuật hiện đại để đem lại sản phẩm chất lượng; + Giải đáp thắc mắc phát sinh và hỗ trợ khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> khách hàng online 24/7; + Chính sách bán hàng, chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán hàng nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất, tiến tới sự hài lòng cao nhất từ khách hàng.
Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> + Những lợi ích về tài chính mà nhà cung cấp đạt được; + Không tiết lộ thông tin bí mật của nhà cung cấp cho đối thủ cạnh tranh của họ; + Sự cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà cung cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> + Củng cố và mở rộng hệ thống các nhà cung cấp, tạo chuỗi giá trị cung ứng bền vững; + Đảm bảo đôi bên cùng có lợi; + Đảm bảo việc thực thi và tuân thủ các nghĩa vụ liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> + Trao đổi thông tin thông qua quá trình đàm phán Hợp đồng; + Gặp gỡ trực tiếp; + Đánh giá nhà cung cấp định kỳ hàng năm, trong đó chú trọng khía cạnh an toàn, đảm bảo môi trường; + Tham dự hội chợ, triển lãm chuyên ngành; + Nhận ý kiến trực tiếp thông qua email và số điện thoại của công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo chất lượng sản phẩm, giá cả cạnh tranh, thời gian giao hàng nhanh giúp Công ty có được sản phẩm, dịch vụ chất lượng như mong muốn với giá cả hợp lý, đủ sức cạnh tranh trên thương trường.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> + Môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, không phân biệt đối xử; + Chính sách lương, thưởng hấp dẫn, chế độ phúc lợi đa dạng, cạnh tranh so với các 	<ul style="list-style-type: none"> + Tăng cường tinh thần đoàn kết và hợp tác trong công việc, kỷ luật, tác phong công nghiệp cho người lao động; + Tăng cường và nâng cao sự gắn bó, trung thành của người lao 	<ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng, và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp; + Duy trì và không ngừng nâng cao chính sách phúc lợi và thu nhập tốt; + Không ngừng cải thiện môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> + Luôn duy trì môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được kiểm soát và giảm thiểu; + Trong năm 2018, tổ

Bên liên quan	Mối quan tâm của các bên liên quan	Mục tiêu Vicostone hướng đến	Hành động của Vicostone	Giá trị mang lại
	<p>doanh nghiệp khác;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp; + Những thành tựu và đóng góp của cá nhân được ghi nhận. 	<p>động;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá nhằm cải thiện các chính sách phúc lợi cho người lao động; + Tuyên truyền CBCNV tham gia hoạt động cộng đồng. 	<p>làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tất cả các nhân viên được đánh giá kết quả công việc, được tạo điều kiện tối đa để phát huy năng lực; + Xây dựng môi trường làm việc gắn bó, cùng học tập và phát triển bền vững. 	<p>chức 95 khóa đào tạo với tổng chi phí trên 770.000 triệu đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chính sách lương dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng, cạnh tranh và hợp lý theo phương pháp 3P (đánh giá theo năng lực, vị trí, hiệu quả công việc).
Xã hội, cộng đồng, địa phương	<ul style="list-style-type: none"> + Chất lượng, mức độ an toàn đối với người sử dụng, tính thân thiện với môi trường của sản phẩm; + Không gây ô nhiễm môi trường, không gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh; + Vấn đề việc làm của người dân địa phương; + Kinh tế địa phương phát triển; + Những đóng góp cho xã hội của công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> + Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp nhận các ý kiến phản hồi về Công ty; + Hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đảm bảo môi trường an toàn, lành mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện giải quyết công ăn việc làm với thu nhập tốt cho số lượng lao động phần lớn là người địa phương, góp phần ổn định trật tự xã hội và đời sống tại địa phương; + Tham gia các hoạt động về môi trường, các hoạt động vì cộng đồng xã hội tại địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng lao động là người địa phương tại Công ty là 556 người (chiếm 81,5%); + Liên tục cải tiến để đạt chất lượng tốt nhất, thân thiện với môi trường, góp phần bảo vệ môi trường bền vững.

Bên liên quan	Mối quan tâm của các bên liên quan	Mục tiêu Vicostone hướng đến	Hành động của Vicostone	Giá trị mang lại
Cơ quan Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> + Tuân thủ các quy định pháp luật nói chung và các quyết định của cơ quan quản lý địa phương nói riêng; + Sự tham gia tích cực của Công ty vào các hoạt động do cơ quan nhà nước tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tham gia hoàn thiện các quy định pháp luật, quy định quản lý Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty; + Xây dựng uy tín Công ty tạo điều kiện trong quá trình hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> + Liên tục cập nhật các Văn bản pháp lý mới có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty; + Tham vấn ý kiến của cơ quan nhà nước về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty; + Tham gia ý kiến đối với các chính sách, quy định của nhà nước; + Tham gia các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, các chương trình của Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> + Góp phần minh bạch hóa thông tin, quảng bá thương hiệu và sản phẩm, dịch vụ tới đông đảo khách hàng thông qua việc cập nhật kịp thời các quy định của pháp luật và hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật; + Đóng góp ngày càng nhiều cho xã hội bằng việc thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với cơ quan nhà nước.
Cơ quan thông tấn báo chí	Cung cấp thông tin nhanh chóng và trung thực cho cơ quan báo chí.	Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí, xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, minh bạch.	<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức họp báo; + Cung cấp thông tin kết quả hoạt động của Công ty một cách chính xác, thường xuyên và kịp thời để đảm bảo tính minh bạch; + Xây dựng và duy trì “văn hóa chia sẻ” để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin công bằng giữa các cơ quan báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> + Góp phần minh bạch hóa thông tin, nâng cao sự nhận biết thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng nói riêng và công chúng nói chung; + Cung cấp những tin tức, bài viết với góc nhìn đa chiều, là một kênh để Công ty thu thập thông tin, nắm bắt thị trường, nhu cầu của khách hàng...

III. Quy tắc ứng xử của vicostone với các bên liên quan

1. Ứng xử với Người lao động

a. **Tôn trọng:** Vicostone coi người lao động là “Nguồn sức mạnh” của Công ty, cam kết nỗ lực hết mình để tạo điều kiện cho mỗi nhân viên phát huy năng lực, kinh nghiệm trong công việc, tạo cơ hội phát triển sự nghiệp, góp phần kiến tạo thành công của mỗi cá nhân.

b. **Chia sẻ thông tin**

- Vicostone khuyến khích chia sẻ các thông tin liên quan tới người lao động trên cơ sở đề cao tinh thần phân biệt và giao tiếp cởi mở; tôn trọng các ý kiến đóng góp của từng cá nhân, không phân biệt cấp bậc, tuổi tác.
- Thông tin cá nhân: Tôn trọng thông tin cá nhân của người lao động và coi đây là một trong những thông tin bảo mật của Công ty. Việc thu thập, xử lý, lưu giữ, sử dụng thông tin cá nhân của người lao động chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết và theo quy định pháp luật.

c. **Cung cấp cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân viên**

- **Công bằng trong việc đánh giá năng lực của nhân viên:** Căn cứ trên năng lực, thái độ, phẩm chất, kết quả làm việc để đánh giá, tuyển dụng, đề bạt, đào tạo, xét lương hoặc kỷ luật.
- **Công bằng trong cung cấp cơ hội đào tạo:** Căn cứ vào yêu cầu công việc của từng vị trí, công ty cung cấp các khóa đào tạo, nâng cao năng lực nhằm tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho mọi CBCNV.
- **Sử dụng hệ thống kiểm soát, phương pháp tiên tiến** để giám sát quy trình làm việc, theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của mỗi CBCNV để đãi ngộ một cách công bằng, bình đẳng.

d. **Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh**

- **Cung cấp điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động trên các khía cạnh:** Không gian làm việc thuận lợi, trang thiết bị đầy đủ, môi trường làm việc bình đẳng, kỷ luật, không khói thuốc, rượu bia,...
- **Đảm bảo sức khỏe cho người lao động:** Tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và sức khỏe cho người lao động.
- **Giải quyết các vụ việc** một cách nhanh nhất, đảm bảo tính công bằng, chính xác và theo quy định của pháp luật.

2. Ứng xử với khách hàng, nhà cung cấp và đối tác kinh doanh

a. **Khách hàng**

- **Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng,** theo tiêu chuẩn quốc tế, chủ động sáng tạo, sử dụng công nghệ khác biệt để phát triển và cải tiến sản phẩm, dịch vụ, tạo nên sản phẩm mới độc đáo, khác biệt.
- **Xây dựng chữ “Tín” trong mối quan hệ với khách hàng:** Kinh doanh công bằng, trung thực dựa trên những ưu điểm của sản phẩm, dịch vụ và nguồn lực; không dung thứ hành vi hối lộ; lắng nghe để hiểu được suy nghĩ, nhu cầu của khách hàng nhằm xây dựng những giá trị mới cho sản phẩm và dịch vụ.
- **Tuân thủ quy định thương mại quốc tế và thông tin cá nhân khách hàng:** Tôn trọng quyền được bảo vệ thông tin cá nhân theo đúng quy định của pháp luật nước sở tại.

b. **Nhà cung cấp và các đối tác kinh doanh**

- **Tôn trọng lợi ích các bên:** Tạo dựng mối quan hệ hai bên cùng có lợi, tôn trọng thông tin bảo mật của các bên và sự cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà cung cấp, đồng thời nghiêm cấm hành vi nhận hối lộ từ nhà cung cấp và đối tác kinh doanh.
- **Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác** về nguyên tắc, quy trình làm việc, nhằm đảm bảo quy trình làm việc thuận lợi, công bằng, cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà cung cấp và đối tác.

3. Ứng xử với cổ đông và nhà đầu tư

- a. *Minh bạch trong cung cấp thông tin:* Vicostone cam kết các báo cáo tài chính và hồ sơ pháp lý cung cấp tới cổ đông và nhà đầu tư có đầy đủ thông tin, chính xác, kịp thời và theo đúng quy định pháp luật.
- a. *Tôn trọng lợi ích các bên, bình đẳng và hợp tác cùng có lợi:* Tôn trọng ý kiến, quyền lợi hay những yêu cầu hợp lý của cổ đông và nhà đầu tư; cam kết mỗi CBCNV làm việc tại Công ty luôn hành động vì mục đích chung, không sử dụng những hỗ trợ của Công ty nhằm tư lợi cá nhân, gây tổn hại tới lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư.
- b. *Chống giao dịch nội gián:* Vicostone đảm bảo bảo vệ các thông tin nội bộ chưa được phép công bố ra ngoài như báo cáo tài chính, thông tin sáp nhập, chuyển nhượng...

4. Ứng xử với Đối thủ cạnh tranh

- a. *Cạnh tranh lành mạnh*, không xâm phạm lợi ích hợp pháp của đối thủ cạnh tranh. Cam kết không thực hiện những hành vi cạnh tranh không lành mạnh như: Thu thập thông tin bí mật của đối thủ cạnh tranh bằng hình thức phi hợp pháp hoặc phi đạo đức, đưa thông tin sai lệch về đối thủ cạnh tranh hay các hành vi cản trở cạnh tranh trên thị trường,...
- b. *Không ký kết những thỏa thuận hay biên bản ghi nhớ* giữa những đối thủ cạnh tranh gây ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường nói chung cũng như khách hàng của Công ty nói riêng.
- c. *Tuân thủ các nguyên tắc, hiệp định, giao thương giữa các bên;* tôn trọng thông tin bảo mật của đối thủ, không thực hiện các biện pháp trả đũa trái quy định của luật cạnh tranh và các công ước quốc tế.
- d. *Không xâm phạm vấn đề bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ* của doanh nghiệp khác. Công ty coi cạnh tranh là động lực để phát triển, quan niệm tôn trọng và học hỏi từ chính đối thủ của mình là một trong những bước đi để thành công.

5. Ứng xử với Cộng đồng, xã hội

- a. *Cam kết thực hiện các trách nhiệm với cộng đồng, xã hội* dựa trên khả năng và thực lực của Công ty, luôn chú trọng và nỗ lực bảo vệ môi trường trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thực hiện cải tiến liên tục và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội bền vững.
- b. *Khuyến khích và ủng hộ CBCNV đưa ra các sáng kiến, cải tiến nhằm cải tạo môi trường* làm việc, bảo vệ môi trường xung quanh, tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động/ phong trào vì cộng đồng xã hội.
- c. *Hỗ trợ phát triển địa phương:* Tích cực tham gia các chương trình của Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, đẩy mạnh các chương trình xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và hỗ trợ các trường học khó khăn trong xã hội, tham gia các chương trình quyên góp và ủng hộ của Chính phủ/ địa phương.
- d. *Hỗ trợ các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường:* Sử dụng năng lượng hiệu quả; phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, tham gia và thực hiện các sáng kiến, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu do các tổ chức trong và ngoài Công ty phát động.

6. Ứng xử với Cơ quan Nhà nước

- a. *Tôn trọng Luật pháp*, cam kết tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định/ bộ luật ban hành của pháp luật như: Luật Cạnh tranh, luật Bảo vệ môi trường, luật Lao động, luật Sở hữu trí tuệ, luật Chứng khoán,...

- b. *Chính trực trong tất cả các mối quan hệ với Cơ quan Nhà nước*, cam kết không thực hiện những hành vi phi pháp, trái đạo đức để thu thập thông tin hoặc che đậy thông tin nhằm mang lại lợi ích riêng cho Công ty.
- c. *Sẵn sàng hỗ trợ, hợp tác điều tra* với các cơ quan chức năng khi cần.

IV. Hoạt động phát triển bền vững nổi bật năm 2018

- TOP 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững trực thuộc VCCI chứng nhận;
- Thương hiệu VICOSTONE® được công nhận là “Thương hiệu Quốc gia 2018”, khẳng định vị thế và uy tín của Vicostone trên thị trường nội địa và quốc tế;
- Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2018, khẳng định sản phẩm VICOSTONE® tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu, quy định về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, có uy tín, thương hiệu trên thị trường cả trong và ngoài nước.
- Cơ sở, công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2018 (5 sao) do Ban Chủ nhiệm Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả chứng nhận.
- Chính thức áp dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời, phục vụ nhu cầu sử dụng cho toàn bộ CBCNV văn phòng và một phần sử dụng cho mục đích sản xuất.
- 9,7%: Tỷ lệ tăng trưởng thu nhập bình quân của người lao động.
- 8,2 tỷ đồng: Tổng số tiền đóng góp cho các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng.

V. Đảm bảo hệ thống quản trị để phát triển bền vững

1. Cơ cấu quản trị để phát triển bền vững

- Tại Vicostone, Hội đồng quản trị giữ vai trò là cơ quan hoạch định chiến lược, định hướng công tác phát triển bền vững và kiểm soát việc thực hiện công tác phát triển bền vững với sự giúp việc của Ủy ban Phát triển bền vững.
- Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo yêu cầu phát triển bền vững.
- Ban An toàn, trưởng các phòng ban và Công đoàn Công ty có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu phát triển bền vững.

2. Tiêu chuẩn và chứng nhận về hệ thống Quản trị

a. Hệ thống tiêu chuẩn HSEQ

- Với mục tiêu đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động, bảo vệ môi trường bền vững, Vicostone đã thiết lập và không ngừng cải tiến hệ thống tiêu chuẩn HSEQ (Sức khỏe – An toàn – Môi trường – Chất lượng). Hệ thống này bao gồm:
 - Hệ thống Quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp OHSAS 18001:2015
 - Hệ thống Trách nhiệm xã hội SA8000: 2014
 - Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015
 - Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015
- Kết hợp với các công nghệ hiện đại trong quá trình sản xuất, Công ty cũng áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm theo các chứng chỉ NSF, GreenGuard, Microbial Resistant.

b. ISO 9001: 2015

Nhằm nâng cao hiệu quả của Hệ thống Quản lý chất lượng, từ năm 2017, Công ty đã thực hiện nâng cấp tài liệu Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 lên phiên bản ISO 9001:2015. Sự nâng cấp này thể hiện khả năng đáp ứng của Vicostone trên 2 điều khoản chủ chốt mới:

Một là, xác định bối cảnh của tổ chức theo từng giai đoạn khác nhau nhằm giúp Vicostone xác định rõ điểm mạnh và điểm yếu trong hệ thống để từ đó xây dựng chính sách phù hợp.

Hai là, nhận diện và kiểm soát rủi ro đã được mở rộng ra khỏi chức năng của Ban Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ, để được triển khai nhất quán và theo chiều rộng tới từng cấp đơn vị.

Tiêu chuẩn áp dụng	Ngày đăng ký đầu tiên	Ngày sửa đổi sau cùng	Ngày hiệu lực	Số chứng nhận	Tổ chức chứng nhận
ISO 9001:2015	05/11/2012	14/09/2018	14/09/2018	FM 692548	BSI

VI. Trách nhiệm với sản phẩm

1. Đảm bảo Chất lượng sản phẩm

Để đảm bảo thực hiện các nội dung của chính sách chất lượng, Công ty đã triển khai các nguyên tắc của Hệ thống Chất lượng xuống từng đơn vị. Công ty tổ chức kiểm soát quá trình bằng thống kê, thực hiện đánh giá giám sát 01 lần/năm bởi đơn vị đánh giá độc lập và tiến hành đánh giá nội bộ sự tuân thủ quy trình, quy định, hướng dẫn với tần suất 01 lần/tháng.

Ngoài việc áp dụng hiệu quả các hệ thống theo tiêu chuẩn ISO trong công tác quản lý, để đảm bảo chất lượng sản phẩm tạo ra phù hợp các yêu cầu của khách hàng, quy định, quy chuẩn trong nước và quốc tế, Vicostone luôn đảm bảo duy trì hệ thống sản xuất và sản phẩm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn như sau:

STT	Nội dung	Thời gian bắt đầu chứng nhận	Hiệu lực	Tổ chức chứng nhận
1	Đánh giá chứng nhận hợp quy sản phẩm Đá ốp lát nhân tạo phù hợp QCVN 16:2014/BXD nhóm sản phẩm gạch, đá ốp lát.	Tái chứng nhận 04/12/2017	03/12/2020	Viện Vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng)
2	Chứng chỉ chứng nhận an toàn thực phẩm-NSF (National Sanitation Foundation) , công nhận sản phẩm của Công ty an toàn để sử dụng trong phòng thí nghiệm, cơ sở y tế và môi trường chuẩn bị thực phẩm.	Năm 2008	Duy trì hàng năm	NSF International (Tổ chức An toàn thực phẩm Hoa Kỳ)
3	Chứng chỉ GEI- Greenguard , công nhận chứng nhận sản phẩm của Công ty an toàn cho môi trường không khí trong nhà, an toàn đối với trẻ em và trường học	Năm 2009	Duy trì hàng năm	Greenguard Environmental Institute (Tổ chức Vật liệu xanh quốc tế)
4	Chứng chỉ CE (EN 15285: 2008 và EN 15286:2013) chứng nhận sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn Châu Âu về kích thước và có khả năng chịu nhiệt, chống thấm nước, chống mài mòn và độ bền uốn đạt tiêu chuẩn.	Năm 2009	Duy trì hàng năm	SGS United Kingdom Ltd (Tổ chức SGS-Vương quốc Anh)

5	Chứng chỉ Microbial Resistant chứng nhận sản phẩm của Công ty là loại vật liệu không bị nhiễm khuẩn, chống vi khuẩn sinh sống trên bề mặt, đảm bảo an toàn cho người sử dụng và môi trường.	Năm 2009	Duy trì hàng năm	Greenguard Environmental Institute (Tổ chức Vật liệu xanh quốc tế)
---	--	----------	------------------	--

Dưới đây là bảng thông số kỹ thuật của sản phẩm đá thạch anh VICOSTONE® được kiểm định theo các tiêu chuẩn quốc tế:

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
Độ hấp thụ nước (% khối lượng)	ASTM C97/C97M-09:2009	≤ 0,05%
	EN 14617-1:2013	≤ 0,06%
Tỷ trọng biểu kiến	ASTM C97/C97M-09:2009	2,2-2,4 g/cm ³
	EN 14617-1:2013	
Độ bền uốn	ASTM C880/C880M-09:2009	> 40 MPa
	EN 14617-2:2008	
Độ ổn kích thước	EN 14617-12:2012	Hạng A
Xác định điện trở suất	EN 14617-13:2013	Điện trở (R _v) = 0,9 x 10 ¹⁴ Ω Điện trở suất (p _v) = 4,88 x 10 ¹⁴ Ωm
Độ bền va đập	ASTM D1709:2015	≥ 3,0 J
	EN 14617-9:2005	
Độ bền nén	ASTM C170/C170M-09:2009	≥ 155 Mpa
	EN 14617-15:2005	
Độ cứng theo thang Mohs	EN101	6,0 – 7,0
Khả năng chịu mài mòn sâu	ASTM C1243:2009	Thể tích bị mài mòn: V ≤ 195 mm ³
	EN 14617-5:2012	
Khả năng chống đông kết và tan chảy	ASTM C1026:2013	Không có thay đổi sau 15 chu kỳ
	EN 14617-5:2012	Không có thay đổi sau 25 chu kỳ
Khả năng chống trơn trượt ở độ nhám 400	DIN 51130:2004	R9 – R10
Khả năng kháng khuẩn	ASTM D 6329:2015	Kháng độ 3: vi khuẩn không phát triển
Khả năng chịu hóa chất, axit	EN 14617-10:2012	Hạng C ₄
Khả năng chịu sốc nhiệt	EN 14617-6:2012	Không quan sát được thay đổi sau 20 chu kỳ
Độ bền khi ngâm trong nước sôi	AS 2924.2-7: 1998 (EQUI. TO ISO 4586.2-8: 1997)	Tác dụng lên bề mặt (mức độ): 5 - (không quan sát được sự thay đổi)
Độ bền khi gia nhiệt khô	AS 2924.2-8: 1998 (EQUI. TO ISO 4586.2-8: 1997)	Tác dụng lên bề mặt (mức độ): 5 - (không quan sát được sự thay đổi)
Độ bền khi nhuộm màu	AS 2924.2-15: 1998 (EQUI. TO ISO 4586.2-15: 1997)	Tác dụng lên bề mặt (mức độ): 5 - (không quan sát được sự thay đổi)

2. Nguồn nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng

Sản phẩm VICOSTONE® chứa 90% cốt liệu thạch anh (một trong những khoáng chất tự nhiên có độ cứng cao nhất). Đây là loại vật liệu hoàn toàn thân thiện với môi trường và an toàn tuyệt đối với sức khỏe con người. Nguồn nguyên liệu đá thạch anh được cung cấp bởi các nhà cung cấp lớn từ Bỉ, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ,... với hệ thống thiết bị hiện đại, đảm bảo loại bỏ tuyệt đối các tạp chất trước khi xuất bán cho Vicostone.

Tổng lượng nguyên vật Vicostone sử dụng để sản xuất trong năm như sau:

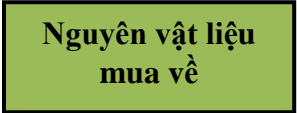
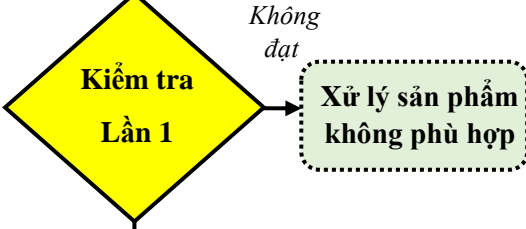
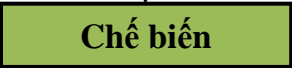
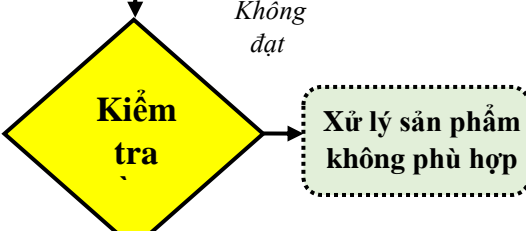

Đơn vị tính: Kg

	2016	2017	2018
Bột màu	278,159	466,433	348,495
Resin	5,380,480	6,710,860	7,937,075
Thạch anh	482,735	498,440	570,000
NVL khác	37,193,434	48,605,400	55,745,150

Quy trình kiểm tra nguyên vật liệu nhập khẩu	Nội dung thực hiện
<pre> graph TD A[Nguyên vật liệu mua về] --> B{Kiểm tra} B -- Không đạt --> C[Xử lý sản phẩm không phù hợp] B -- Đạt --> D[Nhập kho] </pre>	<p>Nguyên vật liệu mua về theo “<i>Quy trình Mua hàng</i>” được Phòng Kinh doanh chuẩn bị đầy đủ các thông tin liên quan và thông báo cho Phòng Vật tư và Phòng Quản lý chất lượng tiến hành kiểm tra.</p>
	<p>Nhân viên KCS-Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, đánh giá 100% nguyên vật liệu mua về theo các hướng dẫn và tiêu chuẩn kiểm tra đã được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt, trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Đạt</i>: Cho nhập kho ▪ <i>Không đạt</i>: Yêu cầu xử lý sản phẩm không phù hợp theo quy định.
	<p>Nguyên vật liệu sau khi được KCS – Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu sẽ được bàn giao cho Phòng Vật tư lưu kho và bảo quản theo tiêu chuẩn, đảm bảo không để xảy ra tình trạng suy giảm chất lượng, số lượng nguyên vật liệu trong quá trình lưu kho chờ sản xuất.</p>

Trong năm 2018, Vicostone tiếp tục thực hiện nội địa hóa một phần nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu nội địa được kiểm soát cẩn thận từ khâu nhập nguyên liệu thô, sơ chế, bảo quản để đảm bảo duy trì chất lượng không thua kém nguyên vật liệu nhập khẩu và giảm tỷ lệ lỗi sản phẩm do nguyên vật liệu.

Nội dung	2014	2015	2016	2017	2018
Khối lượng quartz nhập khẩu (tấn)	65.050	64.423	48.742	65.126	88.550
Khối lượng quartz nhập nội (tấn)	5.972	11.636	24.233	29.582	27.593
Tỷ lệ sản phẩm lỗi do NVL (Số sản phẩm do lỗi NVL/ Tổng số sản phẩm sản xuất)	14,62%	18,3%	3,83%	3,24 %	1,83 %

Quy trình kiểm tra nguyên vật liệu nội địa	Nội dung thực hiện
	<p>Nguyên vật liệu mua về theo “<i>Quy trình Mua hàng</i>” được Phòng Kinh doanh chuẩn bị đầy đủ các thông tin liên quan và thông báo cho Phòng Vật tư và Phòng Quản lý chất lượng tiến hành kiểm tra.</p>
	<p>Nhân viên KCS - Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, đánh giá 100% nguyên vật liệu mua về theo các hướng dẫn và tiêu chuẩn kiểm tra đã được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt (<i>kiểm tra lần 1</i>), trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Đạt</i>: Cho nhập kho ▪ <i>Không đạt</i>: Yêu cầu xử lý sản phẩm không phù hợp theo quy định.
	<p>Nhân viên Xưởng Nghiền sàng thực hiện theo “<i>Quy trình kiểm soát quá trình nghiền sàng</i>” để chế biến nguyên vật liệu thô thành nguyên vật liệu tinh đạt yêu cầu sản xuất sản phẩm.</p>
	<p>Nhân viên PQC – Phòng Quản lý chất lượng thực hiện kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu trong quá trình chế biến.</p> <p>Nhân viên PQC – Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, đánh giá 100% nguyên vật liệu sau khi được chế biến theo các hướng dẫn và tiêu chuẩn kiểm tra (<i>kiểm tra lần 2</i>), trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Đạt</i>: Cho nhập kho ▪ <i>Không đạt</i>: Yêu cầu xử lý sản phẩm không phù hợp theo quy định.
	<p>Nguyên vật liệu sau khi được PQC – Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu sẽ được bàn giao cho Phòng Vật tư lưu kho và bảo quản theo tiêu chuẩn, đảm bảo không để xảy ra tình trạng suy giảm chất lượng, số lượng nguyên vật liệu trong quá trình lưu kho chờ sản xuất.</p>

Hàng năm Vicostone tổ chức đánh giá định kỳ năng lực của các nhà cung cấp nguyên vật liệu thế giới và khu vực để đảm bảo sản phẩm VICOSTONE® luôn tuân thủ các tiêu chuẩn hàng đầu về chất lượng. Trong năm 2018 công ty đã thực hiện đánh giá định kỳ theo kế hoạch các nhà cung cấp chính như: Công ty Cổ phần SXTM & Dịch vụ Rồng bay, Eternal Materials Co. Ltd,...

1. Đáp ứng các yêu cầu kiểm soát sản phẩm

Yêu cầu	Nội dung	Kết quả
1. Kiểm soát trong quá trình sản xuất	Tất cả các công đoạn sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ theo các quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015	100% các công đoạn sản xuất đều được kiểm tra.
2. Thông tin về sản phẩm	Tất cả các thông tin về sản phẩm (kích thước, ngày sản xuất, loại chất lượng, các thông tin phụ,...) đều được thể hiện trên hệ thống tem nhãn và mã vạch của sản phẩm nhằm giúp việc truy gốc sản phẩm được thuận lợi hơn.	100% sản phẩm đều được in tem, mã vạch.
3. Kiểm soát chất lượng sản phẩm	100% sản phẩm đều được kiểm tra chất lượng bề mặt và được phân loại chất lượng	100% các sản phẩm đều có hồ sơ chất lượng để truy xuất khi cần thiết.
4. Kiểm tra tính chất cơ lý	100% các lô sản xuất đều được kiểm tra các tính chất Cơ – Lý – Hóa. Đảm bảo 100 % sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng trước khi tới tay người tiêu dùng	100% mẫu đạt yêu cầu
5. Kiểm tra các tính chất an toàn sử dụng	Các tính chất an toàn cho người sử dụng như tính chống trơn trượt, tính chống cháy, ... đều được kiểm tra định kỳ khi có sản phẩm mới	100% mẫu đạt yêu cầu
6. Kiểm tra các tính chất an toàn môi trường	Hàng năm, Vicostone đều gửi sản phẩm mẫu cho tổ chức GreenGuard để kiểm tra các tiêu chí về phát thải của sản phẩm ra môi trường tại phòng thí nghiệm UL Environment (Mỹ)	100% mẫu đạt yêu cầu
7. Kiểm tra tính chất an toàn thực phẩm	Các tính chất về an toàn thực phẩm như tính phơi nhiễm, hàm lượng kim loại nặng trong NVL, khả năng	100% các yêu cầu được thỏa mãn

	phát triển năm mốc, vi sinh vật đều được tổ chức NSF (Mỹ) kiểm định và đánh giá lại hàng năm	
8. Kiểm soát quá trình đóng hàng	100% container hàng được kiểm soát bởi KCS - Phòng Quản lý chất lượng về chất lượng sản phẩm đóng hàng và quy cách đóng hàng.	100% container đảm bảo quy cách theo đúng các tiêu chuẩn của doanh nghiệp được ưu tiên.
9. Kiểm soát quá trình đóng hàng	100% container hàng được kiểm soát bởi KCS - Phòng Quản lý chất lượng về chất lượng sản phẩm đóng hàng và quy cách đóng hàng.	100% container đảm bảo quy cách theo đúng các tiêu chuẩn của doanh nghiệp được ưu tiên.

2. Bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ

Đăng ký bảo hộ trong nước và ở nước ngoài đối với các tài sản trí tuệ để bảo vệ tính cạnh tranh của doanh nghiệp

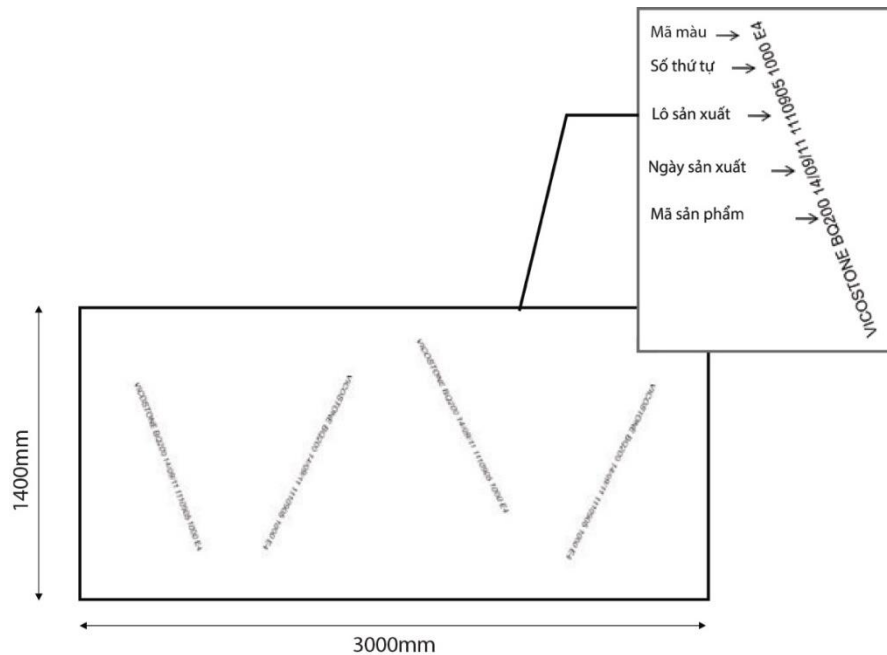
Hiện nay, nhãn hiệu VICOSTONE® đã được đăng ký bảo hộ tại 60 quốc gia (riêng EU có 28 quốc gia) trong đó có các thị trường chủ chốt của Công ty như: Mỹ, Canada, Úc, New Zealand, EU, Argentina

Các biện pháp bảo vệ thương hiệu khác như:

Các sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh VICOSTONE® là sự đúc kết của kiến thức, kinh nghiệm, bí quyết cùng với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ nghiên cứu, phát triển sản phẩm. Trên thực tế, việc đối thủ cạnh tranh sao chép và biến tấu các mẫu đá diễn ra rất phổ biến. Mặc dù pháp luật quốc tế có quy định cụ thể và chặt chẽ về sở hữu trí tuệ, việc khiếu kiện mất rất nhiều thời gian và chi phí. Do vậy, Công ty luôn chú trọng chủ động trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ và thương hiệu của mình. Cụ thể như sau:

- **Công cụ chống hàng giả hàng nhái:** Hiện Công ty đang sử dụng hệ thống mã vạch quản lý toàn bộ thông tin liên quan đến từng sản phẩm (mã số nhận dạng sản phẩm). Mã sản phẩm sẽ được sinh ra bởi máy chủ trung tâm và chuyển thành dạng mã vạch hai chiều rồi gắn lên sản phẩm theo hai phương thức:

- + In lên tem nhãn, sau đó gắn lên sản phẩm: Hệ thống sẽ in sẵn các mã vạch lên trên tem nhãn và các tem nhãn này sẽ được dán lên sản phẩm tương ứng.
- + In trực tiếp lên mặt sau sản phẩm: Tên thương hiệu sản phẩm VICOSTONE® được in ở mặt sau tấm đá cùng thông tin về mã sản phẩm, ngày sản xuất, số hiệu và mã màu nhằm tăng tính nhận diện của thương hiệu đối với người tiêu dùng. Những thông tin này sẽ không bị mất hay làm mờ trong quá trình vận chuyển, chế tác và tồn tại vĩnh viễn cùng sản phẩm.



Thông tin sản phẩm in trực tiếp trên sản phẩm VICOSTONE®

Mỗi sản phẩm đều được dán tem nhãn với mã vạch riêng biệt nhằm đảm bảo việc truy xuất thông tin nhanh chóng và chính xác. Các thông tin này giúp khách hàng đăng ký bảo hành sản phẩm thông qua website của Công ty và xác nhận sản phẩm thật hay giả.

- Sử dụng các biện pháp kỹ thuật

Bên cạnh việc đăng ký bảo hộ, Công ty tăng cường đăng ký, bảo vệ thương hiệu của mình trên môi trường Internet để tránh việc tranh chấp, chiếm quyền sở hữu tên miền, đánh cắp sở hữu trí tuệ... Cụ thể, Công ty đã sử dụng tên miền trùng với nhãn hiệu (<http://vicostone.com/>) và đầu tư cho tên miền của trang web của Công ty tại gần 50 quốc gia trên thế giới. Các thị trường trọng điểm của Vicostone như Bắc Mỹ (USA - vicostoneus.com, Canada - vicostone.ca) và các thị trường khác như châu Âu (vicostone.co.uk, vicostone.fr) đều có đầy đủ thông tin về sản phẩm, thương hiệu, địa điểm mua hàng chính hãng trên website của công ty.

- Các biện pháp khác

+ Công ty tăng cường áp dụng các biện pháp nội bộ quản lý chặt chẽ trong việc bảo vệ bí mật công nghệ, thiết bị máy móc, dây chuyền... như nghiêm cấm sử dụng các thiết bị quay phim, ghi hình tại các khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh, toàn thể cán bộ công nhân viên ký cam kết bảo mật, đảm bảo không làm rò rỉ bất kỳ thông tin, tài liệu bảo mật ra bên ngoài trong suốt quá trình công tác và kể cả khi không còn làm việc tại Công ty.

+ Yêu cầu đối tác cam kết tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu của Công ty: Trong các giao dịch với đối tác nước ngoài, các hợp đồng mua bán, khách hàng đều phải cam kết không vi phạm Quyền Sở hữu Thương hiệu, nếu gây thiệt hại sẽ phải bồi thường theo quy định pháp luật.

Tại thị trường Việt Nam, hiện tại, Vicostone đáp ứng đầy đủ các dịch vụ cho khách hàng, từ đó vẽ, chào giá, lắp đặt, bảo hành, đăng ký bảo hành trên website... đã hạn chế đáng kể khả năng bán hàng giả, hàng nhái thương hiệu đá thạch anh VICOSTONE®.

VII. Trách nhiệm với môi trường

Trong năm 2018, nhờ hiệu quả của các hệ thống quản lý về môi trường, Vicostone không có trường hợp vi phạm về luật pháp và các quy định về môi trường.

Với cam kết “Cải tiến liên tục, sử dụng công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp và an sinh cho người lao động”, Vicostone đã đánh giá và xác định những rủi ro tác động giữa hoạt động của Công ty với môi trường, đồng thời triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để bảo vệ môi trường. .

1. Rủi ro môi trường

Rủi ro môi trường là các yếu tố có thể xảy ra về môi trường gây ảnh hưởng tác động xấu tới môi trường, uy tín của doanh nghiệp.

Các yếu tố rủi ro có thể xảy ra:

- **Hệ thống thiết bị xử lý môi trường không đảm bảo do:**
Hệ thống xử lý bụi, hệ thống hút khí thải, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước tuần hoàn không được duy trì đảm bảo yêu cầu, dẫn tới xả thải các chất thải không đạt tiêu chuẩn ra môi trường, gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh nhà máy, môi trường làm việc trong nhà xưởng.
- **Hoạt động sản xuất phải tạm dừng do việc vận chuyển, xử lý chất thải gặp khó khăn do thiếu bãi chôn lấp, xử lý.**

Khi các vấn đề trên gây ra hậu quả không mong muốn:

- Trước hết là gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người lao động làm việc trong nhà máy, phân xưởng sản xuất, gây ảnh hưởng tới môi trường sinh thái bên ngoài,
- Bị người dân khiếu nại tới cơ quan quản lý Nhà nước và nguy cơ bị cơ quan chức năng Nhà nước phạt hành chính với các vi phạm tương ứng là điều không tránh khỏi, thậm chí bị yêu cầu dừng sản xuất, gây thiệt hại kinh tế.
- Quan trọng nhất là làm giảm uy tín, thương hiệu trên trường quốc tế.

2. Các hoạt động, biện pháp bảo vệ môi trường

2.1 Sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường

- Các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng nguyên liệu từ Bio-resin, một loại nhựa có nguồn gốc thực vật, hoàn toàn thân thiện với môi trường đang dần được đưa vào sử dụng trong sản xuất, thay thế cho resin gốc dầu mỏ;
- Đầu tư lắp đặt hệ thống thông khí và cấp khí tươi cho nhà xưởng nhằm nâng cao chất lượng môi trường làm việc cho người lao động;
- Đầu tư lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên các mái nhà điều hành để giúp giảm bớt nguồn điện năng tiêu thụ từ các loại hình năng lượng khác như thủy điện, nhiệt điện, góp phần bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên. Nguồn điện năng từ dự án này phục vụ nhu cầu sử dụng cho toàn bộ CBCNV văn phòng và một phần sử dụng cho mục đích sản xuất. Dự kiến trong năm 2019 sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống pin năng lượng mặt trời trên toàn bộ các mái nhà xưởng: Nhà máy 1, Nhà máy 2, xưởng Nghiền sàng, các nhà kho và các công trình khác.

2.2 Tăng cường tái chế, tái sử dụng

- Tái sử dụng các nguồn nhiệt thải ra từ dây chuyền để sử dụng vào chính quá trình sản xuất nhằm tối đa hóa hiệu quả việc sử dụng các nguồn năng lượng;
- Sử dụng các nguyên vật liệu tái chế như kính gương phế thải, đá thạch anh tái chế... để sản xuất các vật liệu Composite cao cấp, giảm nhu cầu đối với nguyên vật liệu gốc;
- Bảng số liệu sử dụng các loại vật liệu tái chế trong sản xuất đá nhân tạo VICOSTONE®:

Đơn vị tính: Kg

Loại nguyên vật liệu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Nguyên vật liệu tái chế (Gương + Kính + Sò)	482.735	520.940	570.000

2.3 Tái sử dụng nước thải công nghiệp

Với hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn được đầu tư và vận hành liên tục, nước sử dụng trong quá trình sản xuất được xử lý và tái sử dụng nhiều lần, liên tục.

Trong quá trình mài hoàn thiện sản phẩm cần sử dụng một lượng nước lớn. Nước sau khi sử dụng có lẫn các tạp chất vô cơ (Silic oxit, các oxit kim loại,...) và các tạp chất hữu cơ. Nước được xử lý qua hệ thống lọc Xyclon kết hợp với các hóa chất xử lý để lắng hoàn toàn các tạp chất vô cơ và hữu cơ dưới dạng bùn. Phần nước sau khi lọc được tái sử dụng đưa quay trở lại dây chuyền sản xuất. Phần bùn thải được đưa qua máy ép bùn thành bùn khô, có thể làm nguyên vật liệu không nung hoặc các sản phẩm khác có giá trị sử dụng, thân thiện môi trường.

Với quy trình công nghệ và thiết bị xử lý nước như trên, toàn bộ lượng nước thải công nghiệp sau khi xử lý đều được tuần hoàn và tái sử dụng lại, không phát thải ra môi trường.

2.4 Tái sử dụng chất thải rắn

Xác định nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng yếu trong quá trình phát triển bền vững tại Vicostone, những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học tại Công ty luôn được đặc biệt quan tâm và đầu tư. Công tác nghiên cứu không chỉ phục vụ hoạt động sản xuất như: tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu thay thế, các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm... mà còn tập trung vào các nhiệm vụ mang tính chiến lược của Công ty và Tập đoàn như: cải tiến quá trình sản xuất để “Xanh – Sạch – Bền vững” hay các đề tài nghiên cứu khoa học mang tính đột phá giải mã công nghệ, tìm ra các bí quyết mới.

Tạo ra sản phẩm cao cấp nhưng phải thân thiện môi trường là điểm khác biệt mà Vicostone hướng tới. Trong những năm qua, Công ty rất chú trọng đầu tư nghiên cứu các giải pháp để hạn chế tối đa sự tác động đến môi trường, trong đó có việc tái sử dụng chất thải rắn trong quá trình sản xuất thành các sản phẩm, vật liệu thân thiện môi trường. Từ mục tiêu đó, Công ty đã mở ra nhiều dự án nghiên cứu khoa học, trong đó có cả đề tài nghiên cứu trọng điểm của năm 2018:

“Nghiên cứu tái sử dụng bột đá thải trong sản xuất đá nhân tạo để sản xuất các loại vữa khô trộn sẵn gốc xi măng (keo lát nền, vữa xây, vữa ốp tường ...)”

Keo lát nền trộn sẵn gốc xi măng không phải là vật liệu mới vì hiện nay, trên thị trường đã có nhiều sản phẩm vữa khô trộn sẵn được sản xuất và bán thương mại với nguyên vật liệu chính của vật liệu này là xi măng, cát và một số phụ gia polymer khác. Tuy nhiên, sự khác biệt của đề tài là tái sử dụng phế phẩm từ quá trình sản xuất chính để đưa vào sản xuất keo lát nền – một loại vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, có chất lượng đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN7899-1:2008 để ứng dụng trong thi công lát nền các loại gạch đá ốp lát cao cấp. Đặc biệt, sản phẩm keo dán gạch đá ốp lát này đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu kỹ thuật để sử dụng trong ốp lát đá

nhân tạo bao gồm cả loại vật liệu có sử dụng chất kết dính hữu cơ, vốn là loại vật liệu không thể sử dụng vữa xi măng để gắn kết và lát nền.

Sản phẩm của dự án đã được áp dụng vào các công trình xây dựng của Công ty như nhà điều hành, nhà chung cư 21 tầng, công trình tôn giáo ở Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc) và một số công trình dân dụng với tổng số 400 tấn keo được sản xuất ra.

“Nghiên cứu xử lý bột đá thải để sản xuất gạch không nung theo công nghệ Geopolymer”

Với định hướng từ chính sách của Nhà nước hướng đến an toàn môi trường, bắt buộc các công trình xây dựng sử dụng 70% gạch không nung; do vậy nhu cầu về gạch không nung của ngành xây dựng rất lớn. Năm 2020, dự kiến tổng sản lượng gạch sử dụng trong xây dựng khoảng 30 tỷ viên, gạch không nung chiếm 40% tổng sản lượng gạch sử dụng tại Việt Nam. Theo số liệu năm 2016, tổng công suất thiết kế của các nhà máy sản xuất gạch không nung tại Việt Nam mới đạt khoảng 7 tỷ viên. Do đó, hướng nghiên cứu tái sử dụng bột đá thải để tạo ra các sản phẩm gạch không nung là rất cần thiết và đúng xu hướng.

Gạch không nung không phải là vật liệu mới vì hiện nay, trên thị trường đã có nhiều sản phẩm gạch không nung được sản xuất và bán thương mại với chất kết dính của vật liệu này là xi măng. Tuy nhiên, sự khác biệt của đề tài là tái sử dụng phế phẩm từ quá trình sản xuất chính để đưa vào sản xuất gạch không nung theo công nghệ Geopolymer – một loại chất kết dính mới, sản phẩm gạch không nung có chất lượng đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN 6477:2016 để ứng dụng trong các công trình xây dựng.

Năm 2018, đã tìm được phối liệu và quy trình công nghệ phù hợp và triển khai sản xuất thử thành công trên thiết bị sản xuất gạch không nung theo công nghệ Geopolymer – Một công nghệ rất mới trên thế giới và Việt Nam hiện nay. Dự kiến, năm 2019 sẽ triển khai sản xuất với số lượng lớn để ứng dụng vào các công trình nội bộ trong tập đoàn và hướng đến thương mại hóa sản phẩm.

“Nghiên cứu tinh chế bột đá thải thành SiO₂ tinh khiết ứng dụng vào sản xuất đá hoặc các vật liệu liệu khác”

Từ nhiều hướng nghiên cứu khác nhau đã tạo ra một số sản phẩm có giá trị sử dụng cao từ bột đá thải. Đề tài tinh chế bột đá thải thành SiO₂ tinh khiết nhằm tạo ra sự khác biệt rất lớn khi biến một chất thải thành một vật liệu cao cấp. Kết quả nghiên cứu đã tìm được quy trình công nghệ tinh chế ra bột Silica từ bột đá thải.

Ứng dụng của silica là rất rộng và các sản phẩm khác nhau có những cách sử dụng khác nhau. Silica là một loại nguyên liệu dùng trong sản xuất cao su tổng hợp, được sử dụng làm chất làm đặc hoặc chất làm đặc, dầu tổng hợp, chất dính cách điện. Silica trong công nghiệp sản xuất lốp xe ô tô, giày dép có thể tăng cường độ kéo và độ giãn nở của sản phẩm, khả năng chống mài mòn tốt, giảm được chi phí sản xuất. Ngoài ra, silica có thể ứng dụng làm chất điền đầy trong nhựa silicone. Silica sử dụng như là một thành phần bề mặt cho chất độn và giấy trong ngành công nghiệp giấy thế giới đạt 1.72 tỷ USD vào năm 2016, dự kiến đạt 3,69 tỷ USD vào năm 2022, theo một báo cáo mới của Grand View Research, Inc. Thị trường dự kiến sẽ tăng trưởng đáng kể nhờ sử dụng silica rộng rãi trong ngành cao su, kem đánh răng và công nghiệp thực phẩm. Nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm cao su dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng Silica. Cao su được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực ô tô, xây dựng, công nghiệp và hàng tiêu dùng. Châu Á Thái Bình Dương là thị trường lớn nhất trong năm 2016, chiếm hơn 45% tổng mức tiêu thụ.

Với sự đa dạng về ứng dụng, nhu cầu sử dụng của thị trường rất lớn, việc tổng hợp lên Silica để cung cấp cho các ngành là hoàn toàn khả thi.

Với mục tiêu tìm ra quy trình công nghệ tinh chế bột Silica từ bột đá thải, Công ty muốn khẳng định khả năng tái sử dụng chất thải từ quá trình sản xuất đá nhân tạo là hoàn toàn khả thi và có tính ứng dụng cao. Dự kiến trong năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai nghiên cứu nhằm thử nghiệm tinh chế với quy mô lớn hơn.

2.5 Quản lý năng lượng hiệu quả

a. Năng lượng Điện

Trong năm 2018, Công ty đã triển khai hàng loạt biện pháp sử dụng năng lượng có hiệu quả vào trong sản xuất, cải tiến thiết bị như:

- + Tiếp tục thay thế 1 phần hệ thống chiếu sáng Halozen bằng bóng đèn Led ở các kho và khu vực xưởng Phòng Kỹ thuật; Sử dụng và vận hành các máy nén khí nhỏ hỗ trợ cho các máy nén khí lớn nhằm giảm thời gian hoạt động của các máy có công suất lớn. Đặc biệt đầu năm 2018, hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới được đưa vào sử dụng với công suất lắp đặt là 148.6kWp.

Sau 1 năm sử dụng lượng điện tạo ra từ hệ thống là 305.449.861 kWh. Hiện tại với công suất này trung bình 1 tháng hệ thống sẽ đáp ứng được 75 - 85% công suất sử dụng điện của tòa nhà văn phòng.

- + Lắp thêm các máy nén khí có công suất nhỏ để giảm thời gian hoạt động của máy nén khí có công suất lớn hơn. Qua quá trình theo dõi kiểm tra thực tế năm 2017 lượng điện năng tiêu thụ của hệ thống máy nén khí trung bình tháng là 195.650kWh so với sản lượng 195.811 m², năm 2018, lượng điện năng tiêu thụ của máy nén khí trung bình tháng là 202.750 kWh so với sản lượng 240.811 m², tính toán thực tế về lượng điện tiêu thụ tiết kiệm được 9,5%.
- + Bắt đầu từ năm 2017, Công ty điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, tăng tỷ lệ các dòng sản phẩm độ dẻo, khác biệt dẫn đến lượng điện tiêu thụ trung bình tăng. Tuy nhiên Công ty vẫn áp dụng các biện pháp để mức năng lượng sử dụng vẫn được duy trì tốt, hầu như không tăng, tính trên đơn vị 1m² sản phẩm.

Bảng số liệu hình hình tiêu thụ điện từ năm 2014 – 2018 tại Công ty như sau:

Năm	Lượng điện tiêu thụ (KWh)	M ² rung ép	Lượng điện tiêu thụ TB (KW/m ² sản phẩm rung ép)
Năm 2014	12.963.852	864.395	15
Năm 2015	13.109.274	877.949	14,93
Năm 2016	11.290.872	666.352	16,94
Năm 2017	12.867.154	801.413	16,06
Năm 2018	15.328.100	928.830	16,50

b. Năng lượng Gas

- Gas được dùng tại hai vị trí: Đốt nâng nhiệt dầu sử dụng dưỡng hộ đá sau rung ép và nhà ăn ca.
- Đối với lĩnh vực dưỡng hộ đá: Lò đốt đang sử dụng là loại có hiệu suất cao, được điều chỉnh theo nhiệt độ và áp suất dầu bị đốt tự động. Các đường ống dẫn dầu nóng được bảo ôn rất tốt, đảm bảo không truyền nhiệt ra ngoài.

- Để tiết kiệm gas trong các hoạt động sản xuất, Công ty đã duy trì các giải pháp tiết kiệm có hiệu quả tại các nhà máy, cụ thể như sau:
- + Thực hiện tốt công tác 5S trong quá trình sử dụng thiết bị, duy trì tình trạng hoạt động tốt nhất của hệ thống.
- + Duy trì công tác bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị đảm bảo hiệu suất sử dụng tốt nhất.
- + Đồng bộ hoạt động cao nhất với các hệ thống khác đảm bảo không có hiện tượng đốt lò gas mà không sử dụng dưỡng hộ đá.
- Hiện tại các dòng sản phẩm khó vẫn được sản xuất liên tục nhưng Công ty đã có các biện pháp đồng bộ được triển khai nên lượng gas tiêu thụ của 2018 giảm hơn so với 2017. Hệ thống bình nước nóng Thái dương năng cung cấp nước nóng cho nhà ăn ca vẫn đang được áp dụng rất tốt để giảm tối thiểu lượng gas khi sử dụng.

Bảng số liệu tình hình sử dụng lượng Gas từ năm 2014 – 2018 tại Công ty như sau:

Năm	Lượng Gas tiêu thụ (Kg)	m ² sản phẩm nhập kho	Lượng Gas tiêu thụ TB (Kg/m ² sản phẩm nhập kho)
Năm 2014	193.920	848.578	0,23
Năm 2015	182.324	897.075	0,20
Năm 2016	160.262	639.027	0,25
Năm 2017	184.339	787.199	0,23
Năm 2018	209.573	937.889	0.22

c. Dầu Diesel

- Dầu Diesel sử dụng chủ yếu trong vận chuyển nâng hạ phục vụ sản xuất, thiết bị chủ yếu là xe nâng. Ngoài ra còn sử dụng trong sửa chữa thiết bị và chạy máy phát dự phòng khi mất điện lưới.
- Các biện pháp sử dụng tiết kiệm hiệu quả:
 - + Nâng cao công tác bảo dưỡng, bảo trì xe nâng, giảm suất tiêu hao nhiên liệu;
 - + Tối ưu hóa việc sắp xếp, giảm khối lượng vận chuyển;
 - + Kỹ sư chuyên ngành thường xuyên kiểm tra giám sát và quản lý xe di chuyển nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật xe tốt;
 - + Đào tạo nâng cao trình độ vận hành, ý thức của lái xe trong tiết kiệm dầu Diesel;
 - + Sử dụng định mức giờ xe chạy trong từng công đoạn sản xuất sản phẩm;
 - + Nâng cao chất lượng bảo dưỡng sửa chữa xe di chuyển nâng hạ, thực hiện công tác 5S trong lĩnh vực này.
 - + Công ty đang dần áp dụng công nghệ mới: đưa các thiết bị luân chuyển vào dây chuyền sản xuất để giảm tối thiểu sử dụng xe nâng hàng.

Tình hình sử dụng năng lượng dầu diesel từ năm 2014 – 2018 tại Công ty như sau:

Năm	Lượng Diesel tiêu thụ (Lít)	m² sản phẩm nhập kho	Lượng dầu Diesel tiêu thụ TB (Lít/m² sản phẩm nhập kho)
Năm 2014	130.933	872.887	0,15
Năm 2015	136.915	897.075	0,15
Năm 2016	109.150	639.027	0,17
Năm 2017	110.243	787.199	0,14
Năm 2018	116.379	937.889	0,12

d. Sử dụng nguồn nước hiệu quả

Nước phục vụ trong sản xuất được tuần hoàn bằng hệ thống xử lý nước tuần hoàn khép kín, đảm bảo 100% lượng nước phát sinh trong sản xuất được xử lý quay trở lại dây chuyền, không phát thải ra môi trường. Phương pháp này giúp tiết kiệm tài nguyên nước sử dụng trong sản xuất và không gây tác động đến môi trường.

Mặc dù từ năm 2017, cơ cấu sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm cao cấp, khó mài, tốc độ mài đạt sản phẩm còn 70% - 75% so với sản phẩm thông thường nhưng bằng các biện pháp kiểm soát, lượng nước tiêu hao tăng không đáng kể. Nước thải phát sinh từ quá trình mài được xử lý bởi hệ thống Silo. Cặn bùn phát sinh từ quá trình xử lý nước tuần hoàn khép kín được giải quyết bởi đặt hệ thống ép bùn. Bùn từ trạng thái lỏng được ép khô, chuyển sang trạng thái rắn, lưu giữ tạm thời trong khoang chứa có mái che trong thời gian chờ vận chuyển và xử lý cuối.

Hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn nước sạch do Công ty TNHH Đầu tư nước sạch Đồng Tiên Thành cấp từ nhà máy nước Sông Đà dùng cho các mục đích sản xuất và sinh hoạt.

Tình hình sử dụng nguồn nước từ năm 2014 – 2018 tại Công ty như sau:

Năm	Lượng nước tiêu thụ (m³)	m² mài	Lượng nước tiêu thụ TB (m³/1m² sản phẩm mài)
Năm 2014	48.759	999.056	0,049
Năm 2015	41.239	1.083.183	0,038
Năm 2016	27.521	861.208	0,032
Năm 2017	28.684	813.706	0,035
Năm 2018	41.636	940.086	0,045

e. Hệ thống quản lý nước thải, khí thải, bụi và chất thải

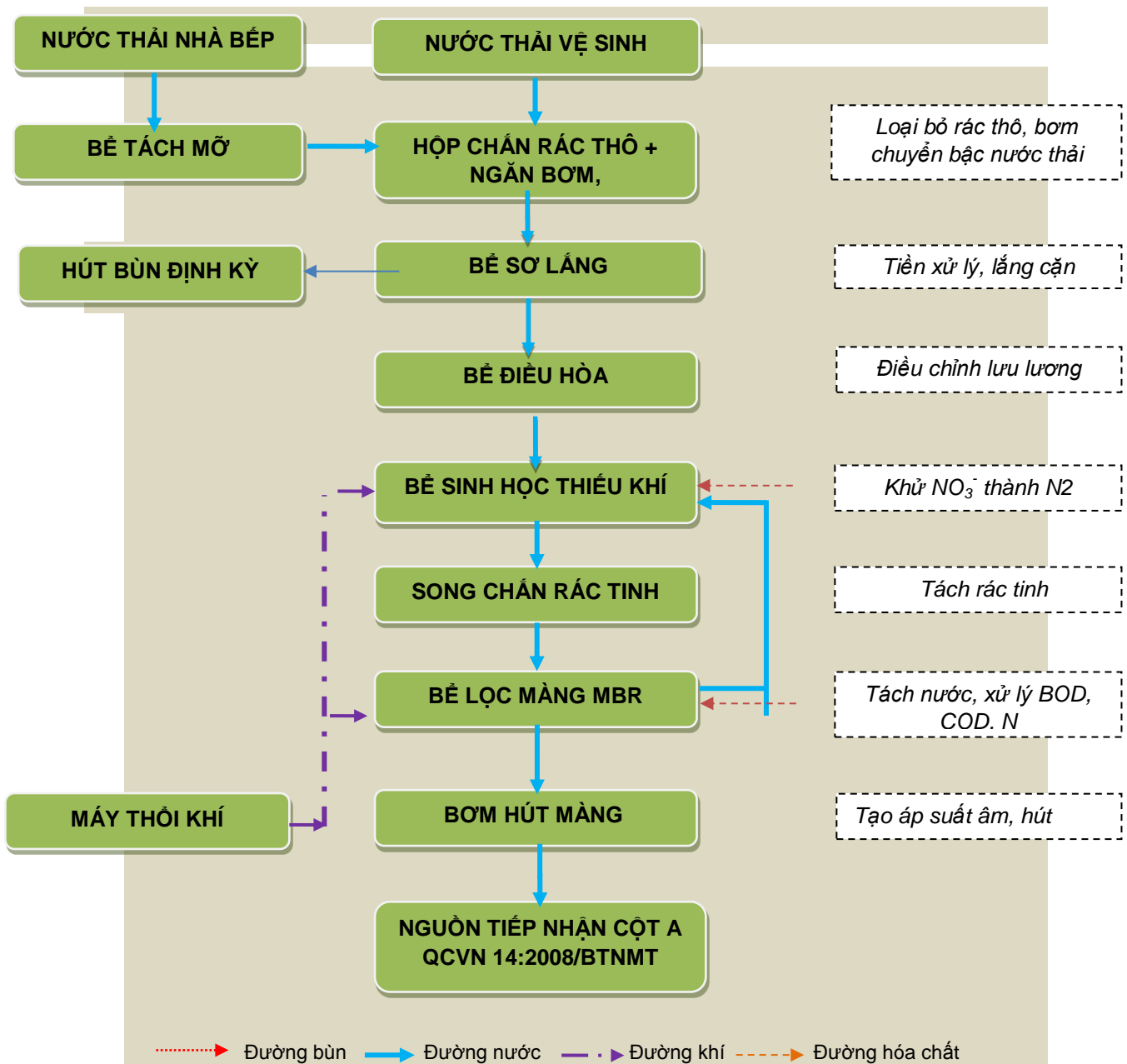
Quản lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của Công ty được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải hiện đại nhất hiện nay với công nghệ AAO kết hợp lọc màng MBR. Chất lượng nước sau xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, là quy chuẩn cao nhất đối với nước thải sinh hoạt hiện hành tại Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu thực tế, từ năm 2017, Công ty đã đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, với công suất tổng từ 90m³/ngày đêm lên 115m³/ngày đêm.

Bảng kết quả phân tích chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý năm 2018

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả Quý I	Kết quả Quý II	Kết quả Quý III	Kết quả Quý IV	QCVN 14:2008 /BTNMT	QCVN 40/2011 /BTNMT
							Cột A	Cột B
1	pH	-	6,5	7,2	7,3	6,82	5 - 9	6 – 9
2	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/l	95	49,8	34,6	44,2	-	150
3	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD ₅)	mg/l	21,5	17,4	16,2	13,6	30	50
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	24	11,7	10,5	15	50	100
5	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	310	350	360	320	500	-
6	Sắt (Fe)	mg/l	0,192	0,09	0,121	<0,05	-	5
7	Thủy ngân (Hg)	mg/l	<0,0003	<0,0003	<0,0003	<0,0003	-	0,01
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	-	0,1
9	Asen (As)	mg/l	<0,0005	<0,0005	<0,0005	<0,0005	-	0,1
10	Chì (Pb)	mg/l	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	-	0,5
11	Coliform	MPN/100ml	900	1300	2100	350	3000	5000
12	Sunfua tính theo H ₂ S	mg/l	0,172	0,198	0,447	0,21	1.0	-
13	Amonia tính theo N (NH ₃)	mg/l	2,53	3,85	4,5	3,82	5	10
14	Nitrat tính theo N (NO ₃ ⁻)	mg/l	29,6	25,6	3,12	22,6	30	-
15	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	0,86	0,9	4,34	1,34	10	-
16	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,25	0,87	1,69	0,76	5	-
17	Phốt phát tính theo P (PO ₄ ³⁻)	mg/l	5,42	4,47	5,07	4,94	6	-

Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Vicostone đang sử dụng được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt

Quản lý khí thải

Duy trì hệ thống xử lý khí thải, toàn bộ các vị trí phát sinh mùi hay khí thải đều được lắp đầu hút, khí thải được hút về và lọc qua các tấm màng lọc than hoạt tính trước khi thải ra ngoài không khí. Khí thải ở đầu ra hệ thống xử lý đáp ứng tiêu chuẩn QCVN 20:2009 – yêu cầu về khí thải công nghiệp đối với một số khí hữu cơ.

Định kỳ 6 tháng, Công ty thuê đơn vị đủ năng lực thực hiện quan trắc, đánh giá chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý để đảm bảo và duy trì hiệu quả của hệ thống;

Bảng kết quả đánh giá chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý Nhà máy 1

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả Tháng 04/2018	Kết quả Tháng 10/2018	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT Nồng độ tối đa
Khí thải sau hệ thống xử lý bụi						
1	Bụi Tổng	mg/Nm ³	23,7	25,7	200	-
2	CO	mg/Nm ³	<20	<20	1000	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	<3,4	<3,4	500	-
4	NO ₂	mg/Nm ³	<5	<5	850	-
Khí thải sau hệ thống hút mùi						
1	Axeon	mg/Nm ³	6,785	7,43	-	-
2	Styren	mg/Nm ³	4,12	5,12	-	100

Bảng kết quả đánh giá chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý Nhà máy 2

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả Tháng 04/2018	Kết quả Tháng 10/2018	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT Nồng độ tối đa
Khí thải sau hệ thống xử lý bụi						
1	Bụi Tổng	mg/Nm ³	34,7	27,8	200	-
2	CO	mg/Nm ³	<20	<20	1000	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	<3,4	<3,4	500	-
4	NO ₂	mg/Nm ³	<5	<5	850	-
Khí thải sau hệ thống hút mùi						
1	Axeon	mg/Nm ³	6,45	7,12	-	-
2	Styren	mg/Nm ³	1,33	1,54	-	100

Quản lý bụi

Duy trì và cải tiến hệ thống lọc bụi sử dụng túi vải lọc Polyester chịu nước, chịu dầu, toàn bộ các vị trí phát sinh bụi đều được lắp đầu hút, đưa về hệ thống xử lý. Khí thải vô cơ ở đầu ra hệ thống xử lý bụi đáp ứng tiêu chuẩn QCVN 19:2009 – yêu cầu về khí thải công nghiệp đối với bụi và khí vô cơ.

Quản lý chất thải

Công ty không có hệ thống xử lý chất thải nội bộ đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên, Công ty đã quy hoạch, xây dựng kho lưu giữ tạm thời chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, đảm bảo các tiêu chuẩn, yêu cầu của pháp luật đối với kho chứa chất thải. Trang bị kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, đảm bảo các tiêu chuẩn đối với kho chứa chất thải nguy hại.

Để xử lý theo đúng quy định của Nhà nước đối với chất thải nguy hại đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường, công tác phân loại chất thải được thực hiện từ nguồn phát sinh, hợp đồng với các đơn vị đủ năng lực xử lý theo yêu cầu của pháp luật. Trong năm 2018, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng số 629/2017/HĐCN/URENCO11-VICOSTONE ngày 24/11/2017 với Công ty cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11, là đơn vị có giấy phép xử lý đối với chất thải nguy hại, để xử lý theo đúng yêu cầu của pháp luật. Chất thải công nghiệp thông thường, Vicostone ký hợp đồng số 000261/HĐ/XLCT ngày 31/08/2016 với Công ty cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Hà Nội để vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất;

Ngoài ra, Công ty đã tìm kiếm được đơn vị có khả năng xử lý một số loại chất thải làm nhiên liệu đầu vào của nhà máy nhiệt điện.

2.6 Hoạt động cải thiện môi trường

Chương trình Kaizen - 5S đã tạo nên đột phá và tạo ra một môi trường làm việc xanh, sạch, hiệu quả trong toàn Công ty. Ngoài ra, Công ty còn triển khai chương trình bảo vệ môi trường “**Vicostone – Môi trường xanh, sống trong lành**” nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của mỗi CBCNV trong Công ty, tuân thủ các tiêu chuẩn, hạn chế rác thải, tự giác nhặt rác, phân loại rác và đổ rác đúng nơi quy định. Mỗi CBCNV Vicostone là một người thực hiện và giám sát bảo vệ môi trường.

- Số ý tưởng về Kaizen năm 2018 được chấp nhận: 850 sáng kiến
- Số ý tưởng thực hiện hoàn thành: 613 sáng kiến
- Giá trị làm lợi: 4,91 tỷ đồng

Công ty luôn quan tâm và khuyến khích phát triển công tác sáng kiến, cải tiến và giải pháp hữu ích áp dụng trong sản xuất. Một số sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tiêu biểu năm 2018 đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm nhiên liệu, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh và là nền tảng đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp như: Thiết kế và đưa vào sử dụng hệ thống lô thứ cấp trước máy Rung ép để triệt tiêu 100% lỗi thiếu liệu ở tấm đá; Thiết kế và đưa vào sử dụng hệ thống ép liệu sơ bộ trước tạo hình đối với các sản phẩm đặc biệt giúp tăng năng suất 30% - 40% so với trước đây.

VIII. Trách nhiệm với cộng đồng

1. Việc làm cho người lao động địa phương

Vicostone quan tâm đến việc thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội qua việc cung cấp công ăn việc làm với thu nhập tốt cho phần lớn lao động là người địa phương, góp phần ổn định trật tự xã hội và đời sống tại địa phương.

Năm 2018, số lượng lao động là người địa phương tại Công ty là 556 người (chiếm 81,5%).

2. Hoạt động từ thiện, nhân đạo

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, Công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hóa của Vicostone. Với tinh thần đó, các hoạt động trên đã được Công ty thực hiện hoàn toàn tự nguyện bằng ý thức thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Trong năm 2018, Vicostone đã tham gia tích cực vào các hoạt động từ thiện, xã hội với tổng số tiền chi cho công tác từ thiện - xã hội đạt trên **8,2 tỷ đồng**.

Danh sách những hoạt động tiêu biểu như:

- Xuân ấm biên cương 2019: 100.000.000 đồng
- Hỗ trợ hộ nghèo và gia đình chính sách: 70.000.000 đồng
- Tài trợ giáo dục trường Mỹ Tho (Nam Định): 200.000.000 đồng
- Tài trợ giáo dục trường Yên Nghĩa (Hà Đông, Hà Nội): 30.000.000 đồng
- Hoạt động tài trợ làm nhà văn hóa thôn Trại Đường (Nam Định): 365.471.821 đồng
- Hoạt động tài trợ làm hạ tầng thôn Trại Đường (Nam Định): 298.458.424 đồng
- Hoạt động tài trợ sửa chữa chùa Tây Thiên (Vĩnh Phúc): 4.245.240.613 đồng
- Công tác hoạt động cho nhà trẻ Vicostone: 1.724.396.871 đồng
- Công tác xã hội, từ thiện khác: 1.153.534.782 đồng

IX. Phát triển nguồn nhân lực bền vững

Vicostone hiện có nguồn nhân lực gồm 682 Cán bộ công nhân viên, trong đó 95% là nhân sự dưới 45 tuổi, được đào tạo, có kinh nghiệm và năng lực làm việc. Đây là một trong những tài sản vô giá của Công ty, đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo dựng uy tín, đảm bảo sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận và mang lại giá trị cho doanh nghiệp. Do vậy, Ban lãnh đạo Vicostone luôn chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao có năng lực, kỹ năng và sự gắn kết với công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Điều này được thể hiện qua hệ thống chính sách tuyển dụng, đào tạo, hệ thống đánh giá năng lực, đánh giá thành tích, lương thưởng đãi ngộ, các chế độ phúc lợi đa dạng và các chương trình tạo dựng môi trường làm việc gắn kết người lao động.

1. Phát triển nguồn nhân lực bền vững

1.1 Chính sách tuyển dụng

Nguồn nhân lực có chất lượng chính là tiền đề cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Vicostone luôn chú trọng đến công tác tìm kiếm và thu hút nhân tài. Nguyên tắc tuyển dụng của Công ty là lựa chọn ứng viên đáp ứng yêu cầu về khả năng, kinh nghiệm, phù hợp với môi trường, văn hóa doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng tôn trọng sự khác biệt, đột phá và cá tính cá nhân.

Trong quá trình tuyển dụng, Vicostone luôn tôn trọng tính minh bạch và công bằng. Bên cạnh đó, để phát huy tối đa năng lực của nguồn nhân sự hiện có, Công ty ưu tiên việc tuyển dụng nội bộ Công ty, trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp và đáp ứng năng lực.

Song song với việc thực hiện công tác tuyển dụng nguồn nhân sự để phục vụ sản xuất kinh doanh, Vicostone đang phối hợp với Ban Nhân lực Tập đoàn Phenikaa triển khai dự án Xây dựng thương hiệu Nhà tuyển dụng đối với Thương hiệu tuyển dụng Vicostone.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt, các đơn vị lập kế hoạch số lượng nhân sự bao gồm dự kiến số lượng nhân sự sẽ tuyển dụng trong năm và kế hoạch tuyển dụng cụ thể trong từng tháng. Việc tuyển dụng trong năm của Công ty được triển khai theo kế hoạch đã được phê duyệt từ đầu năm và có thể điều chỉnh để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như tình hình của thị trường lao động.

Trong năm 2018, Vicostone đã tuyển dụng 93 CBCNV mới, trong đó tỷ lệ nhân sự tiếp nhận mới là 81,7% và tỷ lệ điều chuyển nhân sự trong nội bộ Tập đoàn Phenikaa chiếm 18,3%.

1.2 Chính sách đào tạo

Coi con người là trung tâm của sự phát triển, Vicostone luôn tạo điều kiện để mỗi nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực và thế mạnh trong công việc, tạo cơ hội phát triển sự nghiệp, góp phần kiến tạo thành công của mỗi cá nhân.

Tại Vicostone, công tác đào tạo được thực hiện dựa trên nhu cầu đào tạo thực tế của từng cá nhân, đơn vị. Dựa trên hệ thống từ điển năng lực và khung năng lực đã xây dựng, định kỳ hàng năm, đội ngũ CBQL thực hiện đánh giá năng lực của CBCNV đơn vị mình. Từ việc đánh giá năng lực thực tế, so sánh với chuẩn năng lực vị trí, các đơn vị sẽ tìm ra được khoảng cách (GAP) giữa chuẩn năng lực và năng lực thực tế. Đây là cơ sở đề xuất các chương trình đào tạo phù hợp nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CBCNV, đảm bảo nguồn nhân lực có đủ năng lực và kỹ năng để thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Năm 2018, Công ty ban hành “Quy chế đào tạo và phát triển” có sửa đổi bổ sung, quy định rõ ràng và cụ thể hơn về chính sách đào tạo, khuyến khích người lao động tham gia đào tạo nâng cao chuyên môn, kỹ năng và áp dụng các kiến thức đã học được vào trong công việc. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chú trọng nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực chủ chốt, đặc biệt là những nhóm năng lực và công việc tạo ra giá trị cốt lõi cho Công ty.

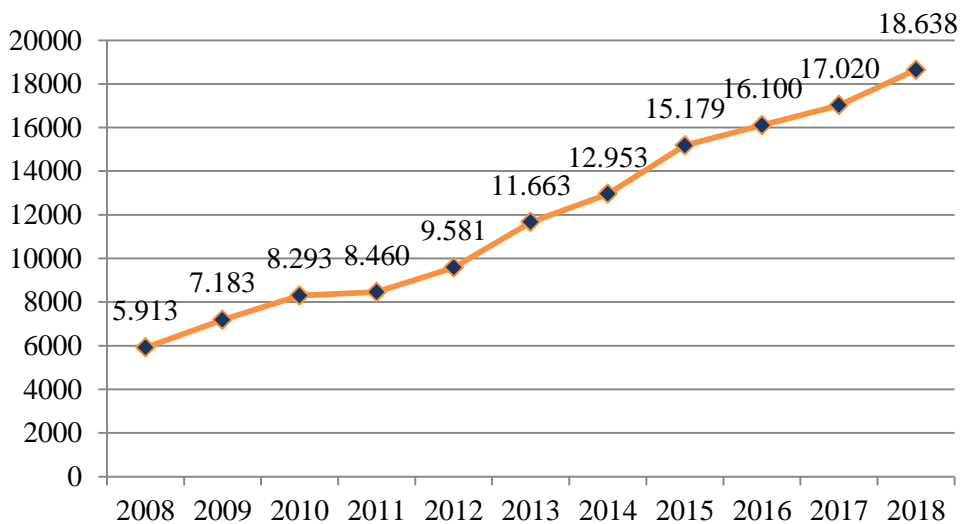
Bên cạnh các chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho từng đối tượng cụ thể, năm 2018, Công ty đã triển khai chương trình đào tạo kỹ năng giao tiếp cho đối tượng là toàn bộ Kỹ sư, cử nhân và Công nhân trực tiếp sản xuất. Nội dung đào tạo tập trung vào các nhóm kỹ năng mềm: kỹ năng giao tiếp và quản trị cảm xúc, kỹ năng quản lý khối lượng công việc, quản lý thời gian, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm..... Sau khóa học, Công ty đã nhận được nhiều phản hồi từ phía người lao động về sự thay đổi tích cực của bản thân sau khi tham gia khóa học và sự ghi nhận của các Cán bộ quản lý về sự tiến bộ của CBCNV đơn vị trong giao tiếp hay trao đổi công việc hàng ngày.

Trong công tác đào tạo, Vicostone ưu tiên các nhóm năng lực và nhân sự cốt lõi. Ngoài các khóa đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, công ty liên tục tổ chức khoá đào tạo kỹ năng cho nhân viên và công nhân sản xuất trực tiếp để hướng đến một Công ty sản xuất chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại.

Trong năm 2018 Công ty đã tổ chức 95 khóa đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. Tổng số giờ đào tạo của toàn bộ CBCNV Công ty trong năm là hơn 10.000 giờ đào tạo với 4.559 lượt người tham gia đào tạo, tổng chi phí đào tạo thuê ngoài của Công ty năm 2018 trên 770 triệu đồng.

1.3 Chính sách lương, thưởng

Vicostone luôn khuyến khích người lao động gắn kết lâu dài với Công ty, nâng cao năng suất lao động, thu hút và duy trì nguồn nhân lực trình độ cao, tay nghề giỏi. Năm 2018, thu nhập bình quân của người lao động tăng hơn 9% so với năm 2017, đạt mức trên 18,6 triệu đồng/tháng/người.



Thu nhập bình quân 2008-2018 (ĐVT: Nghìn đồng/người/tháng)

Vicostone xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng, cạnh tranh và hợp lý theo phương pháp 3P (*Trả lương theo năng lực, vị trí, hiệu quả công việc*) và trả lương theo năng suất, sản lượng đối với khối sản xuất và doanh thu bán hàng đối với khối kinh doanh nội địa. Mức lương của CBCNV được xác định theo đúng vị trí chức danh công việc, với những tiêu chí đánh giá rõ ràng và mang tính định lượng, đảm bảo phù hợp với năng lực và kết quả công việc đạt được. Công ty thực hiện chế độ tăng lương định kỳ khuyến khích người lao động có trình độ và tay nghề cao.

Bên cạnh đó, Công ty bổ sung các chính sách về phụ cấp phục vụ công việc như bồi dưỡng, phụ cấp công tác (xăng xe, điện thoại, công tác phí...) giúp người lao động yên tâm làm việc.

Chính sách lương thưởng được gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh như thưởng thành tích, hiệu quả công việc hàng tháng, thưởng kinh doanh, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thưởng cho tập thể và CBCNV có thành tích xuất sắc (tập thể tiêu biểu, Người lao động tiêu biểu), có đóng góp cho Công ty. Ngoài ra, Vicostone còn có chế độ thưởng các ngày Lễ lớn như (Tết Dương Lịch, Tết Nguyên đán, Lễ 30/4 và 1/5, Lễ Quốc khánh 2/9), nghỉ mát hàng năm, thành lập Công ty...

1.4 Chính sách phúc lợi

Công ty cam kết và luôn thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động. Hàng năm, bên cạnh loại hình bảo hiểm bắt buộc (BHYT, BHXH, BHTN), Công ty còn đăng ký gói bảo hiểm sức khỏe đặc biệt cho người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe của người lao động được chăm sóc tốt nhất, giảm thiểu mức độ rủi ro về tài chính khi không may gặp rủi ro về sức khỏe khiến cho người lao động cảm thấy được quan tâm chu đáo.

STT	Các loại hình bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm năm 2018 (VNĐ)	Ghi chú
1	Bảo hiểm xã hội	8.865.192.201	Các loại hình bảo hiểm theo quy định bắt buộc của Bộ Luật lao động
2	Bảo hiểm y tế	1.600.212.640	
3	Bảo hiểm thất nghiệp	759.757.364	
4	Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	90.246.053	
5	Bảo hiểm sức khỏe, trong đó:	554.286.000	Bảo hiểm không bắt buộc.
5.1	<i>Ban lãnh đạo</i>	75.000.000	
5.2	<i>Cán bộ quản lý</i>	95.000.000	
5.3	<i>Cán bộ công nhân viên</i>	384.286.000	
	Tổng cộng	11.869.694.258	

Năm 2018, Công ty đã triển khai mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế của bảo hiểm Pjico cho CBCNV với mức phí bảo hiểm là hơn 550 triệu đồng.

Từ tháng 3/2018, Vicostone bắt đầu áp dụng chế độ nghỉ thêm 2 ngày trong tháng ngoài 4 ngày nghỉ cố định. Việc giảm số ngày làm việc, tăng thời gian nghỉ ngơi cho toàn bộ CBCNV Công ty nhằm mục đích để người lao động có thêm thời gian thư giãn, tái tạo sức lao động và cân bằng giữa công việc và cuộc sống, từ đó khi quay trở lại với công việc sẽ nâng cao sự tập trung cũng như năng suất làm việc. Bắt đầu từ tháng 1/2019, Vicostone đã thực hiện chế độ nghỉ tất cả các thứ 7 và chủ nhật cho CBCNV khối gián tiếp và nghỉ luân phiên 8 ngày/tháng đối với CBCNV khối trực tiếp – điều mà ít doanh nghiệp có thể thực hiện được, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất.

2. Thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao

Với tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng chiến lược, yêu cầu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, việc giữ chân những nhân sự chủ chốt, nhân sự có chất lượng cao luôn là bài toán đặt ra với bộ phận nhân sự và Ban lãnh đạo Công ty. Việc này đòi hỏi phải đưa ra được những chính sách đãi ngộ phù hợp và hệ thống quản trị nội bộ, cũng như các chính sách đào tạo, đánh giá, ghi nhận thành tích công bằng để gia tăng sự gắn kết giữa người lao động với công ty.

2.1 Công bằng trong lương, thưởng, tương xứng với giá trị đóng góp

Chính sách lương, thưởng là một trong bốn yếu tố trọng tâm của chiến lược nguồn nhân lực Tập đoàn Phenikaa nói chung và Vicostone nói riêng. Thông qua việc xây dựng chế độ lương, thưởng cạnh tranh, Vicostone luôn ghi nhận và cam kết tương xứng đáng với những nỗ lực và đóng góp của từng cá nhân vào thành công của Công ty.

Ở Vicostone, mức thu nhập cố định của người lao động phải đảm bảo tối thiểu mức sống cho người lao động và có tính cạnh tranh so với thị trường. Vicostone thực hiện chính sách thu hút riêng cho từng nhóm nhân lực trên cơ sở phân nhóm đối tượng công việc theo giá trị chiến lược của công việc đó.

Tại Vicostone, năng lực thực hiện công việc là yếu tố quyết định khi tuyển dụng, bổ nhiệm. Từ quan điểm quản trị nhân sự này, Vicostone đã áp dụng hệ thống đánh giá BSC và KPIs, là công cụ đo lường hiệu quả công việc của từng người lao động. Công cụ này giúp Ban lãnh đạo và Cán

bộ quản lý đánh giá công bằng, minh bạch, kịp thời năng lực và định hướng công việc cho nhân viên của mình theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

Hệ thống lương 3P tạo động lực cho người lao động với chính sách trả lương công bằng, tương xứng với năng lực, đồng thời khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc khi thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, của Công ty.

2.2 Đánh giá và ghi nhận

Người lao động được công nhận những đóng góp, thành tích của mình dưới nhiều hình thức. Hàng năm, công ty tiến hành bình chọn “Chiến sĩ thi đua”, “Lao động tiên tiến”. Ngoài ra, tại Hội nghị tổng kết năm 2018, công ty vinh danh và trao thưởng cho 04 “Tập thể Vicostone tiêu biểu”, 04 “Cán bộ quản lý tiêu biểu”, 32 “Người lao động tiêu biểu” với tổng số tiền thưởng cho các tập thể cá nhân tiêu biểu là 585 triệu đồng.

Nhằm ghi nhận tinh thần sáng tạo và không ngừng cải tiến, hàng tháng, Vicostone trao giải thưởng cho ý tưởng Kaizen hay nhất. Trong năm 2018, đã có tổng số 850 Kaizen được ghi nhận và 613 Kaizen được đưa vào thực tế vận hành mang lại giá trị hơn 4,91 tỷ đồng.

Công ty cũng thực hiện chế độ thưởng đột xuất cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực nghiên cứu, sáng tạo.

Trong ấn phẩm tập san hàng Quý của Tập đoàn PHENIKAA luôn có bảng tên vinh danh: “Tập thể tiêu biểu”, “Cán bộ quản lý tiêu biểu”, “Người lao động tiêu biểu”. Đó là một cách để Tập đoàn ghi nhận những đóng góp nỗ lực mà người lao động đã đem lại cho Công ty.

2.3 Đa dạng hóa các chương trình đào tạo

Vicostone đặt ưu tiên hàng đầu đối với công tác đẩy mạnh hoạt động đào tạo và phát triển nguồn lực nội bộ, phát triển nghề nghiệp của nhân viên. Việc cập nhật kiến thức chuyên môn và hoàn thiện kỹ năng làm việc được đánh giá là một trong những yếu tố đánh giá mức độ hoàn thành công việc, và là điều kiện để được đề bạt, bổ nhiệm.

Các khóa học tại Vicostone được chia thành 4 mảng chính:

- Nâng cao trình độ chuyên môn sâu;
- Phát triển các kỹ năng mềm, ngoại ngữ;
- Chương trình đào tạo nhân viên mới;
- Kỹ năng quản lý, lãnh đạo.

Bên cạnh chính sách thu hút nhân sự chất lượng cao từ bên ngoài, với đặc thù về công nghệ sản xuất độc quyền, Vicostone xác định rõ chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chủ yếu từ nguồn nhân lực nội bộ nhằm đảm bảo tính bền vững của Công ty.

Với định hướng đó, Vicostone tạo lập hệ thống tri thức nội bộ thông qua việc xây dựng tủ sách Vicostone, đào tạo nguồn giảng viên nội bộ và có chính sách khuyến khích tổ chức các chương trình đào tạo do chính cán bộ công nhân viên là giảng viên. Vicostone đã tổ chức chương trình đào tạo “Training for Trainer” và cấp chứng chỉ Giảng viên nội bộ cho các cán bộ quản lý, kỹ sư có trình độ chuyên môn sâu, kỹ năng giảng dạy tốt, từ đó đảm bảo xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn sâu, chia sẻ các kiến thức rộng rãi, nâng tầm nguồn nhân lực.

Vicostone còn tổ chức một số chương trình đào tạo được thiết kế riêng cho Công ty như “Giám đốc sản xuất”, “Giám đốc chất lượng”, “Chương trình đào tạo Tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật”. Các chương trình đào tạo trang bị cho nhân viên, cán bộ có năng lực và tố chất thực tập làm

Giám đốc sản xuất, Giám đốc chất lượng để giải quyết các khó khăn, thách thức hiện có của Công ty. Cách này đã giúp Công ty xây dựng được đội ngũ nhân viên nòng cốt, tạo cảm hứng cho phong trào học tập và rèn luyện không ngừng để góp phần phát triển trong toàn Công ty.

Công ty tập trung xây dựng và lan toả văn hoá đọc, chia sẻ tri thức. Thư viện sách được thành lập từ tháng 4/2018 với hàng ngàn đầu sách thuộc nhiều lĩnh vực. Định kỳ tháng, hoạt động chia sẻ sách hay được tiến hành tại cuộc giao ban tháng dành cho Cán bộ quản lý và sách cũng là quà tặng cho các CBQL sinh nhật trong tháng. Ngoài ra, công ty cũng sử dụng kênh truyền thông mạng xã hội để truyền thông định kỳ tháng về văn hoá đọc, chia sẻ những cuốn sách hay về quản lý, làm việc nhóm, kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.

2.4 Tạo dựng một môi trường làm việc tích cực và gắn kết

Vicostone xây dựng môi trường làm việc trên sáu yếu tố chính: **Trung thực, tôn trọng, dũng cảm, hợp tác, kỷ luật và liêm chính.** Người lao động được khuyến khích nêu lên các ý kiến, thắc mắc về tất cả các lĩnh vực, thông qua diễn đàn nội bộ, khảo sát hàng năm hoặc qua trao đổi trực tiếp, qua email đến Ban lãnh đạo và quản lý của Vicostone. Các ý kiến đó đều được giải quyết hoặc được ghi nhận để làm cơ sở cho việc cải tiến các quy trình, quy định đã ban hành. Vicostone đề cao tinh thần phản biện, dám phản biện. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng trong việc đào tạo và phát triển nhân viên.

Công ty áp dụng hệ thống ISO 9001, hệ thống quy trình quy định rõ ràng trong tất cả các lĩnh vực công việc; các tài liệu, biểu mẫu hướng dẫn được cập nhật tại các phòng ban, phổ biến đến từng người lao động khi mới tiếp nhận công việc; các bước làm việc phối hợp được quy định rõ và cụ thể thông qua quy chế hoạt động của Công ty. Điều này giúp Lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động trong Công ty thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách nhịp nhàng, chuyên nghiệp, bài bản và rõ ràng.

Việc đạt được chứng nhận hệ thống trách nhiệm xã hội SA8000 và Hệ thống An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS18001 tại Vicostone chính là lời cam kết của Công ty về việc tạo ra môi trường làm việc an toàn cho mỗi người lao động.

Truyền thông nội bộ cũng là một yếu tố quan trọng để xây dựng môi trường làm việc tích cực, góp phần truyền tải thông tin hai chiều giữa Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động trong Công ty. Vicostone sử dụng đa dạng các kênh truyền thông: website, hệ thống email, gặp mặt trực tiếp giữa Tổng giám đốc và Nhân viên định kỳ, Tập san, kênh Facebook, họp giao ban nhằm tăng cường chia sẻ và cập nhật thông tin như chính sách mới, thông tin về bảo hiểm, các sự kiện tiêu biểu... Bằng cách này Công ty tạo ra những luồng trao đổi thông tin cởi mở, đa chiều giữa quản lý và nhân viên, giữa nhân viên và nhân viên.

2.5 Tạo sự gắn bó cho người lao động

Định kỳ hàng năm, công ty tiến hành khảo sát chỉ số hạnh phúc của nguồn nhân lực nhằm đánh giá và có hành động thiết thực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và gia tăng sự gắn kết của người lao động với công ty. Năm 2018, tỷ lệ hạnh phúc của người lao động Vicostone đạt 70.1%, giữ khoảng cách xa so với tỷ lệ hạnh phúc toàn thị trường Việt Nam là 53.9% (theo số liệu Báo cáo Khảo sát nguồn nhân lực hạnh phúc năm 2017 của đơn vị khảo sát độc lập Anphabe). Tỷ lệ hạnh phúc cao thể hiện mức độ gắn kết của nhân viên với Công ty cao, nhân viên có sự gắn kết với công ty, luôn nỗ lực cho sự phát triển chung của Công ty và mong muốn gắn bó lâu dài với Công ty.

Năm 2018, hoạt động xây dựng đội nhóm (team building) cũng được tổ chức thường xuyên với sự tham gia của gần 600 nhân viên trong các dịp: Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, kỷ niệm ngày thành lập Công ty.

Công ty thiết lập các kênh truyền thông đa dạng để cung cấp thông tin và trao đổi thông tin trong tập thể. Định kỳ quý, Công ty phát hành Tập san Phenikaa tới cán bộ công nhân viên nhằm cung cấp tri thức mới và chia sẻ những câu chuyện văn hóa và môi trường làm việc tới khách hàng, đối tác, người thân của CBCNV. Hoạt động nhóm trên Facebook “Gia đình Phenikaa” có sự tham gia của gần 1.000 thành viên, liên tục cập nhật tức thời những thông tin mới nhất mang tính thời sự và những câu chuyện về cách người lao động nuôi dưỡng và phát triển giá trị văn hóa tại Phenikaa nói chung và Vicostone nói riêng.

Nhằm đảm bảo sự thấu hiểu và đồng lòng giữa lãnh đạo và toàn bộ nhân viên, hàng năm, Công ty tổ chức gặp mặt Tất Niên và Tân Niên giữa Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên để cùng nhìn lại những thành tựu và bài học nổi bật của năm cũ và thống nhất thông điệp và ưu tiên của năm mới từ Ban lãnh đạo Công ty. Hoạt động tổng kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm, kết hợp với hoạt động vinh danh Cán bộ quản lý, Cá nhân, Tập thể tiêu biểu năm được duy trì thường xuyên, thiết lập cơ chế ghi nhận, vinh danh và chia sẻ thông tin tới các cán bộ nhân viên trong tổ chức.

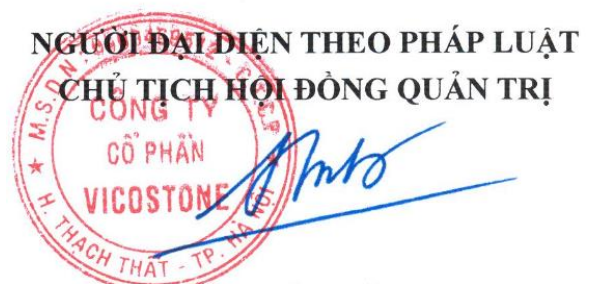
Để tạo sự gắn kết, tương tác nhiều hơn giữa các tập thể và cá nhân người lao động, hàng năm Vicostone tăng cường tổ chức nhiều hoạt động kết nối tập thể bao gồm:

- Các hoạt động thể thao như bóng đá nam – nữ, cầu lông,...
- Cuộc thi trí tuệ “Vòng tròn bí ẩn” với mục đích tìm hiểu về các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, văn hóa và các giá trị của Công ty.
- Ngày hội tay nghề, thi đấu thể hiện tài năng và đam mê của người Vicostone

Trong hành trình xây dựng và phát triển, Vicostone đã và đang nỗ lực không ngừng để chinh phục khát vọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, vì chúng tôi tin rằng nguồn nhân lực tốt nhất sẽ mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác, xã hội và chính người lao động của Công ty Vicostone. Với những nỗ lực không ngừng, chúng tôi đang dần “**hiện thực hóa mọi cam kết**” để tạo dựng một môi trường làm việc lý tưởng, giúp người lao động luôn gắn kết, đóng góp hết mình, mang lại giá trị bền vững cho doanh nghiệp, xã hội, đồng thời Công ty sẽ có cơ hội trao gửi lại các giá trị bền vững cho tất cả nhân viên, đúng như khẩu hiệu của Tập đoàn.



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VICOSTONE
H. THẠCH THÁT - TP. HÀ NỘI



HỒ XUÂN NẴNG

Công ty Cổ phần Vicostone

Báo cáo tài chính (đã kiểm toán)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 37

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 02 tháng 6 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	
Bà Trần Thị Phương Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Công	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phạm Anh Tuấn được Ông Hồ Xuân

Năng ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 171/2017/UQ-Vicostone ngày 25 tháng 4 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty, do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký) _____

Tổng Giám đốc

Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60999244/20160258

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vicostone

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như

kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

(Đã ký)

Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

(Đã ký)

Trịnh Xuân Hòa

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	TÀI SẢN	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.794.495.007.360	3.291.343.374.668
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	427.351.751.020	656.279.062.859
111	1. Tiền		292.851.751.020	131.779.062.859
112	2. Các khoản tương đương tiền		134.500.000.000	524.500.000.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		-	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	30.000.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		1.249.984.440.619	951.290.523.619
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.219.015.670.542	906.612.938.608
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		29.809.324.436	42.045.333.801
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		50.129.329	50.129.329
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		2.014.625.084	3.487.430.653
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(905.308.772)	(905.308.772)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	6	1.986.792.777.928	1.513.931.435.283
141	1. Hàng tồn kho		1.991.574.856.306	1.525.067.072.548
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.782.078.378)	(11.135.637.265)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		130.366.037.793	139.842.352.907
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.826.553.049	1.611.134.018
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		128.539.484.744	96.848.824.774
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	41.382.394.115
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		609.832.297.541	518.411.252.031
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		30.000.000	30.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		548.662.662.740	483.762.757.473
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	537.227.636.517	470.008.133.033
222	Nguyên giá		1.255.459.757.371	1.179.779.154.597
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(718.232.120.85)	

			4)	(709.771.021.56 4)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	11.435.026.223	13.754.624.440
228	Nguyên giá		27.088.415.497	27.088.415.497
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.653.389.274)	(13.333.791.057)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		40.498.242.919	20.669.627.555
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	40.498.242.919	20.669.627.555
260	IV. Tài sản dài hạn khác		20.641.391.882	13.948.867.003
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	20.641.391.882	13.948.867.003
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.404.327.304.90 1	3.809.754.626.69 9

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.673.774.768.63 2	1.413.864.163.27 7
310	I. Nợ ngắn hạn		1.673.444.027.38 0	1.413.416.219.22 5
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	334.440.208.138	431.409.986.668
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.757.675.757	7.093.786.275
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	64.577.863.183	1.011.270.925
314	4. Phải trả người lao động		229.287.988	3.771.949.853
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	89.425.707.048	531.594.464
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	1.150.561.555.55 5	955.024.601.355
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	24.451.729.711	14.573.029.685
330	II. Nợ dài hạn		330.741.252	447.944.052
343	1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		330.741.252	447.944.052
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.730.552.536.26 9	2.395.890.463.42 2
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	2.730.552.536.26 9	2.395.890.463.42 2
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.600.000.000.00 0	800.000.000.000
411 a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.600.000.000.00 0	800.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.800.000	60.800.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(240.431.166.590)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		88.958.137.122	88.958.137.122
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.281.964.765.73 7	1.506.871.526.30 0
421 a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		497.902.309.476	534.648.902.854
421 b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		784.062.456.261	972.222.623.446
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.404.327.304.90 1	3.809.754.626.69 9

(Đã ký)

Người lập biểu

Nguyễn Phương Anh

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

(Đã ký)

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

(Đã ký)

Tổng Giám đốc

Phạm Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	4.522.435.184.761	4.352.524.092.876
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	839.071.951	-
10	3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	18.1	4.521.596.112.810	4.352.524.092.876
11	4. Giá vốn hàng bán	19	3.025.953.450.218	3.085.309.497.515
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)		1.495.642.662.592	1.267.214.595.361
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	41.397.309.947	54.377.404.040
22	7. Chi phí tài chính	20	69.868.203.492	48.814.490.753
23	<i>Trong đó:</i>		32.204.626.279	40.596.080.433
25	8. Chi phí bán hàng	21	99.926.387.202	95.648.232.925
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	46.095.744.750	52.199.633.236
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		1.321.149.637.095	1.124.929.642.487
31	11. Thu nhập khác		1.509.915.834	1.178.903.601
32	12. Chi phí khác		4.148.980.489	1.096.988.069
40	13. (Lỗ)/lãi khác (40 = 31 - 32)		(2.639.064.655)	81.915.532
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		1.318.510.572.440	1.125.011.558.019
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	194.966.717.351	3.233.701.436
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)		1.123.543.855.089	1.121.777.856.583
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	6.548	6.520
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	6.548	6.520

(Đã ký)

Người lập biểu

Nguyễn Phương Anh

(Đã ký)

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

(Đã ký)

Tổng Giám đốc

Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		1.318.510.572.440	1.125.011.558.019
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình		73.311.383.678	69.515.393.902
03	Hoàn nhập dự phòng		(6.353.558.887)	(9.351.468.914)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		14.558.364.655	(2.542.157.433)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.788.956.248)	(32.427.146.147)
06	Chi phí lãi vay	20	32.204.626.279	40.596.080.433
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.421.442.431.917	1.190.802.259.860
09	Tăng các khoản phải thu		(338.745.283.287)	(253.598.141.064)
10	Tăng hàng tồn kho		(466.507.783.758)	(46.261.328.719)
11	Giảm các khoản phải trả		(104.162.599.172)	(12.968.875.438)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(6.907.943.910)	3.250.173.887
14	Tiền lãi vay đã trả		(32.204.626.279)	(40.596.080.433)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(90.110.382.305)	(88.050.389.739)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(61.771.915.626)	(45.254.691.969)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		321.031.897.580	707.322.926.385
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(151.732.739.001)	(83.893.283.198)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		91.909.000	110.000.000
23	Tiền chi cho vay		(2.200.000.000)	(32.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các		32.200.000.000	2.200.000.000

	công cụ nợ của đơn vị khác			
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	40.487.040.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.705.402.612	12.271.399.748
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(110.935.427.389)	(61.024.843.450)

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Tiền chi trả mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(240.431.166.590)	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.774.781.625.802	1.651.455.987.647
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.582.405.125.369)	(1.956.498.149.142)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(388.181.228.100)	(120.012.199.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(436.235.894.257)	(425.054.360.995)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(226.139.424.066)	221.243.721.940
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		656.279.062.859	433.971.607.316
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.787.887.773)	1.063.733.603
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	427.351.751.020	656.279.062.859

(Đã ký)

Người lập biểu

Nguyễn Phương Anh

(Đã ký)

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

(Đã ký)

Tổng Giám đốc

Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 682 (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 640 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt

động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc, thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Sổ nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
dụng cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi
sản xuất, kinh doanh dở - phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên
dang mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình
quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 12 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 48 năm 7 tháng 19 ngày. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu

phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	884.341.985	502.612.218
Tiền gửi ngân hàng	291.967.409.035	131.276.450.641
Các khoản tương đương tiền	134.500.000.000	524.500.000.000
TỔNG CỘNG	427.351.751.020	656.279.062.859

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VNĐ tại ngân hàng, có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất từ 4,96% – 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5% – 5,5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	588.695.638.554	586.204.055.465
- Công ty Pental Granite & Marble	131.437.062.376	233.990.119.790
- Công ty Australian Stone Design Marble Work	194.563.368.623	195.066.593.236

- Công ty Vicostone Canada Inc	152.965.902.228	105.538.605.101
- Các khoản phải thu khách hàng khác	109.729.305.327	51.608.737.338
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	630.320.031.988	320.408.883.143
TỔNG CỘNG	1.219.015.670.542	906.612.938.608
Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng	(905.308.772)	(905.308.772)

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	54.474.340.275	-	56.557.798.286	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	124.253.280.221	-	105.223.708.093	-
Công cụ, dụng cụ	74.626.818.042	-	43.829.087.955	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.482.115.768	-	32.146.742.719	-
Thành phẩm	365.744.912.305	(4.782.078.378)	344.190.041.140	(11.135.637.265)
Hàng hóa	1.357.993.389.695	-	943.119.694.355	-
TỔNG CỘNG	1.991.574.856.306	(4.782.078.378)	1.525.067.072.548	(11.135.637.265)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(11.135.637.265)	(20.635.369.482)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	6.353.558.887	9.499.732.217
Số cuối năm (*)	(4.782.078.378)	(11.135.637.265)

(*) Đây là khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Phòng Vật tư, Phòng Quản lý Chất lượng và Ban Kinh doanh của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	156.502.943.5 25	977.496.108.332	26.677.851.88 9	13.551.852.75 5	5.550.398.096	1.179.779.154.59 7
- Mua trong năm	5.007.363.193	129.216.867.713	465.000.000	3.639.260.839	-	138.328.491.745
- Thanh lý trong năm	(134.177.272)	(56.963.313.603)	-	-	(5.550.398.096)	(62.647.888.971)
Số cuối năm	161.376.129.4 46	1.049.749.662.44 2	27.142.851.88 9	17.191.113.59 4	-	1.255.459.757.37 1
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	47.929.277.67 6	217.751.332.364	12.594.270.15 8	6.457.249.173	-	284.732.129.371
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	94.744.017.29 9	579.512.532.898	19.669.836.51 7	10.294.236.75 4	5.550.398.096	709.771.021.564
- Khấu hao trong năm	8.765.064.281	58.038.203.740	2.105.693.128	2.200.027.112	-	71.108.988.261
- Thanh lý trong năm	(134.177.272)	(56.963.313.603)	-	-	(5.550.398.096)	(62.647.888.971)
Số cuối năm	103.374.904.3 08	580.587.423.035	21.775.529.64 5	12.494.263.86 6	-	718.232.120.854

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>61.758.926.226</u>	<u>397.983.575.434</u>	<u>7.008.015.372</u>	<u>3.257.616.001</u>	<u>-</u>	<u>470.008.133.033</u>
Số cuối năm	<u>58.001.225.138</u>	<u>469.162.239.407</u>	<u>5.367.322.244</u>	<u>4.696.849.728</u>	<u>-</u>	<u>537.227.636.517</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	27.050.415.497	38.000.000	27.088.415.497
Số cuối năm	27.050.415.497	38.000.000	27.088.415.497
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.300.827.400	38.000.000	1.338.827.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	13.295.791.057	38.000.000	13.333.791.057
- Hao mòn trong năm	2.319.598.217	-	2.319.598.217
Số cuối năm	15.615.389.274	38.000.000	15.653.389.274
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	13.754.624.440	-	13.754.624.440
Số cuối năm	11.435.026.223	-	11.435.026.223

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các dự án xây dựng cơ bản dở dang	40.130.255.856	19.081.401.704
Mua sắm	367.987.063	1.588.225.851
TỔNG CỘNG	40.498.242.919	20.669.627.555

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước (*)	6.662.260.726	6.936.993.127
Công cụ, dụng cụ	4.410.483.626	2.523.846.756
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.038.767.637	1.275.170.015
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.529.879.893	3.212.857.105
TỔNG CỘNG	20.641.391.882	13.948.867.003

(*) Đây là khoản thanh toán lần 2 tiền thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng và thông tin cụ thể được trình bày cụ thể ở Thuyết minh số 7.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
- SHCP Pte, Ltd.	29.466.524.250	29.466.524.250	93.652.537.500	93.652.537.500
- Eternal Materials Co., Ltd.	32.059.652.768	32.059.652.768	60.847.424.000	60.847.424.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	109.631.361.356	109.631.361.356	151.422.979.862	151.422.979.862
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	163.282.669.764	163.282.669.764	125.487.045.306	125.487.045.306
TỔNG CỘNG	334.440.208.138	334.440.208.138	431.409.986.668	431.409.986.668
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(41.382.394.115)	194.966.717.351	(90.110.382.305)	63.473.940.931
Thuế xuất, nhập khẩu	65.787.561	8.311.305.588	(7.890.912.969)	486.180.180
Thuế thu nhập cá nhân	945.483.364	10.927.216.971	(11.254.958.263)	617.742.072
Thuế và các khoản phải nộp	-	124.848.107.280	(124.848.107.280)	-

khác

TỔNG CỘNG **(40.371.123.190)** **339.053.347.190** **(234.104.360.817)** **64.577.863.183**

Trong đó:

Thuế phải nộp 1.011.270.925 64.577.863.183

Thuế phải thu (41.382.394.115) -

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

Số cuối năm

Số đầu năm

Ngắn hạn

Cổ tức phải trả 1.481.757.825 465.891.925

Các khoản phải trả, phải nộp khác 341.043.223 65.702.539

Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan
(Thuyết minh số 25) 87.602.906.000 -

TỔNG CỘNG **89.425.707.048** **531.594.464**

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn	955.024.601.355	955.024.601.355	1.777.942.079.569	1.582.405.125.369	1.150.561.555.555	1.150.561.555.555

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>
	<i>VND</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	342.369.376.253	14.725.565	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Sở giao dịch	185.177.173.838	7.968.037	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 1 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019
Ngân hàng BNP PARIBAS – Chi nhánh Hà Nội	181.703.312.148	7.808.479,25	Lãi phải trả hàng tuần, gốc phải trả trong tháng 2 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	171.851.188.301	7.393.039	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	139.917.826.780	6.019.266	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Thành	59.036.009.400	2.539.183	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 1 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	30.516.864.875	1.313.118	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 2 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	30.988.913.200	1.333.430	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 5 năm 2019
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	8.070.268.200	-	Lãi và gốc phải trả vào tháng 2 năm 2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi	930.622.560	40.044	Lãi và gốc phải trả vào tháng 7 năm 2019

nhánh Láng Hòa Lạc

TỔNG CỘNG

1.150.561.555.555 49.140.161,25

Toàn bộ các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là vay tín chấp.

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	14.573.029.685	17.301.473.378
Trích quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	71.650.615.652	42.526.248.276
Sử dụng quỹ trong năm	(61.771.915.626)	(45.254.691.969)
Số cuối năm	<u>24.451.729.711</u>	<u>14.573.029.685</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước						
Số đầu năm	600.000.000.000	60.800.000	-	61.780.736.819	774.797.318.296	1.436.638.855.115
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	27.177.400.303	(27.177.400.303)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(42.526.248.276)	(42.526.248.276)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	200.000.000.000	-	-	-	(200.000.000.000)	-
- Tạm chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.121.777.856.583	1.121.777.856.583
Số cuối năm	800.000.000.000	60.800.000	-	88.958.137.122	1.506.871.526.300	2.395.890.463.422
Năm nay						
Số đầu năm	800.000.000.000	60.800.000	-	88.958.137.122	1.506.871.526.300	2.395.890.463.422
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(71.650.615.652)	(71.650.615.652)

- Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	-	(240.431.166.590)	-	-	(240.431.166.590)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	800.000.000.000	-	-	-	(800.000.000.000)	-
- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 (*)	-	-	-	-	(160.000.000.000)	(160.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2018 (***)	-	-	-	-	(316.800.000.000)	(316.800.000.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.123.543.855.089	1.123.543.855.089
Số cuối năm	1.600.000.000.000	60.800.000	(240.431.166.590)	88.958.137.122	1.281.964.765.737	2.730.552.536.269

(*) Việc trích lập các quỹ, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018.

(**) Theo nghị quyết số 22/2018 NQ/VCS-QHCD ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng Quản trị của Công ty, Công ty đã thực hiện mua lại 3.200.000 cổ phiếu quỹ. Giao dịch này hoàn thành vào ngày 21 tháng 11 năm 2018.

(***) Việc tạm chia cổ tức năm 2018 được thực hiện theo Nghị quyết số 19/2018 NQ/VCS-HĐQT ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 24/2018 NQ/VCS-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty ban hành.

16.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	1.600.000.000.000	160.000.000	-	800.000.000.000	80.000.000	-

<i>Vốn góp của CTCPTập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A</i>	1.280.000.000.000	128.000.000	-	640.000.000.000	64.000.000	-
<i>Vốn góp của các đối tượng khác</i>	320.000.000.000	32.000.000	-	160.000.000.000	16.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	60.800.000	-	-	60.800.000	-	-
Cổ phiếu quỹ	(240.431.166.590)	(3.200.000)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.359.629.633.410	156.800.000	-	800.060.800.000	80.000.000	-

16.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	1.276.800.000.000	320.000.000.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.276.800.000.000</i>	<i>320.000.000.000</i>
Tạm chia cổ tức cho năm 2017 (2.000 VND/cổ phiếu)	-	120.000.000.000
Trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 20.000.000/60.000.000 mệnh giá/cổ phiếu)	-	200.000.000.000
Chia cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2017 (1.000 VND/cổ phiếu)	160.000.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2018 (1.000 VND/cổ phiếu)	160.000.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2018 (1.000 VND/cổ phiếu)	156.800.000.000	-
Trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 1:1)	800.000.000.000	-

16.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đã đăng ký phát hành	160.000.000	80.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	160.000.000	80.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>160.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	160.000.000	80.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	(3.200.000)	-
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>(3.200.000)</i>	-
Cổ phiếu phổ thông	(3.200.000)	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	156.800.000	80.000.000
Cổ phiếu phổ thông	156.800.000	80.000.000

Cổ phiếu ưu đãi - -

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2017: VND 10.000/cổ phiếu).

17. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	9.146.284	2.163.103
Euro (EUR)	382.588	421.691
Đô la Canada (CAD)	2.343.235	2.890.692

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	4.522.435.184.761	4.352.524.092.876
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>4.522.435.184.761</i>	<i>4.074.619.913.299</i>
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	-	<i>277.904.179.577</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(839.071.951)	-
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(839.071.951)</i>	-
Doanh thu thuần	4.521.596.112.810	4.352.524.092.876

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	-	20.055.746.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.691.907.335	22.050.257.892
Lãi tiền gửi	10.705.402.612	12.271.399.748
TỔNG CỘNG	41.397.309.947	54.377.404.040

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.315.440.431.776	2.198.573.059.545
Giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng đã bán	717.156.455.867	640.433.817.748
Giá vốn bất động sản chuyển nhượng	-	277.904.179.577
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	(19.436.473.292)
Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.353.558.887)	(9.499.732.217)
Giá vốn khác	(289.878.538)	(2.665.353.846)
TỔNG CỘNG	<u>3.025.953.450.218</u>	<u>3.085.309.497.515</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	32.204.626.279	40.596.080.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá	37.663.577.213	8.156.543.240
Chi phí tài chính khác	-	61.867.080
TỔNG CỘNG	<u>69.868.203.492</u>	<u>48.814.490.753</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí vận chuyển xếp dỡ	61.349.671.652	66.361.469.288
- Chi phí đóng hàng	10.720.258.475	8.311.680.933
- Chi phí bán hàng khác	27.856.457.075	20.975.082.704
TỔNG CỘNG	<u>99.926.387.202</u>	<u>95.648.232.925</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí lương quản lý	19.949.346.036	23.122.103.509
- Chi phí khấu hao	8.528.020.127	8.455.641.887

- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.618.378.587	20.621.887.840
TỔNG CỘNG	46.095.744.750	52.199.633.236

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	2.900.241.008.682	2.705.328.421.952
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	-	277.904.179.577
Chi phí nhân công	84.207.910.711	84.860.973.789
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	73.311.383.678	69.515.393.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.586.601.787	106.245.762.064
Chi phí khác	14.959.385.461	17.376.448.211
TỔNG CỘNG	3.182.306.290.319	3.261.231.179.495

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) như sau:

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 1 là dự án đầu tư ban đầu:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm bắt đầu từ khi Công ty đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2016, và 20% lợi nhuận chịu thuế trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006 đến năm 2008) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2009 đến năm 2015). Theo đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong kỳ là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 là dự án đầu tư mở rộng:

Dự án đầu tư vào nhà máy 2 của Công ty thỏa mãn điều kiện là dự án đầu tư mở rộng theo Thông tư 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”). Theo đó, Công ty áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, cụ thể là miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy 2 có lợi nhuận chịu thuế từ năm 2014. Tuy nhiên, Thông tư 96 chỉ áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015, do đó, thời gian miễn thuế của Công ty được tính từ năm 2015 đến năm 2017 và Công ty được giảm 50% thuế suất thuế TNDN

trong 9 năm tiếp theo (năm 2018 đến năm 2026). Do đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong kỳ là 10% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	193.231.308.456	112.471.382.572
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) các năm trước	1.735.408.895	(109.237.681.136)
TỔNG CỘNG	194.966.717.351	3.233.701.436

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.318.510.572.440	1.125.011.558.019
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng cho Công ty	263.702.114.488	225.002.311.604
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		

Các khoản phạt hành chính	564.609.039	1.206.231
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước (*)	1.735.408.895	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.358.444.397	105.491.909
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong kỳ này	-	(88.277.997)
Thuế TNDN được miễn, giảm	(73.393.859.468)	(112.549.349.175)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(109.237.681.136)
Chi phí thuế TNDN	194.966.717.351	3.233.701.436

(*) Đây là khoản truy thu thuế TNDN từ năm 2015 đến năm 2017 theo kết luận của Tổng cục thuế Hà Nội tại Quyết định số 1655/QĐ-TCT vào ngày 10 tháng 10 năm 2018.

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo địa điểm địa lý nơi Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một thị trường kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty được thực hiện trên các khu vực địa lý khác nhau và chủ yếu là hoạt động sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Hoạt động kinh doanh trong nước</i>	<i>Hoạt động kinh doanh xuất khẩu</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	1.295.941.289.723	3.225.654.823.087	4.521.596.112.810
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	-	-	-
Tổng doanh thu	1.295.941.289.723	3.225.654.823.087	4.521.596.112.810
Kết quả			

<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	255.220.404.353	1.245.891.534.409	1.501.111.938.762
<i>Giá vốn hàng bán không phân bổ</i>	-	-	(5.469.276.170)
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng</i>	-	-	1.495.642.662.592
<i>Thu nhập, chi phí không phân bổ</i>	-	-	(177.132.090.152)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	-	-	1.318.510.572.440
<i>Chi phí thuế TNDN</i>	-	-	(194.966.717.351)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	-	-	1.123.543.855.089
Tài sản và nợ phải trả			
<i>Tài sản bộ phận</i>	389.347.159.095	828.763.202.675	1.218.110.361.770
<i>Tài sản không phân bổ</i>	-	-	3.186.216.943.131
<i>Tổng tài sản</i>	-	-	4.404.327.304.901
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>	-	-	1.673.774.768.632
<i>Tổng nợ phải trả</i>	-	-	1.673.774.768.632
Các thông tin bộ phận khác			
<i>Chi phí hình thành tài sản cố định</i>	-	-	138.328.491.745
<i>Khấu hao</i>	-	-	73.428.586.478

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu			
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	1.195.757.526.414	3.156.766.566.462	4.352.524.092.876
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	-	-	-
<i>Tổng doanh thu</i>	1.195.757.526.414	3.156.766.566.462	4.352.524.092.876
Kết quả			
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	134.438.202.433	1.118.634.579.440	1.253.072.781.873
<i>Giá vốn hàng bán không phân bổ</i>	-	-	14.141.813.488
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng</i>	-	-	1.267.214.595.361
<i>Thu nhập, chi phí không phân bổ</i>	-	-	(142.203.037.342)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	-	-	1.125.011.558.019

<i>Chi phí thuế TNDN</i>	-	-	(3.233.701.436)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	-	-	1.121.777.856.583
Tài sản và nợ phải trả			
<i>Tài sản bộ phận</i>	98.903.181.595	806.804.448.241	905.707.629.836
<i>Tài sản không phân bổ</i>	-	-	2.904.046.996.863
<i>Tổng tài sản</i>	-	-	3.809.754.626.699
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>	-	-	1.413.864.163.277
<i>Tổng nợ phải trả</i>	-	-	1.413.864.163.277
Các thông tin bộ phận khác			
<i>Chi phí hình thành tài sản cố định</i>	-	-	5.012.945.100
<i>Khấu hao</i>	-	-	69.627.210.979

Các khoản giá vốn hàng bán không phân bổ chủ yếu bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và một số giá vốn khác không phân bổ được theo khu vực địa lý.

Các khoản thu nhập và chi phí ngoài giá vốn hàng bán, các tài sản ngoài nợ phải thu khách hàng và dự phòng phải thu tương ứng và các khoản nợ phải trả, do không tách riêng được mục đích cho từng hoạt động và không được phân bổ theo khu vực địa lý.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	801.260.219.582	756.383.493.613
		Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư	386.304.091.533	338.429.222.103
		Chuyển nhượng bất động sản	-	277.904.179.577
		Cổ tức phải trả	384.000.000.000	91.986.686.000
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	643.099.680.793	736.866.689.064
		Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm	358.584.601.812	318.339.938.228
Công ty TNHH	Công ty cùng	Doanh thu đá thành	641.403.162.286	515.991.134.652

Stylenquaza	chủ sở hữu	phẩm		
CTCP Chế tác đá Việt Nam	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua vật tư, hàng hóa	249.991.849.598	170.631.123.642
		Doanh thu bán đá thành phẩm, vật tư	308.784.413.377	136.934.436.287

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
CTCP Công nghiệp Trần Long	Công ty cùng chủ sở hữu	Doanh thu bán đá thành phẩm, vật tư	109.296.498.384	55.237.585.536
		Mua hàng hóa	39.207.226.392	-
CTCP Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Chi phí thi công	4.738.060.895	22.164.815.001
CTCP Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa, văn phòng phẩm	4.725.742.644	2.966.142.532
		Thuê mặt bằng	1.794.659.400	1.798.163.526
		Bán đá thành phẩm	-	306.730.809
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Công ty cùng chủ sở hữu	Doanh thu bán đá thành phẩm, vật tư	11.008.126.440	1.076.552.343

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng, dịch vụ với các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường, mức giá này được phê duyệt của Hội đồng Quản trị.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cầm giữ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 5 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá

này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 5)</i>				
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán đá thành phẩm	283.227.452.416	237.703.684.130
CTCP Chế tác đá Việt Nam	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán vật tư, thành phẩm	184.089.313.453	18.025.132.459
CTCP Công nghiệp Trần Long	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán vật tư, thành phẩm	152.760.686.798	63.495.858.977
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán vật tư, thành phẩm	10.242.579.321	1.184.207.577
			630.320.031.988	320.408.883.143
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>				
CTCP Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng tiền thi công xây dựng	-	1.195.967.453
			-	1.195.967.453

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 11)</i>				

CTCP Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền mua đá thành phẩm	45.307.057.052	83.643.900.069
CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua đá thành phẩm	116.013.165.671	40.920.714.433
CTCP Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	-	46.577.742
CTCP Tư vấn thiết kế và công nghệ Sitetech Toàn Cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về tư vấn thiết kế	-	72.720.000
CTCP Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền văn phòng phẩm, vật tư	1.962.447.041	803.133.062

163.282.669.764	125.487.045.306
------------------------	------------------------

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)

CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền cổ tức	87.602.906.000	-
			87.602.906.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	13.707.461.339	12.016.367.526
TỔNG CỘNG	13.707.461.339	12.016.367.526

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.123.543.855.089	1.121.777.856.583
Trích quỹ khen, thưởng phúc lợi (*)	78.648.069.856	78.524.449.961
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	1.044.895.785.233	1.043.253.406.622
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	159.574.777	160.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản</i>	<i>6.548</i>	<i>6.520</i>
<i>Lãi suy giảm</i>	<i>6.548</i>	<i>6.520</i>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối là 7% lợi nhuận sau thuế TNDN. Trong đó, phần đã tạm trích vào năm 2017 là 29,5 tỷ đồng và phần trích bổ sung trong năm 2018 là 48,9 tỷ đồng. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được ước tính dựa trên Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, trong đó, phần đã tạm trích trong năm 2018 là 22,7 tỷ đồng.

(**) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 80.000.000 cổ phiếu để trả cổ tức và mua lại 3.200.000 cổ phiếu quỹ như được trình bày ở thuyết minh 16. Theo đó, số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đã được điều chỉnh để phản ánh các giao dịch này.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm.

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1 – 5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	1.809.687.600	2.035.898.550
TỔNG CỘNG	<u>2.940.742.350</u>	<u>3.166.953.300</u>

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/ m²/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty còn phải thanh toán tiền thuê đất với số tiền là 4.343.104.373 đồng Việt Nam khi Công ty hoàn tất các thủ tục nhận và bàn giao đất.

Kiến tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria (“Cambria”), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapiaientia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày lập báo cáo tài chính này.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

_____ Người lập biểu	_____ Kế toán trưởng	_____ Tổng Giám đốc
Nguyễn Phương Anh	Nguyễn Thị Nga	Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2019